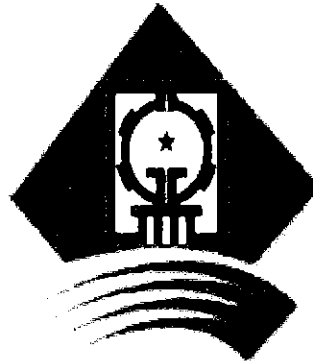


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HÙNG YÊN**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSPKTHY ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học SPKT Hưng Yên)

TÊN CHƯƠNG TRÌNH (Tiếng Việt): NGÔN NGỮ ANH

TÊN CHƯƠNG TRÌNH (Tiếng Anh): ENGLISH LINGUISTICS

MÃ SỐ NGÀNH ĐÀO TẠO: 52220201

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

CHUYÊN NGÀNH:

- 1. Ngôn ngữ Anh;**
- 2. Tiếng Anh thương mại;**

HÙNG YÊN, NĂM 2022

MỤC LỤC

TT	Học phần	Trang
1	Triết học Mác- Lênin	1
2	Kinh Tế Chính trị	16
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	35
4	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	56
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	77
6	Pháp luật đại cương	91
7	Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 1	114
8	Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 2	126
9	Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 3	139
10	Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 4	150
11	Ứng dụng CNTT cơ bản	161
12	Kỹ năng mềm	168
13	Đại cương về kinh tế và môi trường	179
14	Tâm lý học xã hội	194
15	Giáo dục thể chất 1,2,3	206
16	Giáo dục QP-AN	240
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	269
18	Tiếng Việt thực hành	283
19	Dẫn luận ngôn ngữ học	300
20	Ngôn ngữ học đối chiếu	313
21	Ngữ âm – Âm vị học	326
22	Ngữ nghĩa học	339
23	Ngữ pháp	350

24	Từ vựng học	362
25	Thụ đặc ngôn ngữ	373
26	Phân tích điển ngôn	385
27	Văn học Anh – Mỹ	394
28	Văn hóa Anh – Mỹ	406
29	Kỹ năng nghe 1	417
30	Kỹ năng nghe 2	428
31	Kỹ năng nghe 3	438
32	Kỹ năng nghe 4	450
33	Kỹ năng nghe 5	459
34	Kỹ năng nói 1	471
35	Kỹ năng nói 2	485
36	Kỹ năng nói 3	508
37	Kỹ năng nói 4	526
38	Kỹ năng nói 5	540
39	Kỹ năng đọc 1	552
40	Kỹ năng đọc 2	562
41	Kỹ năng đọc 3	572
42	Kỹ năng đọc 4	583
43	Kỹ năng đọc 5	592
44	Kỹ năng viết 1	610
45	Kỹ năng viết 2	622
46	Kỹ năng viết 3	634
47	Kỹ năng viết 4	645
48	Kỹ năng viết 5	658
49	Lý thuyết dịch	671

50	Dịch nói	681
51	Dịch viết	693
52	Phương pháp nghiên cứu khoa học	704
53	Tiếng Anh thương mại	717
54	Tiếng Anh Logistics	730
55	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	742
56	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 1	753
57	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 2	766
58	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 3	776
59	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 4	787
60	Tiếng Anh du lịch	797
61	Tiếng Anh bán hàng và thu mua	812
62	Kinh tế vi mô	822
63	Kinh tế vĩ mô	832
64	Viết tiếng Anh học thuật	844
65	Biên phiên dịch	856
66	Ngữ dụng học	867
67	Thực tập nhận thức công nghệ	878
68	Thực tập tốt nghiệp	884
69	Khóa luận tốt nghiệp	891

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
(Philosophy of Marxism and Leninism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sáng.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trường bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: caoxuansang091240980@gmail.com. Điện thoại: 0912240980

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trường khoa LLCT, Thạc sĩ
- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại: 0988716816

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trương Mạnh Dũng.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: tuongmanhdung@gmail.com, Điện thoại: 0975100568

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huệ.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: phanhue79@gmail.com, Điện thoại: 0388990636

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: thanhbinh7783@gmail.com, Điện thoại: 0919181983

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ.
- Email: phanhuanllct@gmail.com, Điện thoại: 0974923459

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn thị Toan.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngthitoann@gmail.com, Điện thoại: 0988849008

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thơm.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithom.llct@gmail.com, Điện thoại: 0974398938

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn thị Quê.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: Nguyenthique@yahoo.com, Điện thoại: 0974403296

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Trần An Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: binhtranan@yahoo.com, Điện thoại: 0913327833

1.11. Giảng viên 11:

- Họ và tên: Vũ Thị Thuý.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: yuthuydhspkthy@gmail.com, Điện thoại: 0934271086

1.12. Giảng viên 12:

- Họ và tên: Luyện Thị Hồng Hạnh.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: honghanhcdcnhy@gmail.com, Điện thoại: 0981081981

1.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hương.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lehuongllct@gmail.com, Điện thoại: 0394047896

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Triết học Mác - Lênin

2.2. Mã số: 911102

2.3. Khối lượng: 03 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Lý thuyết	Thảo luận, Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Thời gian			
Tiết/Giờ thực hiện	45	90	135

2.5. Học phân: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phân:

- Học phân tiên quyết: Bổ trí học kỳ I năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ nhất của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phân học trước: Không

- Học phân song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phân: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phân

Nội dung học phân gồm 3 chương, bao gồm: Chương 1. Triết học và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội; Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

4. Mục tiêu của học phân

Học phân trang bị cho người học:

* **Kiến thức:**

CO1: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất trên nền tảng khoa học về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong tự nhiên, xã hội và tư duy về hệ thống khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin

* **Kỹ năng:**

CO2: Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa cho sinh viên;

* **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO3: Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

5. Chuẩn đầu ra của học phân (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phân (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến lý luận cơ bản nhất trên nền tảng khoa học về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong tự nhiên, xã hội và tư duy về hệ thống khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Giải thích và vận dụng được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; Từ đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên .	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CL03	Từ những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, người học xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học Mác - Lênin	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 06 tiết

I. TRIẾT HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học
 - a. Nguồn gốc của triết học
 - b. Khái niệm triết học
 - c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử
 - d. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan
2. Vấn đề cơ bản của triết học
 - a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học
 - b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm
 - c. Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết
3. Biện chứng và siêu hình

- a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử
- b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin
 - a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

- b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác
 - c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện
 - d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin
- a. Khái niệm triết học Mác - Lênin
 - b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin
 - c. Chức năng của triết học Mác - Lênin
3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay
- a. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn
 - b. Triết học Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ
 - c. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

22 tiết

I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất
 - b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XI, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất
 - c. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất
 - d. Các hình thức tồn tại của vật chất
 - e. Tính thống nhất vật chất của thế giới
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- a. Nguồn gốc của ý thức
 - b. Bản chất của ý thức
 - c. Kết cấu của ý thức
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
- a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan
 - b. Khái niệm phép chứng duy vật
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật
- a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật
 - b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
 - c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- Các giai đoạn của quá trình nhận thức
5. Tính chất của chân lý

Chương 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

17 tiết

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
 - a. Phương thức sản xuất
 - b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
 - a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
 - b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên
 - a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội
 - b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người
 - c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
 - a. Giai cấp
 - b. Đấu tranh giai cấp
 - c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản
2. Dân tộc
 - a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc
 - b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc – nhân loại
 - a. Quan hệ giai cấp – dân tộc
 - b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại

III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

1. Nhà nước
 - a. Nguồn gốc của nhà nước
 - b. Bản chất của nhà nước
 - c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước
 - d. Chức năng cơ bản của nhà nước
 - e. Các kiểu và hình thức nhà nước
2. Cách mạng xã hội
 - a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội
 - b. Bản chất của cách mạng xã hội
 - c. Phương pháp cách mạng
 - d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

IV. Ý THỨC XÃ HỘI

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
 - a. Khái niệm tồn tại xã hội
 - b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội
 - a. Khái niệm ý thức xã hội
 - b. Kết cấu của ý thức xã hội
 - c. Tính giai cấp của ý thức xã hội
 - d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
 - e. Các hình thái ý thức xã hội
 - g. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

1. Khái niệm con người và bản chất con người
 - a. Con người là thực thể sinh học – xã hội
 - b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người
 - c. Con người vừa là chủ thể lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử
 - d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

- a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa
 b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức
 c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người
3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
- a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội
 b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Khoa Lý luận chính trị (2021), Bài giảng môn Triết học Mác - Lênin, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

8.2. Học liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

- Bộ giáo dục và đào tạo, triết học 3 quyển, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

- Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							
Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	6					12	18
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	9					18	27
Tín chỉ 2							
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp)	13					26	39
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	2					4	6
Tín chỉ 3							
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp)	15					30	45
Tổng cộng	45					90	135

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p><u>Chương 1</u> TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI I. TRIẾT HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA 1. Khái lược về triết học a. Nguồn gốc của triết học b. Khái niệm triết học c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử d. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan 2. Vấn đề cơ bản của triết học a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 3. Biện chứng và siêu hình a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</p>	Lí thuyết	03	<p>Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Triết học là gì? Khái niệm duy vật, duy tâm? Đối tượng của triết học?</p>	CO1 CO2 CO3
	<p>- Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết - Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</p>	Tự học, tự NC	06	Đọc 2.c; 3.b	
	<p>3. Biện chứng và siêu hình a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử + II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác</p>	Lí thuyết	03	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về thế giới quan và phương pháp luận</p>	CO1 CO2 CO3

	<p>2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p> <p>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</p> <p>b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin</p> <p>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</p>				
	Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	Tự học, tự NC	06	Đọc mục 3 (a,b,c)	
3	<p style="text-align: center;"><u>Chương 2</u></p> <p style="text-align: center;">CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p style="text-align: center;">VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC</p> <p>1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất</p> <p>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</p> <p>c. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất</p> <p>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</p>	Lí thuyết	3	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về vật chất và ý thức	CO1 CO2 CO3
	Tính thống nhất vật chất của thế giới	Tự học, tự NC	03	Đọc 2.c	
4	Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất	Tự học, tự NC	03	Chia thành 3 nhóm NC	
	<p>2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>a. Nguồn gốc của ý thức</p> <p>b. Bản chất của ý thức</p> <p>c. Kết cấu của ý thức</p> <p>3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</p>	Lí thuyết	03	Chuẩn bị để trả lời các câu hỏi về vật chất và ý thức	CO1 CO2 CO3

	<p>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>3. Mọi quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</p> <p>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</p>				
	Mọi quan hệ giữa vật chất và ý thức	Tự học, tự NC	06	3.b	
5	<p>II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</p> <p>b. Khái niệm phép chứng duy vật</p> <p>2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi liên quan mối quan hệ vật chất và ý thức	CO1 CO2 CO3
	Phép biện chứng duy vật	Tự học, tự NC	03	Đọc 1.b	
6	Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan	Tự học, tự NC	03	Chia thành 3 nhóm NC	CO1 CO2 CO3
	<p>II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p>	Lý thuyết	03	Chuẩn bị để trả lời các câu hỏi các cặp phạm trù	
7	<p>II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật (tiếp)</p> <p>2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật, bản chất của Đảng cộng sản	CO1 CO2 CO3
8	<p>II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật, bản chất của Đảng cộng sản	CO1 CO2 CO3
	Các cặp phạm trù Tất nhiên ngẫu nhiên; nội dung – hình thức; bản chất – hiện tượng; khả năng – hiện thực;	Tự học, tự NC	18	Đọc 2.b	

9	<p>III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC</p> <p>1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức</p>	Lí thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nhận thức và lý luận.	CO1 CO2 CO3
10	<p>5. Tính chất của chân lý; + <i>Chương 3</i></p> <p>CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</p> <p>I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>a. Phương thức sản xuất</p> <p>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p>	Lí thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nhận thức và lý luận và học thuyết HTKTXH	
	Các giai đoạn nhận thức	Tự học, tự NC	08	Đọc III.4	
	- Các quy luật - cấp phạm trù - Thực tiễn	Tự học, tự NC	04	Chia 3 nhóm NC	CO1 CO2 CO3
11	<p><i>Chương 3</i></p> <p>CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (Tiếp)</p> <p>I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất (tiếp)</p> <p>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p>	Lí thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Lực lượng sản xuất	CO1 CO2 CO3
	- Vận dụng quy luật vào đổi mới	Tự học, tự NC	06	Đọc 3.b	
12	<p>4. Sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p>a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Hình thái kinh tế - xã hội	CO1 CO2 CO3

	<p>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</p> <p>5 II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC</p> <p>1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>a. Giai cấp</p> <p>b. Đấu tranh giai cấp</p> <p>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</p> <p>2. Dân tộc</p> <p>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</p> <p>b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</p>				
	- Vận dụng hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Tự học, tự NC	03	Chia thành 3 nhóm NC	
	Mối quan hệ kinh tế và chính trị ở Việt Nam	Tự học, tự NC	03	Chia thành 3 nhóm NC	
13	<p>3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>a. Quan hệ giai cấp – dân tộc</p> <p>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</p> <p>III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI</p> <p>1. Nhà nước</p> <p>a. Nguồn gốc của nhà nước</p> <p>b. Bản chất của nhà nước</p> <p>c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</p> <p>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</p> <p>2. Cách mạng xã hội</p> <p>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</p> <p>b. Bản chất của cách mạng xã hội</p> <p>c. Phương pháp cách mạng</p> <p>d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: về giai cấp và các kiểu nhà nước	CO1 CO2 CO3
	Vấn đề giai cấp ở Việt Nam hiện nay	Tự học, tự NC	03	Đọc 2.a	
	Giai cấp – dân tộc – nhân loại	Tự học, tự NC	06	Đọc 3.b	
14	<p>IV. Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>a. Khái niệm tồn tại xã hội</p> <p>b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p>	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về đời sống vật chất và đời sống tinh thần	CO1 CO2 CO3

	2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội a. Khái niệm ý thức xã hội b. Kết cấu của ý thức xã hội c. Tính giai cấp của ý thức xã hội d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội e. Các hình thái ý thức xã hội				
	Các yếu tố của tồn tại xã hội	Tự học tự NC	03	Chia 3 nhóm NC	
	Xây dựng đời sống xã hội ở VN hiện nay	Tự học tự NC	03	Chia 3 nhóm NC	
15	g. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. + V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 1. Khái niệm con người và bản chất con người 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3. Quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về bản chất con người	CO1 CO2 CO3
	Điều kiện cho sự phát triển tự do của con người	Tự học tự NC	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi liên quan đến Bản chất con người	
	Nguồn lực con người Việt Nam hiện nay	Thảo luận	03	Chia thành 3 nhóm NC	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các khái niệm, Phạm trù, quy luật, các nội dung lý thuyết liên quan đến Lý luận chung về triết học Mác - Lênin	CLO1; CLO2; CLO3

		Hệ thống phương pháp, kỹ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề về thế giới quan, phương pháp luận cho sinh viên.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 90 phút. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

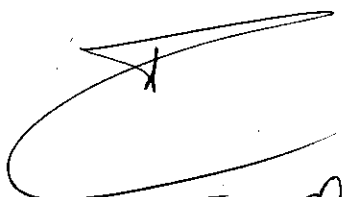
iii) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	

Viết đúng khung lý thuyết	40	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	60	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ

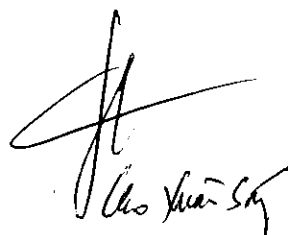
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA



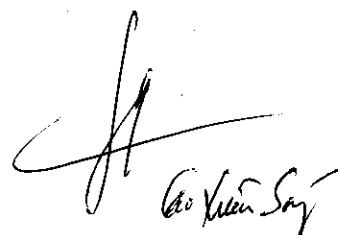
T.D. Nguyễn Tăng Cường

TRƯỞNG BỘ MÔN



Cao Xuân Sơn

GIẢNG VIÊN



Cao Xuân Sơn

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
(Political economics of marxism and leninism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sáng.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trưởng bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: caoxuansang091240980@gmail.com. Điện thoại: 0912240980

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trưởng khoa LLCT, Thạc sĩ
- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại: 0988716816

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Tường Mạnh Dũng.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: tuongmanhdung@gmail.com, Điện thoại: 0975100568

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huê.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: phanhue79@gmail.com, Điện thoại: 0388990636

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: thanhbinh7783@gmail.com, Điện thoại: 0919181983

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ.
- Email: phamnhuanllct@gmail.com, Điện thoại: 0974923459

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn thị Toan.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngthitoann@gmail.com, Điện thoại: 0988849008

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thơm.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithom.llct@gmail.com, Điện thoại: 0974398938

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn thị Quê.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: Nguyenthique@yahoo.com, Điện thoại: 0974403296

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Trần An Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: binhtranan@yahoo.com, Điện thoại: 0913327833

1.11. Giảng viên 11:

- Họ và tên: Vũ Thị Thuỳ.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: vuthuydhspkthy@gmail.com, Điện thoại: 0934271086

1.12. Giảng viên 12:

- Họ và tên: Luyện Thị Hồng Hạnh.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: honghanhcdcnhy@gmail.com, Điện thoại: 0981081981

1.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hương.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lehuongllct@gmail.com, Điện thoại: 0394047896

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2. Mã số: 911203

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học Thời gian	Lý thuyết	Thảo luận, tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bố trí học kỳ II năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ hai của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin.

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị/Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương, bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

* Kiến thức:

CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Nắm được đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin cho sinh viên trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và quốc tế hiện nay. Đảm bảo sinh viên có khả năng vận dụng gắn với thực tiễn, phát huy tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học.

* Kỹ năng:

CO2: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

Nhận diện các quan hệ kinh tế trong thực tiễn cuộc sống và đưa ra cách hành xử phù hợp với các quy định của luật pháp.

** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

CO3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	PLO1, PLO3
<i>Kỹ năng</i>			
CO2	CLO2	Phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	PLO1, PLO3
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>			
CO3	CL03	Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học Mác - Lênin	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

(2 tiết)

1.1. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN.

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.
- 1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN.
- 1.3.1. Chức năng nhận thức.
- 1.3.2. Chức năng thực tiễn.
- 1.3.3. Chức năng tư tưởng.
- 1.3.4. Chức năng phương pháp luận.

Chương 2

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

(5 tiết)

- 2.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC – LÊNIN VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA.
- 2.1.1. Sản xuất hàng hóa
- 2.1.1.1. *Khái niệm.*
- 2.1.1.2. *Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa.*
- 2.1.2. Hàng hóa.
- 2.1.2.1. *Khái niệm và thuộc tính của hàng hóa*
- 2.1.2.2. *Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa*
- 2.1.2.3. *Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa*
- 2.1.3. Tiền tệ
- 2.1.3.1. *Nguồn gốc và bản chất của tiền*
- 2.1.3.2. *Chức năng của tiền*
- 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay
- 2.1.4.1. *Dịch vụ*
- 2.1.4.2. *Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay*
- 2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
- 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường.
- 2.2.1.1. *Khái niệm và phân loại thị trường.*
- 2.2.1.2. *Vai trò của thị trường.*
- 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường.
- 2.2.2.1. *Nền kinh tế thị trường*
- 2.2.2.2. *Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường.*
- 2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG
- 2.3.1. Người sản xuất.
- 2.3.2. Người tiêu dùng.
- 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường.
- 2.3.4. Nhà nước.

Chương 3

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(6 tiết)

- 3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ
- 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư.
- 3.1.1.1. *Công thức chung của tư bản*
- 3.1.1.2. *Hàng hóa sức lao động*
- 3.1.1.3. *Sự sản xuất giá trị thặng dư*
- 3.1.1.4. *Tư bản bất biến, tư bản khả biến*
- 3.1.1.5. *Tiền công*
- 3.1.1.6. *Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản*
- 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư.
- 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.

3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy tư bản.

3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.

3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

3.3.1. Lợi nhuận

3.3.1.1. Chi phí sản xuất

3.3.1.2. Bản chất lợi nhuận

3.3.1.3. Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận

3.3.1.4. Lợi nhuận bình quân

3.3.1.5. Lợi nhuận thương nghiệp

3.3.2. Lợi tức

3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Chương 4

CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(4 tiết)

4.1. CẠNH TRANH Ở CẤP ĐỘ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền.

4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền và độc quyền nhà nước.

4.1.1.2. Tác động của độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền

4.2. LÝ LUẬN CỦA V.I. LÊNIN VỀ CÁC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CỦA ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền.

4.2.1.1. Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.

4.2.1.2. Sức mạnh của các tổ chức độc quyền do tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối

4.2.1.3. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến

4.2.1.4. Cạnh tranh để phân chia thị trường thế giới là tất yếu giữa các tập đoàn độc quyền.

4.2.1.5. Lôi kéo, thúc đẩy các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thức để bảo vệ lợi ích độc quyền.

4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.

4.2.2.1. Sự kết hợp về nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước.

4.2.2.2. Sự hình thành và sở hữu nhà nước.

4.2.2.3. Độc quyền nhà nước trở thành công cụ để nhà nước điều tiết nền kinh tế.

4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

4.3. BIỂU HIỆN MỚI CỦA ĐỘC QUYỀN, ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY; VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền.

4.3.1.1. Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản.

4.3.1.2. Biểu hiện về vai trò của tư bản tài chính trong các tập đoàn độc quyền.

4.3.1.3. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản.

4.3.1.4. Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền.

4.3.1.5. Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.

4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản.

4.3.2.1. Những biểu hiện mới về cơ chế nhân sự.

4.3.2.2. Những biểu hiện mới về sở hữu nhà nước.

4.3.2.3. Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước.

4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

4.3.3.1. *Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản.*

4.3.3.2. *Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.*

Chương 5

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

(7 tiết)

5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.3.1. *Về mục tiêu.*

5.1.3.2. *Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế.*

5.1.3.3. *Về quan hệ quản lý nền kinh tế.*

5.1.3.4. *Về quan hệ phân phối*

5.1.3.5. *Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.*

5.2. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.2.1.1. *Thể chế và thể chế kinh tế*

5.2.1.2. *Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.2.2.1. *Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp*

5.2.2.2. *Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*

5.2.2.3. *Hoàn thiện thể chế để gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội và thúc đẩy hội nhập quốc tế*

5.2.2.4. *Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị.*

5.3. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

5.3.1.1. *Lợi ích kinh tế.*

5.3.1.2. *Quan hệ lợi ích kinh tế*

5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích

5.3.2.1. *Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.*

5.3.2.2. *Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.*

5.3.2.3. *Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.*

5.3.2.4. *Giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế*

Chương 6

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

(6 tiết)

6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

6.1.1.1. *Khái quát về cách mạng công nghiệp*

6.1.1.2. *Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới*

6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

- 6.2.1.1. *Tinh tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*
 6.2.1.2. *Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*
 6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế
 6.2.1.1. *Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế.*
 6.2.1.2. *Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế.*
 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam.
 6.2.2.1. *Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế*
 6.2.2.2. *Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế*
 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
 6.2.3.1. *Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.*
 6.2.3.2. *Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp.*
 6.2.3.3. *Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.*
 6.2.3.4. *Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp.*
 6.2.3.5. *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế.*
 6.2.3.6. *Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.*

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin dành cho bậc đại học (chương trình không chuyên)

8.2. Học liệu tham khảo

- Robert B.Ekelund, JR và Robert F.Hesbert (2003), Lịch sử các học thuyết kinh tế, Bản tiếng Việt, Nxb Thống kê, HN.
- Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Nxb Lý luận Chính trị, HN.
- David Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, Nxb Giáo dục Hà Nội 1992.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr55-132.
- C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Tập 23, 25, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 – 2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.
- Chỉ thị 16/CT-TTg (2017), “về việc tăng cường năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.
- Manfred B. Steger (2011) Toàn Cầu hóa, Nxb Tri thức, HN.
- Klaus Schwab (2015), Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, (Bộ Ngoại giao dịch), Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018,HN.

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							

Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	2					4	6
Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	5					10	15
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	6					12	18
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	2					4	6
Tín chỉ 2							
Chương 4: (học tiếp) Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	2					4	6
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	7					14	21
Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	6					12	18
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p>ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN</p> <p>1.1. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN</p> <p>1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN.</p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin.</p>	Lí thuyết	2	Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Kinh tế chính trị Mác – Lênin ra đời dựa trên cơ sở lý luận của trường phái nào?	CO1 CO2 CO3

	<p>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN.</p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức.</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn.</p> <p>1.3.3. Chức năng tư tưởng.</p> <p>1.3.4. Chức năng phương pháp luận.</p>				
	<p>- Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin:</p> <p>- Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin</p>	Tự học, tự NC	6	<p>Đọc mục:</p> <p>- 1.2.2.</p> <p>- 1.2.3.</p>	
2	<p>Chương 2</p> <p>HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC – LÊNIN VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA.</p> <p>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</p> <p>2.1.1.1. Khái niệm.</p> <p>2.1.1.2. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa.</p> <p>2.1.2. Hàng hóa.</p> <p>2.1.2.1. Khái niệm và thuộc tính hàng hóa</p> <p>2.1.2.2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa</p> <p>2.1.2.3. Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa</p> <p>2.1.3. Tiền</p> <p>2.1.3.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền</p> <p>2.1.3.2. Chức năng của tiền</p>	Lí thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Liên hệ với điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay.</p>	CO1 CO2 CO3
	<p>- Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.</p> <p>- Nguồn gốc và bản chất của tiền.</p>	Tự học, tự NC	6	<p>Tự đọc:</p> <p>2.1.2.4.</p> <p>2.1.3.1.</p>	

3	<p>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường trong điều kiện hiện nay. 2.1.4.1. <i>Dịch vụ</i> 2.1.4.2. <i>Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường trong điều kiện hiện nay.</i></p> <p>2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường. 2.2.1.1. <i>Khái niệm và phân loại thị trường.</i> 2.2.1.2. <i>Vai trò của thị trường.</i></p> <p>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.2.2.1. <i>Nền kinh tế thị trường</i> 2.2.2.2. <i>Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường.</i></p> <p>2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường là gì?	CO1 CO2 CO3
	<p>- Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường trong điều kiện hiện nay. - Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường.</p>	Tự học, tự NC	6	Đọc mục: - 2.1.4.2. - 2.2.1.	
4	<p>2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.</p> <p style="text-align: center;"><i>Chương 3</i></p> <p style="text-align: center;">GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư. 3.1.1.1. <i>Công thức chung của tư bản</i> 3.1.1.2. <i>Hàng hóa sức lao động</i> 3.1.1.3. <i>Sự sản xuất giá trị thặng dư</i> 3.1.1.4. <i>Tư bản bất biến, tư bản khả biến</i> 3.1.1.5. <i>Tiền công</i></p>	Lý thuyết	2		CO1 CO2 CO3

	<ul style="list-style-type: none"> - Người sản xuất. - Người tiêu dùng. - Các chủ thể trung gian trong thị trường. - Tiền công 	Tự học tự nghiên cứu	6	Đọc mục: - 2.3.1. - 2.3.2. - 2.3.3. - 3.1.1.5.	
5	3.1.1.6. <i>Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản</i> 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư. 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. 3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản. 3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy tư bản. 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Ý nghĩa việc nghiên cứu các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay?	CO1 CO2 CO3
	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của giá trị thặng dư - Một số hệ quả của tích lũy tư bản. 	Tự học, tự NC	6	Đọc mục: - 3.1.2. - 3.2.3.	
6	3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.1.1. <i>Chi phí sản xuất</i> 3.3.1.2. <i>Bản chất lợi nhuận</i> 3.3.1.3. <i>Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận</i> 3.3.1.4. <i>Lợi nhuận bình quân</i>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận và ý nghĩa việc nghiên cứu vấn đề này ở nước ta hiện nay.	CO1 CO2 CO3
	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của lợi nhuận - Lợi nhuận bình quân 	Tự học, tự NC	6	Đọc mục: - 3.3.1.2. - 3.3.1.4.	
7	3.3.1.5. <i>Lợi nhuận thương nghiệp</i> 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa Chương 4 CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.1. CẠNH TRANH Ở CẤP ĐỘ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền. 4.1.1.1. <i>Nguyên nhân hình thành độc quyền và độc quyền nhà nước.</i> 4.1.1.2. <i>Tác động của độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</i> 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tác động của độc quyền và ý nghĩa việc nghiên cứu vấn đề này đối với nước ta hiện nay?	CO1 CO2 CO3
	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi tức. - Địa tô tư bản chủ nghĩa - Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền 	Tự học, tự NC	6	Đọc mục: - 3.3.2. - 3.3.3. - 4.1.2.	

8	<p>4.2. LÝ LUẬN CỦA V.I. LÊNIN VỀ CÁC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CỦA ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA</p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền.</p> <p>4.2.1.1. Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.</p> <p>4.2.1.2. Sức mạnh của các tổ chức độc quyền do tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối</p> <p>4.2.1.3. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến</p> <p>4.2.1.4. Cạnh tranh để phân chia thị trường thế giới là tất yếu giữa các tập đoàn độc quyền.</p> <p>4.2.1.5. Lôi kéo, thúc đẩy các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thức để bảo vệ lợi ích độc quyền.</p> <p>4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.</p> <p>4.2.2.1. Sự kết hợp về nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước.</p> <p>4.2.2.2. Sự hình thành và sở hữu nhà nước.</p> <p>4.2.2.3. Độc quyền nhà nước trở thành công cụ để nhà nước điều tiết nền kinh tế.</p> <p>4.3. BIỂU HIỆN MỚI CỦA ĐỘC QUYỀN, ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY; VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN</p> <p>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền.</p> <p>4.3.1.1. Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản.</p> <p>4.3.1.2. Biểu hiện về vai trò của tư bản tài chính trong các tập đoàn độc quyền.</p> <p>4.3.1.3. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản.</p> <p>4.3.1.4. Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền.</p> <p>4.3.1.5. Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.</p>	Lý thuyết	3	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tác động của xuất khẩu tư bản tới nước nhập khẩu tư bản và ý nghĩa đối với Việt Nam.	CO1 CO2 CO3
	- Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.				

	<p>- <i>Cạnh tranh để phân chia thị trường thế giới là tất yếu giữa các tập đoàn độc quyền.</i></p> <p>- <i>Lôi kéo, thúc đẩy các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thức để bảo vệ lợi ích độc quyền.</i></p> <p>- <i>Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản.</i></p> <p>- <i>Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền.</i></p> <p>- <i>Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.</i></p>	Tự học, tự NC	6	<p>Độc mục:</p> <p>- 4.2.1.1.</p> <p>- 4.2.1.4.</p> <p>- 4.2.1.5.</p> <p>- 4.3.1.1.</p> <p>- 4.3.1.4.</p> <p>- 4.3.1.5.</p>	
9	<p>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản.</p> <p>4.3.2.1. Những biểu hiện mới về cơ chế nhân sự.</p> <p>4.3.2.2. Những biểu hiện mới về sở hữu nhà nước.</p> <p>4.3.2.3. Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước.</p> <p>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.3.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản.</p> <p>4.3.3.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.</p> <p style="text-align: center;"><u>Chương 5</u></p> <p style="text-align: center;">KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Ý nghĩa việc hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế?</p>	CO1 CO2 CO3
	<p>- <i>Những biểu hiện mới về cơ chế nhân sự.</i></p> <p>- <i>Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước.</i></p> <p>- <i>Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.</i></p>	Tự học, tự NC	6	<p>Độc mục:</p> <p>- 4.3.2.1.</p> <p>- 4.3.2.3.</p> <p>- 4.3.3.2.</p>	
10	<p>5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.1.3.1. Về mục tiêu.</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tại sao phải hoàn thiện thể chế kinh</p>	CO1 CO2 CO3

	<p>5.1.3.2. Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế.</p> <p>5.1.3.3. Về quan hệ quản lý nền kinh tế.</p> <p>5.1.3.4. Về quan hệ phân phối</p> <p>5.1.3.5. Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.</p> <p>5.2. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.2.1.1. Thể chế và thể chế kinh tế</p> <p>5.2.1.2. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.</p>			<p>tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta? Ý nghĩa?</p>	
	<p>- Về quan hệ phân phối</p>	Tự học tự NC	6	<p>Đọc mục: - 5.1.3.4.</p>	
11	<p>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.2.2.1. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp</p> <p>5.2.2.2. Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường</p> <p>5.2.2.3. Hoàn thiện thể chế để gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội và thúc đẩy hội nhập quốc tế</p> <p>5.2.2.4. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị.</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Trong các nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nội dung nào quan trọng nhất? vì sao?</p>	CO1 CO2 CO3
	<p>- Hoàn thiện thể chế để gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội và thúc đẩy hội nhập quốc tế</p>	Tự học tự NC	6	<p>Đọc mục: - 5.2.2.3.</p>	
12	<p>5.3. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.1.1. Lợi ích kinh tế.</p> <p>5.3.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích</p> <p>5.3.2.1. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Trong các vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế, vai trò nào quan trọng nhất? Vì sao?</p>	CO1 CO2 CO3

	<p>5.3.2.2. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.</p> <p>5.3.2.3. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.</p> <p>5.3.2.4. Giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế</p>				
	<p>- Quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>- Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.</p> <p>- Giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế</p>	Tự học tự NC	6	<p>Đọc mục:</p> <p>- 5.3.1.2.</p> <p>- 5.3.2.2.</p> <p>- 5.3.2.4.</p>	
13	<p>Chương 6</p> <p>CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</p> <p>(6 tiết)</p> <p>6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM</p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p> <p>6.1.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp</p> <p>6.1.1.2. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.</p> <p>6.2.1.1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi mô hình công nghiệp hóa nào có nhiều ưu điểm và phù hợp nhất với nước ta? Vì sao?</p>	CO1 CO2 CO3
	<p>- Khái quát về cách mạng công nghiệp</p>	Tự học tự NC	6	<p>Đọc mục:</p> <p>- 6.1.1.1.</p>	
14	<p>6.2.1.2. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.1.1. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam.</p> <p>6.2.2.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi phân tích những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam.</p>	
	<p>- Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế.</p>	Tự học tự NC	6	<p>Đọc mục:</p> <p>- 6.2.1.2.</p>	

15	<p>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.</p> <p>6.2.3.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.</p> <p>6.2.3.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp.</p> <p>6.2.3.3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.</p> <p>6.2.3.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp.</p> <p>6.2.3.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế.</p> <p>6.2.3.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi tại sao phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ?
	<p>- Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.</p> <p>- Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.</p>	Tự học tự NC	6	Đọc mục: - 6.2.3.1. - 6.2.3.3.

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các khái niệm, các nội dung lý thuyết liên quan đến Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	CLO1; CLO2; CLO3

		hệ thống phương pháp, kỹ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	
Thảo luận	thảo luận nhóm, toàn lớp	Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

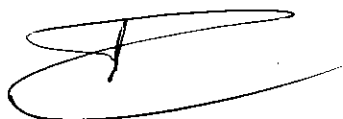
iii) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	

		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Viết đúng khung lý thuyết	40	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	
Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	60	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	

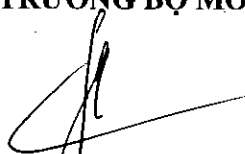
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA



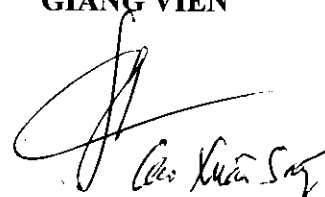
TS Nguyễn Trường Cảnh

P.TRƯỞNG BỘ MÔN



TS Cao Xuân Sáng

GIẢNG VIÊN



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Cao Vinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Bộ môn Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Email: lecaovinhspkth@gmail.com, điện thoại: 0979139568

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Khoa LLCT
- Email: truongcanhduong@gmail.com, điện thoại: 0983855043

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lehuongllct@gmail.com, điện thoại: 0394047896

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Hoàng Thị Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Email: Zang219@gmail.com, điện thoại: 0902097828

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Mã số: 911504

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Thời gian				
Tiết/Giờ thực hiện	30	0	60	90

2.5. Học phần: (Bắt buộc)

6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bố trí học kỳ I năm thứ ba trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ năm của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý Luận Chính trị.

3. Mô tả học phần

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết quốc tế; về văn hoá, đạo đức, con người.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

CO1: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Kỹ năng:

CO2: Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

4.3. Thái độ:

CO3: Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như một số tư tưởng cụ thể của Người về cách mạng Việt Nam như: tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Đảng cộng sản, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới...	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Giải thích, phân tích và vận dụng được một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác của người học	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CL03	Chủ động, tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, xuyên tạc về đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0

	Mác - Lênin	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2 tiết (LT)

1.1 Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2 Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3 Phương pháp nghiên cứu

1.3.1 Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.1.1 Thống nhất tính Đảng và tính khoa học

1.3.1.2 Thống nhất lý luận và thực tiễn

1.3.1.3 Quan điểm lịch sử - cụ thể

1.3.1.4 Quan điểm toàn diện và hệ thống

1.3.1.5 Quan điểm kế thừa và phát triển

1.3.2 Một số phương pháp cụ thể

1.4 Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

1.4.1 Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

1.4.2 Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

1.4.3 Xây dựng, rèn luyện phương pháp và cách công tác

Chương 2

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

4. tiết (LT)

2.1 Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1 Cơ sở thực tiễn

2.1.1.1 Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2.1.1.2 Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2.1.2 Cơ sở lý luận

2.1.2.1 Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

2.1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại

2.1.2.3 Chủ nghĩa Mác – Lê nin

2.1.3 Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

2.1.3.1 Phẩm chất Hồ Chí Minh

2.1.3.2 Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

2.2 Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1 Thời kỳ trước 5-6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới.

2.2.2 Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

2.2.3 Thời kỳ từ cuối 1920 đến đầu năm 1930: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

2.2.4 Thời kỳ từ đầu 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo

- 2.2.5 Thời kỳ từ đầu 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

2.3 Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

- 2.3.1 Đối với cách mạng Việt Nam
 - 2.3.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam để thắng lợi và bắt đầu xây dựng xã hội mới trên đất nước ta
 - 2.3.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay
- 2.3.2 Đối với sự phát triển và tiến bộ của nhân loại
 - 2.3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội
 - 2.3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển thế giới

Chương 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

9 tiết (LT)

3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

- 3.1.1 Vấn đề độc lập dân tộc
 - 3.1.1.1 Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc
 - 3.1.1.2 Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
 - 3.1.1.3 Độc lập dân tộc là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để
 - 3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- 3.1.2 Về cách mạng giải phóng dân tộc
 - 3.1.2.1 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
 - 3.1.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
 - 3.1.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công-nông làm nền tảng
 - 3.1.2.4 Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
 - 3.1.2.5 Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

3.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
 - 3.2.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
 - 3.2.1.2 Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
 - 3.2.1.3 Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội
- 3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.2.2.1 Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.2.2.2 Độc lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- 3.2.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.2.3.1 Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

3.2.3.2 Một số nguyên tắc về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

3.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

- 3.3.1 Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
- 3.3.2 Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc
- 3.3.3 Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- 3.4 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay
 - 3.4.1 Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
 - 3.4.2 Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - 3.4.3 Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị
 - 3.4.4 Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức lối sống và sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

7 tiết (LT)

4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

- 4.1.1 Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng
- 4.1.2 Đảng phải trong sạch, vững mạnh
 - 4.1.2.1 Đảng là đạo đức, là văn minh
 - 4.1.2.2 Những vấn đề nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng
 - 4.1.2.3 Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

4.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam

- 4.2.1 Nhà nước dân chủ
 - 4.2.1.1 Bản chất giai cấp của nhà nước
 - 4.2.1.2 Nhà nước của dân, do dân, vì dân
- 4.2.2 Nhà nước pháp quyền
 - 4.2.2.1 Nhà nước hợp pháp, hợp hiến
 - 4.2.2.2 Nhà nước thượng tôn pháp luật
 - 4.2.2.3 Pháp quyền nhân nghĩa
- 4.2.3 Nhà nước trong sạch, vững mạnh
 - 4.2.3.1 Kiểm soát quyền lực nhà nước
 - 4.2.3.2 Phòng chống tiêu cực trong Nhà nước

4.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước

- 4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh
- 4.3.2 Xây dựng Nhà nước

Chương 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

3 tiết (LT)

5.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.1 Vai trò của đại đoàn kết dân tộc
 - 5.1.1.1 Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

- 5.1.1.2 Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam
- 5.1.2 Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc
 - 5.1.2.1 Chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc
 - 5.1.2.2 Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc
- 5.1.3 Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc
- 5.1.4 Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất
 - 5.1.4.1 Mặt trận dân tộc thống nhất
 - 5.1.4.2 Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất
- 5.1.5 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc
- 5.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế**
 - 5.2.1 Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế
 - 5.2.1.1 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam
 - 5.2.1.2 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại
 - 5.2.2 Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức
 - 5.2.2.1 Các lực lượng cần đoàn kết
 - 5.2.2.2 Hình thức tổ chức
 - 5.2.3 Nguyên tắc đoàn kết quốc tế
 - 5.2.3.1 Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.
 - 5.2.3.2 Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ
- 5.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay**
 - 5.3.1 Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương đường lối của Đảng
 - 5.3.2 Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng
 - 5.3.3 Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI 5 tiết (LT)

- 6.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa**
 - 6.1.1 Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác
 - 6.1.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa
 - 6.1.1.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác
 - 6.1.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa
 - 6.1.2.1 Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng
 - 6.1.2.2 Văn hóa là một mặt trận
 - 6.1.2.3 Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân
 - 6.1.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới
- 6.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức**
 - 6.2.1 Quan điểm về vai trò, sức mạnh của đạo đức

- 6.2.1.1 Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng
- 6.2.1.2 Đạo đức là nhân tố tạo nên sự hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội
- 6.2.2 Quan điểm về chuẩn mực đạo đức cách mạng
 - 6.2.2.1 Trung với nước, hiếu với dân
 - 6.2.2.2 Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
 - 6.2.2.3 Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa
 - 6.2.2.4 Tinh thần quốc tế trong sáng
- 6.2.3 Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng
 - 6.2.3.1 Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức
 - 6.2.3.2 Xây đi đôi với chống
 - 6.2.3.3 Tu dưỡng đạo đức suốt đời
- 6.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người
 - 6.3.1 Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người
 - 6.3.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người
 - 6.3.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người
- 6.4 Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 6.4.1 Xây dựng và phát triển văn hóa, con người
 - 6.4.2 Về xây dựng đạo đức cách mạng

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

- Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh (2019), Bài giảng môn tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo

- Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức biên soạn
 - Nguyễn Trường Cảnh (2016), Tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc trưng chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, Nxb Khoa học Kỹ thuật

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học							Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/ Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học		
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			Thảo luận nhóm	Tự nghiên cứu	
Tín chỉ 1								
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			1	3	6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4		0			1	7	12
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	9		0			3	15	27

Tín chỉ 2								
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân	7					2	12	21
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	3		0			1	5	9
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức con người	5		0			2	8	15
Tổng cộng	30		0			10	50	90

9.2 Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p>Chương 1 KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1.1 Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.2 Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3 Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.3.1 Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3.2 Thống nhất tính Đảng và tính khoa học</p> <p>1.3.3 Thống nhất lý luận và thực tiễn</p> <p>1.3.4 Quan điểm lịch sử - cụ thể</p> <p>1.3.5 Quan điểm toàn diện và hệ thống</p> <p>1.3.6 Quan điểm kế thừa và phát triển</p> <p>1.3.7 Một số phương pháp cụ thể</p> <p>1.4 Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.4.1 Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>1.4.2 Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p>	Lí thuyết	2	Đọc 1.1; 1.2; 1.3; 1.4 Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Định nghĩa và đối tượng nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1 CLO2 CLO3

	1.4.3 Xây dựng, rèn luyện phương pháp và cách công tác * Sinh viên làm bài tập: Nội dung xây dựng, rèn luyện phương pháp và cách công tác theo TT HCM đối với bản thân SV				
	Ý nghĩa học môn tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 1.4;	
2	<p align="center">Chương 2 CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>2.1 Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.1 Cơ sở thực tiễn</p> <p>2.1.1.1 Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</p> <p>2.1.1.2 Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</p> <p>2.1.2 Cơ sở lý luận</p> <p>2.1.2.1 Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</p> <p>2.1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại</p> <p>2.1.2.3 Chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>2.1.3 Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.3.1 Phẩm chất Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.3.2 Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: vai trò của nhân tố chủ quan đối với sự hình thành TTHCM</p>	Lý thuyết	2	<p>Đọc 2.1.1 Nghiên cứu và trả lời vai trò của bối cảnh thực tiễn đối với sự hình thành TT Hồ Chí Minh</p> <p>Đọc 2.1.2; 2.1.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về yếu tố quyết định hình thành đến nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	CLO1 CLO2 CLO3
	Ý vai trò của văn hóa phương tây đối với sự hình thành TTHCM	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 2.1.2.2	
3	<p>2.2 Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2.1 Thời kỳ trước 5-6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới.</p> <p>2.2.2 Thời kỳ từ cuối 1920 đến đầu năm 1930: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</p>	Lý thuyết		<p>Đọc 2.2 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi thời kỳ nào là quan trọng nhất đối với sự hình thành TT Hồ Chí Minh ? Vì sao ?</p>	CLO1 CLO2 CLO3

	<p>2.2.3 Thời kỳ từ đầu 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo</p> <p>2.2.4 Thời kỳ từ đầu 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta</p> <p>2.3 Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.3.1 Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p>2.3.1.1 <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam để thắng lợi và bắt đầu xây dựng xã hội mới trên đất nước ta</i></p> <p>2.3.1.2 <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay</i></p> <p>2.3.2 Đối với sự phát triển và tiến bộ của nhân loại</p> <p>2.3.2.1 <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội</i></p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển thế giới</i></p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Thời kỳ nào là quan trọng nhất đối với sự hình thành TT HCM</p>		2		
	<p>Giá trị của TT Hồ Chí Minh đối với nhân loại</p>	<p>Tự học, tự NC và thảo luận</p>	4	<p>Đọc 2.3.2</p>	
4	<p>Chương 3</p> <p>TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc</p> <p>3.1.1 Vấn đề độc lập dân tộc</p> <p>3.1.1.1 <i>Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc</i></p>	<p>Lý thuyết</p>	2	<p>Đọc 3.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giai cấp</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>

	<p>3.1.1.2 Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</p> <p>3.1.1.3 Độc lập dân tộc là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để</p> <p>3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Cơ sở để Hồ Chí Minh coi “độc lập tự do là quyền thiêng liêng của các dân tộc”</p>				
	- Ý nghĩa của TT Hồ Chí Minh về dân tộc trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 3.1.1	
5	<p>3.1.2 Về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>3.1.2.1 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</p> <p>3.1.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</p> <p>3.1.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công-nông làm nền tảng</p> <p>3.1.2.4 Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</p> <p>3.1.2.5 Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Tại sao theo Hồ Chí Minh cách mạng GPDT muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</p>	Lý thuyết	2	Đọc 3.2.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: những sáng tạo trong TT Hồ Chí Minh về các mạng giải phóng dân tộc	CLO1 CLO2 CLO3
	- Những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 3.1.2;	
6	3.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Lý thuyết	2	Đọc 3.2.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Những quan	

	<p>3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2.1.1 <i>Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>3.2.1.2 <i>Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan</i></p> <p>3.2.1.3 <i>Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>* <i>Sinh viên làm bài tập:</i> Nêu những quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>			niệm của Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam	
	- Tính tất yếu của việc đi lên CNXH ở Việt Nam	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	8	Đọc 3.2.1.2	
7	<p>3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.2.1 <i>Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p>3.2.2.2 <i>Độc lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p>3.2.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.3.1 <i>Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ</i></p> <p>3.2.3.2 <i>Một số nguyên tắc về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ</i></p> <p>3.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3.1 <i>Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>3.3.2 <i>Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc</i></p> <p>3.3.3 <i>Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>* <i>Sinh viên làm bài tập:</i> Những động lực nào cần phải chú ý trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam theo TT HCM</p>	Lý thuyết	3	<p>Đọc 3.2.2; 3.2.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>Đọc 3.3 Trả lời câu hỏi về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam</p>	CLO1 CLO2 CLO3
	- Thực chất, đặc điểm của thời kỳ quá độ	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 3.2.3	

8	<p>3.4 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</p> <p>3.4.1 Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>3.4.2 Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>3.4.3 Củng cố, kiên toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức lối sống và sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ</p> <p style="text-align: center;">Chương 4</p> <p style="text-align: center;">TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN</p> <p>4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>4.1.1 Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: tại sao trong giai đoạn hiện nay Đảng ta phải kiên định con đường ĐLDT gắn liền với CNXH</p>	Lý thuyết	1	<p>Đọc 3.4 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay cần phải được thực hiện như thế nào</p>	CLO1 CLO2 CLO3
	<p style="text-align: center;">Chương 4</p> <p style="text-align: center;">TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN</p> <p>4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>4.1.1 Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: tại sao trong giai đoạn hiện nay Đảng ta phải kiên định con đường ĐLDT gắn liền với CNXH</p>	Lý thuyết	1	<p>Đọc 4.1.1; 4.1.2 trả lời câu hỏi về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	
	- Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 4.1.1	
9	<p>4.1.2 Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.1.2.1 Đảng là đạo đức, là văn minh</p> <p>4.1.2.2 Những vấn đề nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng</p> <p>4.1.2.3 Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Nội dung xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay</p>	Lý thuyết	2	<p>Đọc 4.1.2 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: về nội dung xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	CLO1 CLO2 CLO3
	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 4.1.2.3	
10	4.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam	Lý thuyết	2	<p>Đọc 4.2.1; 4.2.2 Nghiên cứu và trả</p>	CLO1 CLO2

	<p>4.2.1 Nhà nước dân chủ</p> <p>4.2.1.1 <i>Bản chất giai cấp của nhà nước</i></p> <p>4.2.1.2 <i>Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i></p> <p>4.2.2 Nhà nước pháp quyền</p> <p>4.2.2.1 <i>Nhà nước hợp pháp, hợp hiến</i></p> <p>4.2.2.2 <i>Nhà nước thượng tôn pháp luật</i></p> <p>4.2.2.3 <i>Pháp quyền nhân nghĩa</i></p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân theo TT HCM ở nước ta hiện nay</p>			lời câu hỏi: Nhà nước của dân do dân và vì dân theo thuyết tam quyền phân lập và thuyết quyền lực nhà nước thống nhất	CLO3
	Nội dung xây dựng Nhà nước Pháp quyền ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 4.2.2	
11	<p>4.2.3 Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.2.3.1 <i>Kiểm soát quyền lực nhà nước</i></p> <p>4.2.3.2 <i>Phòng chống tiêu cực trong Nhà nước</i></p> <p>4.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2 Xây dựng Nhà nước</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: Công tác đấu tranh chống tiêu cực ở nước ta hiện nay</p>	Lý thuyết	2	Đọc 4.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: việc vận dụng TT Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước cần thực hiện như thế nào	CLO1 CLO2 CLO3
	Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 4.3.1	
12	<p>Chương 5</p> <p>TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>5.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1 Vai trò của đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1.1 <i>Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu,</i></p>	Lý thuyết	2		CLO1 CLO2 CLO3

	<p><i>nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i></p> <p>5.1.1 Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1.1 <i>Chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc</i></p> <p>5.1.1.2 <i>Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc</i></p> <p>5.1.2 Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.3 Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.3.1 <i>Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p>5.1.3.2 <i>Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p>5.1.4 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1 Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p><i>Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam</i></p> <p>5.2.1.1 <i>Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại</i></p> <p>5.2.2 Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p>5.2.2.1 <i>Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p>5.2.2.2 <i>Hình thức tổ chức</i></p> <p>5.2.3 Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.3.1 <i>Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.</i></p> <p>5.2.3.2 <i>Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ</i></p> <p>* Sinh viên làm bài tập: ý nghĩa của đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay</p>		<p>Đọc 5.1.1; 5.1.2; 5.1.5 Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi: Sự cần thiết, lực lượng, phương pháp tiến hành thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>Đọc 5.2 Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi: Sự cần thiết, lực lượng, phương pháp tiến hành thực hiện khối đoàn kết quốc tế</p>	
--	---	--	---	--

	Vấn đề đoàn kết quốc tế của Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc: 5.2	
13	<p align="center">Chương 5</p> <p align="center">TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (tiếp)</p> <p>5.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay</p> <p>5.2.4 Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương đường lối của Đảng</p> <p>5.2.5 Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>5.2.6 Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế</p> <p>* Sinh viên làm bài tập:</p>	Lý thuyết	1	Đọc 5.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Việc vận dụng TT HCM vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế cần được thực hiện như thế nào	CLO1 CLO2 CLO3
	<p>Chương 6</p> <p align="center">TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p> <p>6.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <p>6.1.1 Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p>6.1.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <p>6.1.1.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p>6.1.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa</p> <p>6.1.2.1 Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</p> <p>6.1.2.2 Văn hóa là một mặt trận</p> <p>6.1.2.3 Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</p> <p>6.1.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: quan hệ</p>	Lý thuyết	1	Đọc 6.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa; về vai trò của văn hóa đối với thực tiễn cách mạng	

	giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội				
	Xây dựng nền văn hóa tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc: 6.1.2	
14	<p>6.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>6.2.1 Quan điểm về vai trò, sức mạnh của đạo đức</p> <p>6.2.1.1 Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng</p> <p>6.2.1.2 Đạo đức là nhân tố tạo nên sự hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.2.2 Quan điểm về chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p>6.2.2.1 Trung với nước, hiếu với dân</p> <p>6.2.2.2 Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</p> <p>6.2.2.3 Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</p> <p>6.2.2.4 Tinh thần quốc tế trong sáng</p> <p>6.2.3 Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>6.2.3.1 Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</p> <p>6.2.3.2 Xây đi đôi với chống</p> <p>6.2.3.3 Tu dưỡng đạo đức suốt đời</p> <p>* Sinh viên làm bài tập: xây dựng đạo đức cho con người Việt Nam hiện nay theo TTHCM</p>	Lý thuyết	2	Đọc 6.1.1; 6.1.2; 6.1.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: vai trò của đạo đức đối với con người, Các chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức mà con người cần phải rèn luyện	CLO1 CLO2 CLO3
	Tác phẩm: Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Hồ Chí Minh Toàn tập: T5,6,7	

5	6.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1 Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4 Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1 Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2 Về xây dựng đạo đức cách mạng * Sinh viên làm bài tập: vai trò của giáo dục trong xây dựng con người theo TTHCM	Lý thuyết	2	Đọc 6.3.2 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người, vai trò của con người Đọc 6.4 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	CLO1 CLO2 CLO3
	- Con người được nhìn nhận như một chính thể - Con người cụ thể, lịch sử	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	4	Đọc 6.3; 6.4	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm trong quá trình tự học, tự nghiên cứu môn học

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Đảng cộng sản, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới...	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC và thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề và xây dựng tư duy độc lập, sáng tạo cho sinh viên trong việc vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của xã hội	CLO1; CLO2; CLO3

	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3
--	-----------------------	--	------------------------

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm (trong đó SV nghỉ học không lý do cứ 1 tiết trừ 0,25 điểm);
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên. Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..). Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Liên hệ thực tế vấn đề tìm hiểu trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;
 - + Liên hệ thực tế vấn đề tìm hiểu trên cơ sở khung lý thuyết: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút hoặc 90 phút. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

iv) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

v) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

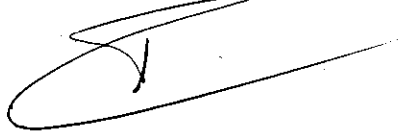
vi) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Viết đúng khung lý thuyết	60	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	

Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	40	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	
---	----	---	---	--	---	--

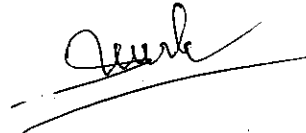
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA



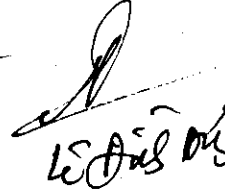
TS Nguyễn Trường Cảnh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS Lê Cao Vinh

GIẢNG VIÊN



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
(Scientific Socialism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sáng.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trưởng bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: caoxuansang091240980@gmail.com. Điện thoại: 0912240980

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà.
- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trưởng khoa LLCT, Thạc sĩ
- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại: 0988716816

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Tường Mạnh Dũng.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: tuongmanhdung@gmail.com, Điện thoại: 0975100568

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huệ.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: phanhue79@gmail.com, Điện thoại: 0388990636

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: thanhbinh7783@gmail.com, Điện thoại: 0919181983

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ.
- Email: phamnhuanllct@gmail.com, Điện thoại: 0974923459

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn thị Toan.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngthitoann@gmail.com, Điện thoại: 0988849008

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thơm.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithom.llct@gmail.com, Điện thoại: 0974398938

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn thị Quê.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: Nguyenthique@yahoo.com, Điện thoại: 0974403296

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Trần An Bình.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: binhtranan@yahoo.com, Điện thoại: 0913327833

1.11. Giảng viên 11:

- Họ và tên: Vũ Thị Thuý.

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: vuthuydhspkth@gmail.com, Điện thoại: 0934271086

1.12. Giảng viên 12:

- Họ và tên: Luyện Thị Hồng Hạnh.

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: honghanhcdcny@gmail.com, Điện thoại: 0981081981

1.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hương.

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lehuongllct@gmail.com, Điện thoại: 0394047896

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: CNXHKH

2.2. Mã số: 911302

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học Thời gian	Lý thuyết	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bố trí học kỳ I năm thứ hai trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ ba của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin.

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương, bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

*** Kỹ năng:**

CO2: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO3: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH KH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CL03	Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH KH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung, đồng thời vững tin, tự giác, phấn đấu lao động học tập và cống hiến theo ngọn cờ của giai cấp công nhân, của Đảng cộng sản Việt Nam.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học Mác - Lênin	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

4 Tiết

- I. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học
 - a. Điều kiện kinh tế - xã hội
 - b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận
 2. Vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen
 - a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị
 - b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen
 - c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
- II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học
 1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH KH
 - a. Thời kỳ từ năm 1848 đến công xã Pari (1871)
 - b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến năm 1895
 2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXH KH trong điều kiện mới
 - a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga
 - b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924
 3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay
 - a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991
 - b. Từ năm 1991 đến nay
- III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH KH
 1. Đối tượng nghiên cứu CNXH KH
 2. Phương pháp nghiên cứu của CNXH KH
 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của CNXH KH
 - a. Về mặt lý luận
 - b. Về mặt thực tiễn

BÀI TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Phân tích các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay?

Câu 2: Phân tích đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học? Suy nghĩ và nhận thức của anh/chị về việc học tập môn học này?

Câu 3: Phân tích đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học? So sánh với đối tượng của triết học?

Câu 4: Phân tích những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới?

Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

5 tiết

1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân
 - a. Khái niệm giai cấp công nhân
 - b. Đặc điểm của giai cấp công nhân
 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 - a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 - b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử
- II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay
 1. Giai cấp công nhân hiện nay

- a. Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX
 - b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại
2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của cấp công nhân trên thế giới hiện nay
- a. Nội dung kinh tế
 - b. Nội dung chính trị - xã hội
 - c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

- 1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam
- 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của cấp công nhân Việt Nam hiện nay
 - a. Nội dung kinh tế
 - b. Nội dung chính trị - xã hội
 - c. Nội dung văn hóa, tư tưởng
- 3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay
 - a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay
 - b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

BAI TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1: Trình bày quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Nội dung sứ mệnh giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

Câu 2: Phân tích những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề trên đối với nước ta hiện nay?

Câu 3: Giai cấp công nhân là gì? Hãy làm rõ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân? Có ý kiến cho rằng trong điều kiện hiện nay, trí thức chứ không phải GCCN mới là lực lượng tiên phong của cách mạng. Nêu quan điểm của anh chị về vấn đề này?

Câu 4: Phân tích đặc điểm, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay? Hãy chỉ ra phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

Câu 5: Giai cấp công nhân là gì? Hãy làm rõ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân? Phân tích những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

I. Chủ nghĩa xã hội

- 1. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế- xã hội CSCN
- 2. Điều kiện ra đời của CNXH
 - a. Điều kiện kinh tế
 - b. Điều kiện chính trị - xã hội
- 3. Những đặc trưng bản chất của CNXH

II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH
- 2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH
 - a. Trên lĩnh vực kinh tế
 - b. Trên lĩnh vực chính trị
 - c. Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa
 - d. Trên lĩnh vực xã hội

III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 1. Đặc điểm quá độ lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN
- 2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay
 - a. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam

b. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay

BÀI TẬP CHƯƠNG 3

Câu 1: Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?

Câu 2: Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ thực tiễn Việt Nam?

Câu 3: Phân tích luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

05 tiết

I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

a. Quan niệm về dân chủ

b. Sự ra đời và phát triển của dân chủ

2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

1. Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân

III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

BÀI TẬP CHƯƠNG 4

Câu 1: Hãy làm rõ quan niệm về dân chủ; sự ra đời và phát triển của dân chủ. Phân tích làm rõ bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

Câu 2: Anh/ chị hãy làm rõ khái niệm, bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa? Liên hệ với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 3: Anh/chị hãy làm rõ bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa? Liên hệ với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

Câu 4: Bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa? Theo anh/chị, cần phải làm gì để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 5: Anh/chị hãy nêu và phân tích những thành tựu và hạn chế trong đổi mới hệ thống chính trị XHCN và mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội những năm qua ở Việt Nam?

Câu 6: Hãy làm rõ đặc trưng và tính tất yếu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Theo anh/chị, cần phải làm gì để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

- I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 1. Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội
 - a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp
 - b. Vị trí của cơ cấu – xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội
 2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội
 2. Xét từ góc độ kinh tế
- III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

BÀI TẬP CHƯƠNG 5

Câu 1: Phân tích khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hãy dẫn chứng số liệu phản ánh thực trạng cơ cấu xã hội - giai cấp ở địa phương?

Câu 2: Trong cơ cấu xã hội - giai cấp thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì giai cấp nào giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Liên hệ với Việt Nam?

Câu 3: Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản nào. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?

Câu 4: Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?

Câu 5: Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

- I. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc
 2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc
 - a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quần thể dân tộc
 - b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin
 3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam
 - a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam
 - b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc
- II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo
 - a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

- b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 - 2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay
 - a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam
 - b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay
- III. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
- 1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
 - a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở công đồng quốc gia – dân tộc thống nhất
 - b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống
 - c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc
 - 2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
 - a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam
 - b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa
 - c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị

BÀI TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Phân tích nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung nào được coi là quan trọng nhất để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chủ thể thống nhất?

Câu 2: Anh, chị hãy nêu một số quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

Câu 3: Phân tích khái niệm dân tộc. Tại sao nói: giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam là yếu tố quan trọng nhất để có thể hội nhập thành công trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay?

Câu 4: Từ việc phân tích khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. Anh, chị hãy liên hệ với sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, đưa ra và phê phán các hiện tượng mê tín dị đoan trong đời sống hiện nay?

Câu 5: Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo. Việt Nam có những tôn giáo lớn nào?

Câu 6: Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

- 1. Khái niệm gia đình
- 2. Vị trí của gia đình trong xã hội
 - a. Gia đình là tế bào của xã hội
 - b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên
 - c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội
- 3. Chức năng cơ bản của gia đình
 - a. Chức năng tái sản xuất ra con người
 - b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

- c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng
 - d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình
- II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
1. Cơ sở kinh tế - xã hội
 2. Cơ sở chính trị - xã hội
 3. Cơ sở văn hóa
 4. Chế độ hôn nhân tiến bộ
- III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình
 - a. Chức năng tái sản xuất ra con người
 - b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng
 - c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa)
 - d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình
 3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình
 4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

BÀI TẬP CHƯƠNG 7

Câu 1: Phân tích vị trí, chức năng của gia đình. Liên hệ với gia đình truyền thống Việt Nam?

Câu 2: Phân tích sự biến đổi các chức năng của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lấy dẫn chứng?

Câu 3: Phân tích các chức năng xã hội cơ bản của gia đình. Là một thanh niên, anh chị cần và có thể làm gì để góp phần thực hiện các chức năng xã hội của gia đình mình?

Câu 4: Phân tích các phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đưa ra những giải pháp xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay?

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

[1]. Khoa Lý luận chính trị (2021), Bài giảng môn CNXHKKH, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội Khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Học liệu tham khảo

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội Khoa học* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006) *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*; NXB CTQG, Hà Nội

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							

Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	4					8	12
Chương 2: Sử mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	5					10	15
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4					8	12
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa	2					4	6
Tín chỉ 2							
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa	3					6	9
Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4					8	12
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4					8	12
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4					8	12
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p>Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>a. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận</p> <p>2. Vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen</p> <p>a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị</p>	Lí thuyết	2	Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen trong việc hình thành CNXHKKH?	4.1; 4.2

	<p>b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen</p> <p>c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH KH</p> <p>a. Thời kỳ từ năm 1848 đến công xã Pari (1871)</p> <p>b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến năm 1895</p>				
	Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học	Tự học, tự NC	6	II.1	
2	<p>2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXH KH trong điều kiện mới</p> <p>a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga</p> <p>b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924</p> <p>3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay</p> <p>a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991</p> <p>b. Từ năm 1991 đến nay</p> <p>III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH KH</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu CNXH KH</p> <p>2. Phương pháp nghiên cứu của CNXH KH</p> <p>3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của CNXH KH</p>	Lí thuyết	2	Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Trình bày đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH KH?	4.1; 4.2; 4.3
	Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	Tự học, tự NC	6	II.3	
3	<p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>a. Khái niệm giai cấp công nhân</p> <p>b. Đặc điểm của giai cấp công nhân</p>	Lí thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi liên quan đến Khái niệm, đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?	4.1; 4.2; 4.3

	2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân				
	Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	Tự học, tự NC	6		
4	3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 1. Giai cấp công nhân hiện nay a. Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại 2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay a. Nội dung kinh tế b. Nội dung chính trị - xã hội c. Nội dung văn hóa, tư tưởng	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về những điểm tương đồng và khác biệt giữa giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện đại?	4.1; 4.2; 4.3;
	Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay	Tự học tự NC	6	II.2	
5	III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay a. Nội dung kinh tế b. Nội dung chính trị - xã hội c. Nội dung văn hóa, tư tưởng 3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội I. Chủ nghĩa xã hội 1. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế- xã hội CSCN	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về đặc điểm và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?	4.1; 4.2; 4.3;

	2. Điều kiện ra đời của CNXH a. Điều kiện kinh tế b. Điều kiện chính trị - xã hội				
	Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	Tự học, tự NC	6	III.3	
6	3. Những đặc trưng bản chất của CNXH II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH a. Trên lĩnh vực kinh tế b. Trên lĩnh vực chính trị c. Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa d. Trên lĩnh vực xã hội III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Đặc điểm quá độ lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN		2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH?	4.1; 4.2; 4.3
	Những đặc trưng bản chất của CNXH	Tự học, tự NC	6	I.3	
7	2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay a. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam b. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ a. Quan niệm về dân chủ b. Sự ra đời và phát triển của dân chủ	Lí thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về dân chủ là gì và quan niệm về dân chủ, sự ra đời và phát triển của dân chủ?	4.1; 4.2; 4.3
	Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay	Tự học, tự NC	6	III. 2. b	
8	2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa	Lí thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Bản chất của nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN?	4.1; 4.2; 4.3

	<p>1. Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân</p>				
	Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa	Tự học, tự NC	6	II. 2	
9	<p>III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa</p>		2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?</p>	4.1; 4.2; 4.3

	Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	Tự học, tự NC	6	III. 3	
10	<p>Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp</p> <p>b. Vị trí của cơ cấu – xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội</p> <p>2. Xét từ góc độ kinh tế</p>	Lí thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội?	
	Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Tự học, tự NC		II. 1 II. 2	
11	<p>III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>		2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?	4.1; 4.2; 4.3
	Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và	Tự học, tự NC	6	III. 2. b	

	tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam				
12	<p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc</p> <p>2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</p> <p>a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quần hệ dân tộc</p> <p>b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam</p> <p>b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc</p> <p>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</p> <p>a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo</p> <p>b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc; đặc điểm dân tộc Việt Nam; bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo?	4.1; 4.2; 4.3
	Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc	Tự học tự NC	6	I. 3. b	
13	<p>2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay</p> <p>a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay</p> <p>III. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở công đồng quốc gia – dân tộc thống nhất</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam; đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam?	4.1; 4.2; 4.3

	<p>b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống</p> <p>c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam</p> <p>b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.</p>				
	Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	Tự học tự NC	6	III. 2	
14	<p><i>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <p>1. Khái niệm gia đình</p> <p>2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>a. Gia đình là tế bào của xã hội</p> <p>b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên</p> <p>c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội</p> <p>3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>a. Chức năng tái sản xuất ra con người</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về khái niệm, vị trí của gia đình trong xã hội; chức năng cơ bản của gia đình?	4.1; 4.2; 4.3

	<p>b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục</p> <p>c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng</p> <p>d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình</p> <p>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>3. Cơ sở văn hóa</p>				
	Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Tự học tự NC	6	II.1 II.2 II.3	
15	<p>4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình</p> <p>a. Chức năng tái sản xuất ra con người</p> <p>b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng</p> <p>c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa)</p> <p>d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình</p> <p>3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình</p> <p>4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?	4.1; 4.2; 4.3
	Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Tự học tự NC	6	III.4	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	CLO1; CLO2; CLO3
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kĩ năng thu thập và xử lí thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;

- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

vii) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

viii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	

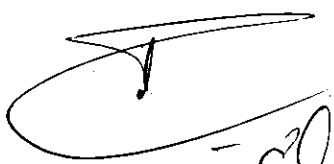
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------	---

ix) Rubric đánh giá thi KTHP

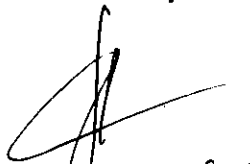
Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Viết đúng khung lý thuyết	40	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	
Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	60	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	

12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022


TRƯỞNG KHOA


TS Nguyễn Thủy Quỳnh

P.TRƯỞNG BỘ MÔN


Cao Xuân Sơn

GIẢNG VIÊN


Cao Xuân Sơn

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
(Vietnam Communist Party History)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Cao Vinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Bộ môn Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Email: lecaovinhspkthy@gmail.com, điện thoại: 0979139568

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Khoa lý luận chính

trị

- Email: truongcanhduong@gmail.com, điện thoại: 0983855043

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Đình Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: napoleduong@gmail.com, điện thoại: 0963692996

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: huyendo3010@gmail.com, điện thoại: 0986687607

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Lê Thị Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: lethuy.lct@gmail.com, điện thoại: 0973366986

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: nguyenngan88llct@gmail.com, điện thoại: 0978097288

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2. Mã số: 911409

2.3. Khối lượng: 2TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

học Thời gian	HD dạy	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu và thảo luận	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện		30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Sinh viên phải học xong môn Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa

học.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý Luận Chính trị.

3. Mô tả học phần

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học nằm trong các môn Lý luận chính trị thuộc khối các môn kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng các chuyên ngành. Môn học này giới thiệu về quá trình lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như những chủ trương, đường lối mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

4. Mục tiêu của học phần

Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4.1 Kiến thức:

CO1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

4.2 Kỹ năng:

CO2: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

4.3 Thái độ:

CO3: Thông qua các sự kiện lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào Đảng

4.4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

CO4: Sự chăm chỉ, nhiệt tình, tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người, hoàn thiện bản thân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được những vấn đề cơ bản liên quan đến đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam như: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Giải thích và vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			

CO3	CL03	Thực hiện được nghĩa công dân trong việc chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, cũng như nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào Đảng.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15
-----	------	---	----------------------------

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Mác - Lênin	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
2 tiết (LT)

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.1.2. Phạm vi nghiên cứu môn học

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng
- 1.2.2. Nhiệm vụ của môn học

1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.3.1. Phương pháp luận
- 1.3.2. Các phương pháp cụ thể

Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)
6 tiết (LT)

2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

- 2.1.1. Bối cảnh lịch sử
- 2.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng
- 2.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- 2.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935
- 2.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939
- 2.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
- 2.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)
7 tiết (LT)

3.1 Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

- 3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

- 3.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950
- 3.1.3 Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
- 3.1.4 Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

3.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

- 3.2.1 Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965
- 3.2.2 Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
- 3.2.3 Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975

Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

12 tiết (LT)

4.1 Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986)

- 4.1.1 Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981
- 4.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

4.2 Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

- 4.2.1 Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996
- 4.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018
- 4.2.3 Thành tựu và kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

Chương 5: Tổng kết

3 tiết (LT)

5.1 Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

- 5.1.1 Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- 5.1.2 Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc
- 5.1.3 Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

5.2 Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

- 5.2.1 Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- 5.2.2 Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân
- 5.2.3 Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
- 5.2.4 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế
- 5.2.5 Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

- Khoa Lý luận chính trị (2019), Tập bài giảng Lịch Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại học SPKT Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học							Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/T hí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự NC và thảo luận		
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			Thảo luận	Tự học, tự NC	
Tín chỉ 1								
Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					0	4	6
Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 1930-1945)	6					2	10	18
Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	7					3	11	21
Tín chỉ 2								
Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay)	12					3	21	36
Chương 5: Tổng kết	3					2	4	9
Tổng cộng	30					10	50	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p>* Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.1 Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.1.1 Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.1.2 Phạm vi nghiên cứu môn học</p>	Lí thuyết	2	<p>Đọc 1.1, 1.2., 1.3 và trả lời câu hỏi:</p> <p>Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và sự cần thiết phải học tập môn học này ?</p>	CLO1 ; CLO2 ; CLO3

	<p>1.2 Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2.1 Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>1.2.2 Nhiệm vụ của môn học</p> <p>1.3 Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.3.1 Phương pháp luận</p> <p>1.3.2 Các phương pháp cụ thể</p>				
	<p>Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>Tự học, tự NC và thảo luận</p>	<p>4</p>	<p>Đọc 1.3 để thấy được các phương pháp nghiên cứu môn học</p>	
2	<p>* Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 91930-1945)</p> <p>2.1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)</p> <p>2.1.1 Bối cảnh lịch sử</p> <p>2.1.2 Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>2.1.3 Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>2.1.4 Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>* Bài tập: Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1930</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Đọc 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3., 2.1.4 và trả lời câu hỏi: Bối cảnh lịch sử, nội dung Cương lĩnh và ý nghĩa sự ra đời của Đảng</p>	
	<p>Hành trình Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin và tìm ra con đường cứu nước</p>	<p>Tự học, tự NC và thảo luận</p>	<p>4</p>	<p>Đọc 2.1.1, 2.1.2; để thấy được quá trình Nguyễn Ái Quốc khảo sát, tìm tòi khảo nghiệm con đường cứu nước</p>	
3	<p>* Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 91930-1945) (tiếp)</p> <p>2.2 Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Đọc 2.2.1 để trả lời câu hỏi phong trào cách mạng 30-31 và những hạn chế của luận cương CT</p> <p>- Đọc 2.2.2 trả lời câu hỏi: chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong những năm 1939-1945 là gì</p>	<p>CLO1 ; CLO2 ; CLO3</p>

	<p>2.2.1 Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935</p> <p>2.2.2 Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>* Bài tập: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>				
	- Phong trào dân chủ 1936-1939	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 2.2.2 để thấy được đường lối của Đảng ta trong giai đoạn này	
4	<p>2.2.3 Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p>2.2.4 Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p>* Bài tập: vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945</p>	Lí thuyết	2	- Đọc 2.2.4 để trả lời câu hỏi: những bài học kinh nghiệm quý giá trong CM Tháng 8/1945 là gì	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	- Đặc điểm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng tháng 8/1945	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 2.2.4 để thấy được đường lối của Đảng ta trong giai đoạn này	
5	<p>* Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>3.1 Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>3.1.1 Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</p> <p>* Bài tập: Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng</p>	Lí thuyết	2	Đọc 3.1.2, 3.2 để trả lời câu hỏi những chủ trương mà đảng ta đưa ra để giành chính quyền về tay nhân dân	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Hoàn cảnh đất nước sau cách mạng tháng 8 năm 1945	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 3.1.1 để thấy được những thuận lợi và khó khăn của đất nước sau cách mạng tháng 8 năm 1945	
6	<p>3.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950</p> <p>3.1.3 Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954</p> <p>3.1.4 Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>* Bài tập: Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến</p>	Lí thuyết	2		CLO1 ; CLO2 ; CLO3

	chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 1945-1954				
	Ý nghĩa và những kinh nghiệm của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 3.1.4 để thấy được những bài học kinh nghiệm mà Đảng rút ra được sau thắng lợi này	
7	3.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 3.2.1 Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 – 1965 3.2.2 Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 * Bài tập: Sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975	Lí thuyết	2	Đọc 3.2.2, 3.2.3 để thấy được những chủ trương mà Đảng đề lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất tổ quốc	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả đạt được ở miền Bắc 1954-1975	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 3.2 để thấy được những thành quả trong xây dựng CNXH ở miền Bắc	
8	3.2.3 Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975	Lí thuyết	1	Đọc 3.2.3 để thấy được Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	
	Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay) 4.1 Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986) 4.1.1 Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 4.1.1.1 Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước	Lí thuyết	1	Đọc 4.1.1.1, để thấy được đường lối của Đảng đề ra để thực hiện việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Quá trình xây dựng CNXH trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.1.1.1 để thấy được quá trình xây dựng CNXH trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước	
9	4.1.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ	Lí thuyết	2	Đọc 4.1.1.2, để thấy được đường lối của Đảng đề ra tại ĐH IV (1976)	CLO1 ; CLO2

	<p>nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981</p> <p>* Bài tập: Hoàn cảnh và những nội dung chính quả Đại hội IV (1976)</p>				;	CLO3
	Những thành tựu đạt được sau khi thực hiện Nghị quyết ĐH IV	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.1.1.2		
10	<p>4.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986</p> <p>4.1.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện nghị quyết ĐH</p> <p>4.1.2.2 Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế</p> <p>* Bài tập: Hoàn cảnh lịch sử và nội dung Đại hội V của Đảng</p>	Lí thuyết	2	Đọc 4.1.2 để thấy được đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước thông qua nội dung ĐH V; đồng thời chỉ ra được những hạn chế về đường lối trong giai đoạn này	;	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế của Đảng giai đoạn 1982-1986	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.1.2.2 để chỉ ra các bước đột phá của Đảng về cơ cấu sản xuất, về cải tạo xã hội, cơ chế quản lý...		
11	<p>4.2 Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)</p> <p>4.2.1 Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996</p> <p>* Bài tập: nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội VI của Đảng (1986) và quá trình thực hiện</p>	Lí thuyết	2	Đọc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	;	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1/1994)	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.2.1		
12	<p>4.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1996 đến nay)</p> <p>4.2.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện CNH, HĐH</p> <p>4.2.2.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX tiếp tục thực hiện CNH, HĐH</p> <p>* Bài tập: Nêu hoàn cảnh và nội dung nghị quyết đại hội IX (2001) của Đảng</p>	Lí thuyết	2	Đọc 4.2.2, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	;	CLO1 ; CLO2 ; CLO3

	Nghị quyết TW 2 khóa (VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đến năm 2000	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.2.2.1 để thấy được nội dung nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đến năm 2000	
13	4.2.2.3 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 4.2.2.4 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 4.2.2.5 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa * Bài tập: Vai trò của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế	Lí thuyết	2	Đọc 4.2.2.3, 4.2.2.4; 4.2.2.5 để thấy được sự tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới và những thành tựu đạt được.	CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung và phát triển 2011)	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.2.2.4	
14	4.2.2.6 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng 4.3 Thành tựu và kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	Lí thuyết	1		CLO1 ; CLO2 ; CLO3
	* Chương 5: Tổng kết 5.1 Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 5.1.1 Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 5.1.2 Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc	Lí thuyết	1	Đọc 5.1.1, 5.1.2 để thấy được những thắng lợi to lớn mà cách mạng Việt Nam đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng	
	Ý nghĩa những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới ở nước ta	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.3	
	5.1.3 Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Lý thuyết	2		

15	<p>5.2 Những bài học lời về sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>5.2.1 Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.2.2 Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân</p> <p>5.2.3 Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.4 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế</p> <p>5.2.5 Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam</p> <p>* Bài tập: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam</p>			<p>Đọc 5.2 để thấy được những bài học to lớn mà cách mạng Việt Nam đã rút ra được trong thực tiễn CM VN dưới sự lãnh đạo của Đảng</p>
	<p>Ý nghĩa của những bài học kinh nghiệm đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay.</p>	Tự học, tự NC	4	<p>Đọc 5.2 để thấy được vai trò quan trọng của Đảng trong lãnh đạo cách mạng</p>
	<p>Phổ biến yêu cầu và cách thức đánh giá kết thúc học phần (Thời gian đánh giá: theo lịch của Trường)</p>			

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	<p>Dạy các nội dung lí thuyết liên quan đến lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối đấu tranh giành chính quyền; Đường lối của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH... hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp</p>	CLO1; CLO2; CLO3

Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề thực tiễn của đất nước cho sinh viên.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm (trong đó SV nghỉ học không lý do cứ 1 tiết trừ 0,25 điểm);
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên. Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..). Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;
 - + Liên hệ thực tiễn trên cơ sở khung lý thuyết: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút hoặc 90 phút. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

x) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

xi) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

xii) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Viết đúng khung lý thuyết	60	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	

Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	40	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ
---	----	---	---	--	---

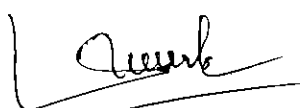
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA



TS Nguyễn Trường Cảnh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS Lê Cao Vinh

GIẢNG VIÊN



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
(General law)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh - Telephone: 0983855043
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa lý luận chính trị, Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: truongcanhduong@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên : Lê Thị Hoà - Telephone: 0984286816
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Email: hoa.lct.spkthy@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Nga - Telephone: 09844225839
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Email: lethingahy@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Lê Đình Dương - Telephone: 0963692996
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: napoleduong@gmail.com, điện thoại cơ quan: 0963692996

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Hoàng Thị Giang - Telephone: 0902097828
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Email: Zang219@gmail.com , điện thoại cơ quan: 03213713083

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2.2. Mã số: 911601

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học Thời gian	Giờ giảng trên lớp	Thảo luận, tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương, bao gồm: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Luật hình sự và luật tố tụng hình sự; Luật hôn nhân và gia đình; Luật dân sự và luật tố tụng dân sự; Luật lao động; Luật phòng chống tham nhũng.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

4.1. Kiến thức:

CO1: Trang bị những kiến thức phổ thông về Nhà nước và pháp luật cho sinh viên góp phần giáo dục toàn diện, nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân, ý thức tôn trọng và bảo vệ quốc gia.

4.2. Kỹ năng:

CO2: Rèn luyện kỹ năng và xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật cho sinh viên.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO3: Thực hiện nghĩa vụ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, có ý thức chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến lý luận chung và nhà nước pháp luật, cũng như một số chế định của Luật Hình sự và luật Tố tụng hình sự; Luật hôn nhân và gia đình; Luật Dân sự và luật Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Luật phòng chống tham nhũng	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Giải thích và vận dụng được một số chế định của Luật Hình sự và luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự và luật Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phòng chống tham nhũng vào xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật của sinh viên.	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CL03	Thực hiện được nghĩa vụ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân mình và của công dân, có ý thức chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
911102	Triết học	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0
	Mác - Lênin	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

- 1.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của Nhà nước
 - 1.1.1.1. Một số học thuyết phi Mác xít về nguồn gốc của Nhà Nước
 - 1.1.1.2. *Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc Nhà nước*
 - 1.1.2. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước
 - 1.1.3. Chức năng của Nhà nước
 - 1.1.4. Hình thức của Nhà nước
 - 1.1.4.1. *Khái niệm hình thức nhà nước*
 - 1.1.4.2. *Yếu tố cấu thành hình thức nhà nước*

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

- 1.2.1. Nguồn gốc của Pháp luật
- 1.2.2. Bản chất và đặc trưng của Pháp luật
 - 1.2.2.1. *Bản chất của Pháp luật*
 - 1.2.2.2. *Những đặc trưng cơ bản của Pháp luật*
- 1.2.3. Vai trò của pháp luật.

1.3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- 1.3.1. Khái niệm quy phạm pháp luật
- 1.3.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

1.4. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- 1.4.1. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.4.1.1. *Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật*
 - 1.4.1.2. *Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật*
- 1.4.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta
 - 1.4.2.1. *Văn bản luật*
 - 1.4.2.2. *Văn bản dưới luật*

1.5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

- 1.5.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật
- 1.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật
 - 1.5.2.1. *Chủ thể quan hệ pháp luật*
 - 1.5.2.2. *Nội dung của quan hệ pháp luật*
 - 1.5.2.3. *Khách thể của quan hệ pháp luật*
 - 1.5.2.4. *Sự kiện pháp lý*

1.6. VI PHẠM PHÁP LUẬT

- 1.6.1. Khái niệm vi phạm pháp luật
- 1.6.2. Cấu thành của vi phạm pháp luật
- 1.6.3. Các loại vi phạm pháp luật

1.7. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

- 1.7.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý
- 1.7.2. Các loại trách nhiệm

1.8. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- 1.8.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.2. Yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.3. Nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.4. Nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.5. Những điều kiện bảo đảm đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa

BÀI TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Trình bày các học thuyết về nguồn gốc ra đời của Nhà nước và nêu khái niệm nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin.

Câu 2: Pháp luật là gì? Trình bày bản chất và chức năng của pháp luật.

Câu 3: Quy phạm pháp luật là gì? Phân tích cấu trúc của quy phạm pháp luật. Nêu ví dụ một quy phạm pháp luật.

Câu 4: Quan hệ pháp luật là gì? Phân tích các thành phần của quan hệ pháp luật. Lấy ví dụ một vài quan hệ pháp luật mà em đã tham gia trong cuộc sống hàng ngày.

Câu 5: Vi phạm pháp luật là gì? Trình bày cấu thành của vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật. Lấy ví dụ về các loại vi phạm pháp luật.

Câu 6: Trách nhiệm pháp lý là gì? Trình bày đặc điểm trách nhiệm pháp lý, các loại trách nhiệm pháp lý. Lấy ví dụ về các loại trách nhiệm pháp lý.

Câu 7: Pháp chế xã hội chủ nghĩa là gì? Trình bày những yêu cầu cơ bản, nguyên tắc và nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Chương 2 LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ 05 tiết

2.1. LUẬT HÌNH SỰ

2.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự

2.1.2. Tội phạm – các yếu tố cấu thành tội phạm

2.1.2.1. *Khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm*

2.1.2.2. *Một số quy định chung của bộ luật hình sự về tội phạm*

2.1.2.3. *Các yếu tố cấu thành tội phạm.*

2.1.3. Hình phạt, các loại hình phạt

2.1.3.1. *Khái niệm*

2.1.3.2. *Hình phạt chính.*

2.1.3.3. *Hình phạt bổ sung*

2.1.3.4. *Biện pháp tư pháp*

2.1.4. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

2.1.4.1. *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*

2.1.4.2. *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*

2.2. LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

2.2.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

2.2.2. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội

2.2.2.1. Khởi tố vụ án hình sự

2.2.2.2. Điều tra vụ án hình sự

2.2.2.3. Truy tố bị can ra trước toà

2.2.2.4. Xét xử sơ thẩm

2.2.2.5. Xét xử phúc thẩm

2.2.2.6. Thi hành bản án và quyết định của toà án.

2.2.2.7. *Thủ tục xét xử giám đốc thẩm*

2.2.2.8. *Thủ tục xét xử giám tái thẩm*

2.2.3. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

BÀI TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.

Câu 2: Tội phạm là gì? Phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm.

Câu 3: Hình phạt là gì?. Trình bày hệ thống các hình phạt chính, hình phạt bổ sung và một số biện pháp tư pháp.

Câu 4: So sánh tội phạm với các loại vi phạm pháp luật khác.

Câu 5: So sánh hình phạt với các loại trách nhiệm pháp lý khác.

Câu 6: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

Câu 7: Phân tích trình tự các giai đoạn tố tụng khi giải quyết một vụ án hình sự.

Chương 3 LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 04 tiết

5.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- 5.1.1. Khái niệm “hôn nhân” – “gia đình”
- 5.1.2. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình
 - 5.1.2.1. *Khái niệm luật hôn nhân và gia đình*
 - 5.1.2.2. *Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình*
 - 5.1.2.3. *Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình*
- 5.1.3. Các nguyên tắc của luật hôn nhân và gia đình
- 5.1.4. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình
 - 5.1.4.1. *Khái niệm Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình*
 - 5.1.4.2. *Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình*
- 5.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
 - 5.2.1. Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật
 - 5.2.1.1. *Điều kiện kết hôn*
 - 5.2.1.2. *Hủy việc kết hôn trái pháp luật*
 - 5.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng
 - 5.2.2.1. *Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng*
 - 5.2.2.2. *Chế độ tài sản của vợ chồng*
 - 5.2.3. Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình
 - 5.2.3.1. *Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình*
 - 5.2.3.2. *Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu*
 - 5.2.3.3. *Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em*
 - 5.2.3.4. *Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột*
 - 5.2.4. Chấm dứt hôn nhân
 - 5.2.4.1. *Chấm dứt hôn nhân do ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn*
 - 5.2.4.2. *Chấm dứt hôn nhân do vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết*
 - 5.2.5. Cấp dưỡng
 - 5.2.6. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
 - 5.2.6.1. *Khái niệm về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*
 - 5.2.6.2. *Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*
 - 5.2.6.3. *Hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình*
 - 5.2.6.4. *Công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình*
 - 5.2.6.5. *Kết hôn có yếu tố nước ngoài*
 - 5.2.6.6. *Ly hôn có yếu tố nước ngoài*
 - 5.2.6.7. *Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài*
 - 5.2.6.8. *Nghĩa vụ cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài*

BÀI TẬP CHƯƠNG 3

Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình.

Câu 2: Trình bày các nguyên tắc và quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

Câu 3: Trình bày các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp và việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Câu 4: Quy định của luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng; chế độ tài sản của vợ, chồng; quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình.

Câu 5: Trình bày quy định của luật Hôn nhân và gia đình về chấm dứt hôn nhân và hậu quả pháp lý của ly hôn; cấp dưỡng; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Chương 4

LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

06 tiết

3.1. KHÁI NIỆM, QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự

3.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự

- 3.1.2.1. *Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự*
- 3.1.2.2. *Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự*
- 3.2. QUYỀN SỞ HỮU
- 3.2.1. *Khái niệm*
- 3.2.2. *Chủ thể của quyền sở hữu*
- 3.2.3. *Khách thể của quyền sở hữu*
- 3.2.4. *Nội dung của quyền sở hữu*
 - 3.2.4.1. *Chiếm hữu*
 - 3.2.4.2. *Quyền sử dụng*
 - 3.2.4.3. *Quyền định đoạt*
- 3.2.5. *Các hình thức sở hữu*
- 3.3. QUYỀN THỪA KẾ
- 3.3.1. *Một số quy định chung về thừa kế*
- 3.3.2. *Thừa kế theo di chúc*
 - 3.3.2.1. *Khái niệm*
 - 3.3.2.2. *Người lập di chúc*
 - 3.3.2.3. *Di chúc hợp pháp*
 - 3.3.2.4. *Những người hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc*
- 3.3.3. *Thừa kế theo pháp luật*
 - 3.3.3.1. *Khái niệm*
 - 3.3.3.2. *Những trường hợp thừa kế theo pháp luật*
 - 3.3.3.3. *Hàng thừa kế*
 - 3.3.3.4. *Thừa kế thế vị*
- 3.4. HỢP ĐỒNG DÂN SỰ
- 3.4.1. *Khái niệm*
- 3.4.2. *Chủ thể của hợp đồng dân sự*
- 3.4.3. *Hình thức hợp đồng dân sự*
- 3.4.4. *Nội dung chủ yếu của hợp đồng*
- 3.4.5. *Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu và một số hợp đồng thông dụng*
 - 3.4.5.1. *Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu*
 - 3.4.5.1. *Một số hợp đồng thông dụng*
- 3.5. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ
- 3.5.1. *Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự*
 - 3.5.1.1. *Khái niệm*
 - 3.5.1.2. *Đối tượng điều chỉnh.*
 - 3.5.1.3. *Phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng dân sự*
- 3.5.2. *Các giai đoạn tố tụng dân sự*
 - 3.5.2.1. *Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự*
 - 3.5.2.2. *Hòa giải vụ án dân sự*
 - 3.5.2.3. *Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự*
 - 3.5.2.4. *Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự*
 - 3.5.2.5. *Xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự*
 - 3.5.2.6. *Xét xử tái thẩm vụ án dân sự*
 - 3.5.2.7. *Thi hành bản án, quyết định tòa án*

BÀI TẬP CHƯƠNG 4

- Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự.
- Câu 2: Quan hệ pháp luật dân sự là gì? Phân tích thành phần quan hệ pháp luật. Lấy ví dụ minh họa.
- Câu 3: Quyền sở hữu là gì? Phân tích nội dung quyền sở hữu. Lấy ví dụ minh họa.
- Câu 4: Thừa kế là gì? Phân tích những nội dung cơ bản của thừa kế theo di chúc. Lấy ví dụ minh họa.

Câu 5: Điều kiện phát sinh thừa kế theo pháp luật? Phân tích những nội dung cơ bản của thừa kế theo pháp luật. Lấy ví dụ minh họa.

Câu 6: Hợp đồng dân sự là gì? Trình bày chủ thể, hình thức, nội dung chủ yếu của hợp đồng dân sự. Lấy ví dụ minh họa.

Câu 7: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự.

Câu 8: Phân tích các giai đoạn tố tụng khi giải quyết vụ kiện dân sự.

Chương 5 LUẬT LAO ĐỘNG

4 tiết

4.1. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT LAO ĐỘNG

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh

4.1.3. Phương pháp điều chỉnh

4.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG

4.2.1. Quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.1. Khái niệm và đặc điểm

4.2.1.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.3. Nội dung của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.4. Khách thể của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.5. Những căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật lao động

4.2.2. Hợp đồng lao động

4.2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng lao động

4.2.2.2. Giao kết hợp đồng lao động

4.2.2.3. Phân loại hợp đồng lao động

4.2.2.4. Nội dung của hợp đồng lao động

4.2.2.5. Thử việc, thời gian thử việc, tiền lương trong thời gian thử việc, kết thúc thời gian thử việc.

4.2.2.6. Thực hiện, chuyển người lao động làm công việc khác, tạm hoãn, làm việc không trọn thời gian, sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động

4.2.2.7. Chấm dứt hợp đồng lao động

4.2.2.8. Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm

4.2.3. Thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.1. Khái niệm về thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.3. Ký kết thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.5. Quá trình thương lượng ký kết thỏa ước

4.2.4. Tiền Lương

4.2.4.1. Khái niệm và vai trò của tiền lương

4.2.4.2. Chức năng của tiền lương

4.2.4.3. Tiền lương tối thiểu

4.2.4.4. Nguyên tắc trả lương, trả lương, hình thức trả lương, kỳ hạn trả lương

4.2.4.5. Tiền lương trong một số trường hợp đặc biệt

4.2.4.6. Tiền thưởng

4.2.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

4.2.5.1. Thời giờ làm việc

4.2.5.2. Thời giờ nghỉ ngơi

4.2.6. Bảo hiểm xã hội

4.2.6.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm xã hội

4.2.6.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội

4.2.6.3. Phân loại bảo hiểm xã hội

4.2.7. Nội quy lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

- 4.2.7.1. Nội quy lao động của doanh nghiệp
- 4.2.7.2. Kỷ luật lao động
- 4.2.7.3. Trách nhiệm vật chất
- 4.2.8. Những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới
- 4.2.8.1. Chính sách của nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng lao động
- 4.2.8.2. Bảo vệ thai sản
- 4.2.8.3. Quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai
- 4.2.8.4. Nghỉ thai sản và bảo đảm việc làm cho lao động nghỉ thai sản

BÀI TẬP CHƯƠNG 5

- Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật lao động.
- Câu 2: Quan hệ pháp luật lao động? Phân tích các thành phần của quan hệ pháp luật lao động. Lấy ví dụ minh họa.
- Câu 4: Trình bày khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- Câu 5: Trình bày chủ thể, hình thức và nội dung giao kết của hợp đồng lao động. Lấy ví dụ minh họa.
- Câu 6: Trình bày những quy định cơ bản của pháp luật về tiền lương, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

Chương 6

LUẬT PHÒNG - CHỐNG THAM NHŨNG 05 tiết

- 6.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, HÀNH VI THAM NHŨNG
 - 6.1.1. Khái niệm tham nhũng
 - 6.1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng
 - 6.1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng
 - 6.1.3.1. Các hành vi về tham nhũng.
 - 6.1.3.2. Đối với các tội phạm về tham nhũng
- 6.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG
 - 6.2.1. Khái niệm phòng, chống tham nhũng
 - 6.2.2. Đặc điểm của phòng, chống tham nhũng
- 6.3. NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG
 - 6.3.1. Nguyên nhân của tham nhũng
 - 6.3.1.1. Những hạn chế trong chính sách, pháp luật
 - 6.3.1.2. Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.
 - 6.3.1.3. Những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng.
 - 6.3.1.4. Những hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức cũng như trong hoạt động bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ.
 - 6.3.2. Tác hại của tham nhũng
 - 6.3.2.1. Tác hại về chính trị
 - 6.3.2.2. Tác hại về kinh tế
 - 6.3.2.3. Tác hại về xã hội.
 - 6.3.3. Vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng
- 6.4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
 - 6.4.1. Trách nhiệm của công dân không phải là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng
 - 6.4.2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng

6.4.2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức bình thường.

6.4.2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

BÀI TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc điểm của hành vi tham nhũng và kể tên các hành vi tham nhũng.

Câu 2: Phân tích nguyên nhân, tác hại và ý nghĩa của công tác phòng, chống tham nhũng.

Câu 3: Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng? Liên hệ bản thân.

Câu 4: Kể tên một số vụ án tham nhũng mà em biết.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Nguyễn Trường Cảnh (2019), Giáo trình pháp luật đại cương, Nxb Khoa học Kỹ thuật, HN 2019

8.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx>

2. Bộ luật Tố tụng hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx>

3. Bộ luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>

4. Bộ luật Tố tụng dân sự được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Bo-luat-to-tung-dan-su-2015-296861.aspx>

5. Bộ luật lao động được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx>

6. Luật Hôn nhân và Gia đình được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx>

7. Luật Phòng chống tham nhũng được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-phong-chong-tham-nhung-2016-322049.aspx>

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							
Chương 1: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	6					12	18
Chương 2: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự	5					10	15

Chương 3: Luật hôn nhân và gia đình	4					8	12
Tín chỉ 2							
Chương 4: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự	6					12	18
Chương 5: Luật lao động	4					8	12
Chương 6: Luật phòng chống, tham nhũng	5					10	15
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của Nhà nước 1.1.1.1. Một số học thuyết phi Mác xít về nguồn gốc của Nhà Nước 1.1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc Nhà nước 1.1.2. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước 1.1.3. Chức năng của Nhà nước 1.1.4. Hình thức của Nhà nước 1.1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 1.1.4.2. Yếu tố cấu thành hình thức nhà nước 1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 1.2.1. Nguồn gốc của Pháp luật 1.2.2. Bản chất và đặc trưng của Pháp luật 1.2.2.1. Bản chất của Pháp luật 1.2.2.2. Những đặc trưng cơ bản của Pháp luật 1.2.3. Vai trò của pháp luật.	Lí thuyết	2	Nghiên cứu trả lời câu hỏi: nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4.1 ; 4.2
	Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị	Tự học, tự NC	6		
2	1.3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT 1.3.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 1.3.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật 1.4. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 1.4.1. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật	Lí thuyết		Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về cấu trúc hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay;	4.1 ; 4.2 ; 4.3

	<p>1.4.1.1. <i>Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật</i></p> <p>1.4.1.2. <i>Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật</i></p> <p>1.4.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta</p> <p>1.4.2.1. <i>Văn bản luật</i></p> <p>1.4.2.2. <i>Văn bản dưới luật</i></p> <p>1.5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT</p> <p>1.5.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật</p> <p>1.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật</p> <p>1.5.2.1. <i>Chủ thể quan hệ pháp luật</i></p> <p>1.5.2.2. <i>Nội dung của quan hệ pháp luật</i></p> <p>1.5.2.3. <i>Khách thể của quan hệ pháp luật</i></p> <p>1.5.2.4. <i>Sự kiện pháp lý</i></p>		2	Phân biệt sự khác nhau giữa văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật	
	Tiền lệ pháp, tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật	Tự học, tự NC	6		
3	<p>1.6. VI PHẠM PHÁP LUẬT</p> <p>1.6.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>1.6.2. Cấu thành của vi phạm pháp luật</p> <p>1.6.3. Các loại vi phạm pháp luật</p> <p>1.7. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ</p> <p>1.7.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý</p> <p>1.7.2. Các loại trách nhiệm</p> <p>1.8. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1.8.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.8.2. Yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.8.3. Nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.8.4. Nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.8.5. Những điều kiện bảo đảm đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về “xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”	4.1 ; 4.2 ; 4.3
	Các loại vi phạm pháp luật và những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa	Tự học, tự NC	6		
4	<p>Chương 2</p> <p>LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ</p> <p>2.1. LUẬT HÌNH SỰ</p> <p>2.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự</p> <p>2.1.2. Tội phạm – các yếu tố cấu thành tội phạm</p> <p>2.1.2.1. <i>Khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm</i></p> <p>2.1.2.2. <i>Một số quy định chung của bộ luật hình sự về tội phạm</i></p> <p>2.1.2.3. <i>Các yếu tố cấu thành tội phạm.</i></p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các yếu tố cấu thành tội phạm, lấy ví dụ minh họa	4.1 ; 4.2 ; 4.3 ;

	Bộ luật Hình sự Việt Nam	Tự học tự NC	6	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx	
5	<p>2.1.3. Hình phạt, các loại hình phạt</p> <p>2.1.3.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.1.3.2. <i>Hình phạt chính.</i></p> <p>2.1.3.3. <i>Hình phạt bổ xung</i></p> <p>2.1.3.4. <i>Biện pháp tư pháp</i></p> <p>2.1.4. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>2.1.4.1. <i>Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự</i></p> <p>2.1.4.2. <i>Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</i></p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các loại hình phạt được quy định tại Bộ luật Hình sự. Án treo có phải là hình phạt không? Tại sao?</p>	4.1 ; 4.2 ; 4.3 ;
	Bộ luật Hình sự Việt Nam	Tự học, tự NC	6	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx	
6	<p>2.2. LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự</p> <p>2.2.2. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội</p>		2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các giai đoạn tố tụng hình sự. Phân biệt bị can và bị cáo?</p>	4.1 ; 4.2 ; 4.3

	<p>2.2.2.1. Khởi tố vụ án hình sự 2.2.2.2. Điều tra vụ án hình sự 2.2.2.3. Truy tố bị can ra trước toà 2.2.2.4. Xét xử sơ thẩm 2.2.2.5. Xét xử phúc thẩm 2.2.2.6. Thi hành bản án và quyết định của toà án. 2.2.2.7. Thủ tục xét xử giám đốc thẩm 2.2.2.8. Thủ tục xét xử giám tái thẩm 2.2.3. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân</p> <p style="text-align: center;">Chương 3 LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 5.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 5.1.1. Khái niệm “hôn nhân” – “gia đình” 5.1.2. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình 5.1.2.1. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình 5.1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình 5.1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình 5.1.3. Các nguyên tắc của luật hôn nhân và gia đình 5.1.4. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình 5.1.4.1. Khái niệm Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình 5.1.4.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p>				
	<p>Bộ luật tố tụng hình sự</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>6</p>	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx</p>	
<p>7</p>	<p>5.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 5.2.1. Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật 5.2.1.1. Điều kiện kết hôn 5.2.1.2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật 5.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về điều kiện kết hôn và quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ,</p>	<p>4.1 ; 4.2 ; 4.3</p>

	<p>5.2.2.1. Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng</p> <p>5.2.2.2. Chế độ tài sản của vợ chồng</p> <p>5.2.3. Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình</p> <p>5.2.3.1. Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình</p> <p>5.2.3.2. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu</p> <p>5.2.3.3. Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em</p> <p>5.2.3.4. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột</p>			<p>chồng, v.v..</p>	
	<p>Luật Hôn nhân và Gia đình</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>6</p>	<p>http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx</p>	
<p>8</p>	<p>5.2.4. Chấm dứt hôn nhân</p> <p>5.2.4.1. Chấm dứt hôn nhân do ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn</p> <p>5.2.4.2. Chấm dứt hôn nhân do vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết</p> <p>5.2.5. Cấp dưỡng</p> <p>5.2.6. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.1. Khái niệm về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.2. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.3. Hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình</p> <p>5.2.6.4. Công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình</p> <p>5.2.6.5. Kết hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.6. Ly hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.7. Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài</p> <p>5.2.6.8. Nghĩa vụ cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài</p> <p style="text-align: center;">Chương 4 LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ</p> <p>3.1. KHÁI NIỆM, QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về thuận tình ly hôn, ly hôn đơn phương và hậu quả của ly hôn; Lấy ví dụ về thành phần của quan hệ pháp luật dân sự</p>	<p>4.1 ; 4.2 ; 4.3</p>

	<p>3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự</p> <p>3.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>3.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>3.1.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự</p>				
	Luật Hôn nhân và gia đình.	Tự học, tự NC	6	http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx	
9	<p>3.2. QUYỀN SỞ HỮU</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Chủ thể của quyền sở hữu</p> <p>3.2.3. Khách thể của quyền sở hữu</p> <p>3.2.4. Nội dung của quyền SH</p> <p>3.2.4.1. Chiếm hữu</p> <p>3.2.4.2. Quyền sử dụng</p> <p>3.2.4.3. Quyền định đoạt</p> <p>3.2.5. Các hình thức sở hữu</p> <p>3.3. QUYỀN THỪA KẾ</p> <p>3.3.1. Một số quy định chung về thừa kế</p> <p>3.3.2. Thừa kế theo di chúc</p> <p>3.3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2.2. Người lập di chúc</p> <p>3.3.2.3. Di chúc hợp pháp</p> <p>3.3.2.4. Những người hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc</p>		2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nội dung quyền sở hữu và những nội dung cơ bản của thừa kế theo di chúc.	4.1 ; 4.2 ; 4.3
	Bộ luật dân sự Việt Nam	Tự học, tự NC	6	http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx	
10	3.3.3. Thừa kế theo pháp luật	Lí thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về những nội dung cơ bản của	

	<p>3.3.3.1. <i>Khái niệm</i> 3.3.3.2. <i>Những trường hợp thừa kế theo pháp luật</i> 3.3.3.3. <i>Hàng thừa kế</i> 3.3.3.4. <i>Thừa kế thế vị</i> 3.4. HỢP ĐỒNG DÂN SỰ 3.4.1. <i>Khái niệm</i> 3.4.2. <i>Chủ thể của hợp đồng dân sự</i> 3.4.3. <i>Hình thức hợp đồng dân sự</i> 3.4.4. <i>Nội dung chủ yếu của hợp đồng</i> 3.4.5. <i>Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu và một số hợp đồng thông dụng</i> 3.4.5.1. <i>Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu</i> 3.4.5.1. <i>Một số hợp đồng thông dụng</i></p>			<p>thừa kế theo pháp luật; Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu, lấy ví dụ minh họa.</p>	
	<p>Bộ luật dân sự Việt Nam</p>	<p>Tự học, tự NC</p>		<p>http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx</p>	
11	<p>3.5. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ 3.5.1. <i>Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự</i> 3.5.1.1. <i>Khái niệm</i> 3.5.1.2. <i>Đối tượng điều chỉnh.</i> 3.5.1.3. <i>Phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng dân sự</i> 3.5.2. <i>Các giai đoạn tố tụng dân sự</i> 3.5.2.1. <i>Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự</i> 3.5.2.2. <i>Hòa giải vụ án dân sự</i> 3.5.2.3. <i>Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự</i> 3.5.2.4. <i>Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự</i> 3.5.2.5. <i>Xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự</i> 3.5.2.6. <i>Xét xử tái thẩm vụ án dân sự</i> 3.5.2.7. <i>Thi hành bản án, quyết định tòa án</i> Chương 5 LUẬT LAO ĐỘNG 4.1. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT LAO ĐỘNG 4.1.1. <i>Khái niệm</i> 4.1.2. <i>Đối tượng điều chỉnh</i> 4.1.3. <i>Phương pháp điều chỉnh</i> 4.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG 4.2.1. <i>Quan hệ pháp luật lao động</i></p>		2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các giai đoạn tố tụng dân sự; Quan hệ pháp luật lao động, lấy ví dụ minh họa.</p>	<p>4.1 ; 4.2 ; 4.3</p>

	<p>4.2.1.1. Khái niệm và đặc điểm</p> <p>4.2.1.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.3. Nội dung của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.4. Khách thể của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.5. Những căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật lao động</p>				
	<p>Bộ luật tổ tụng dân sự</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>6</p>	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thutuc-To-tung/Bo-luat-to-tung-dan-su-2015-296861.aspx</p>	
<p>12</p>	<p>4.2.2. Hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.2. Giao kết hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.3. Phân loại hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.4. Nội dung của hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.5. Thử việc, thời gian thử việc, tiền lương trong thời gian thử việc, kết thúc thời gian thử việc.</p> <p>4.2.2.6. Thực hiện, chuyển người lao động làm công việc khác, tạm hoãn, làm việc không trọn thời gian, sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.7. Chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.8. Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm</p> <p>4.2.3. Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>4.2.3.1. Khái niệm về thỏa ước lao động tập thể</p> <p>4.2.3.2. Ý nghĩa của thỏa ước lao động tập thể</p> <p>4.2.3.3. Ký kết thỏa ước lao động tập thể</p> <p>4.2.3.4. Nguyên tắc ký kết thỏa ước lao động tập thể</p> <p>4.2.3.5. Quá trình thương lượng ký kết thỏa ước</p> <p>4.2.4. Tiền Lương</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về những nội dung cơ bản của hợp đồng lao động; Tiền lương, tiền thưởng.</p>	<p>4.1 ; 4.2 ; 4.3</p>

	<p>4.2.4.1. Khái niệm và vai trò của tiền lương 4.2.4.2. Chức năng của tiền lương 4.2.4.3. Tiền lương tối thiểu 4.2.4.4. Nguyên tắc trả lương, trả lương, hình thức trả lương, kỳ hạn trả lương, 4.2.4.5. Tiền lương trong một số trường hợp đặc biệt 4.2.4.6. Tiền thưởng</p>				
	<p>Bộ luật lao động</p>	<p>Tự học tự NC</p>	<p>6</p>	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx</p>	
<p>13</p>	<p>4.2.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4.2.5.1. Thời giờ làm việc 4.2.5.2. Thời giờ nghỉ ngơi 4.2.6. Bảo hiểm xã hội 4.2.6.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm xã hội 4.2.6.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội 4.2.6.3. Phân loại bảo hiểm xã hội 4.2.7. Nội quy lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất 4.2.7.1. Nội quy lao động của doanh nghiệp 4.2.7.2. Kỷ luật lao động 4.2.7.3. Trách nhiệm vật chất 4.2.8. Những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới 4.2.8.1. Chính sách của nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng lao động 4.2.8.2. Bảo vệ thai sản 4.2.8.3. Quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai 4.2.8.4. Nghỉ thai sản và bảo đảm việc làm cho lao động nghỉ thai sản</p> <p style="text-align: center;">Chương 6 LUẬT PHÒNG - CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, HÀNH VI THAM NHŨNG 6.1.1. Khái niệm tham nhũng 6.1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng 6.1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về thời giờ lao động, thời giờ nghỉ ngơi, nội quy lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất</p>	<p>4.1 ; 4.2 ; 4.3</p>

	<p>6.1.3.1. Các hành vi về tham nhũng.</p> <p>6.1.3.2. Đối với các tội phạm về tham nhũng</p>				
	Bộ luật lao động	Tự học tự NC	6	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx	
14	<p>6.2. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.2.1. Khái niệm phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.2.2. Đặc điểm của phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.3. NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.3.1. Nguyên nhân của tham nhũng</p> <p>6.3.1.1. Những hạn chế trong chính sách, pháp luật</p> <p>6.3.1.2. Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.</p> <p>6.3.1.3. Những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng.</p> <p>6.3.1.4. Những hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức cũng như trong hoạt động bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ.</p> <p>6.3.2. Tác hại của tham nhũng</p> <p>6.3.2.1. Tác hại về chính trị</p> <p>6.3.2.2. Tác hại về kinh tế</p> <p>6.3.2.3. Tác hại về xã hội.</p> <p>6.3.3. Vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nguyên nhân, tác hại và vai trò của công tác phòng chống tham nhũng	4.1 ; 4.2 ; 4.3
	Luật phòng chống tham nhũng	Tự học tự NC	6	http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-phong-chong-tham-nhung-2016-	

				322049.as px	
15	<p>6.4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.4.1. Trách nhiệm của công dân không phải là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.4.2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.4.2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức bình thường.</p> <p>6.4.2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo trong cơ quan, tổ chức, đơn vị</p>	Lý thuyết	2	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về trách nhiệm của công dân không phải là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng.	4.1 ; 4.2 ; 4.3
	Luật phòng chống tham nhũng	Tự học tự NC	6	http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-phong-chong-tham-nhung-2016-322049.aspx	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên.

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các khái niệm, các nội dung lý thuyết liên quan đến Lý luận chung lý luận chung và nhà nước pháp luật, cũng như một số chế định của Luật Hình sự và luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự và luật Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phòng chống tham nhũng	CLO1; CLO2; CLO3

Bài tập, thảo luận	Tinh huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề và xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật cho sinh viên.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3
	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

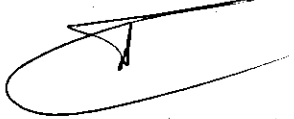
iii) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Viết đúng khung lý thuyết	40	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	

Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	60	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ
---	----	---	---	--	---

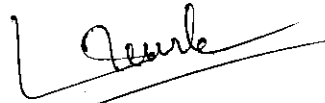
12. Ngày hoàn thành đề cương: 20/5/2022

TRƯỞNG KHOA



TS Nguyễn Trường Cảnh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS Lê Cao Vinh

GIẢNG VIÊN



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Trần Cẩm Ninh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: camninh83@gmail.com. 03213.713.284

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: nguyenhuong.utehy09@gmail.com. 03213.713.284

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 1

2.2. Mã số: 151991

2.3. Khối lượng: 2 TC (2LT)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học Thời gian	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Các học phần có liên quan thuộc chuyên ngành.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thực hành tiếng, khoa Ngoại ngữ.

3. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về ngữ âm, chữ Trung Quốc và một số điểm ngữ pháp cơ bản. Phần ngữ âm bao gồm: thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, thanh nhẹ, biến thanh... Phần chữ Trung Quốc giới thiệu về các nét, cấu tạo cơ bản của chữ Trung Quốc, cách viết chữ Trung Quốc. Phần từ vựng cung cấp những từ đơn giản trong giao tiếp. Phần ngữ pháp cung cấp một số mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp đơn giản. Chương trình cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe nói cơ bản theo những chủ đề đơn giản, gần gũi với đời sống thường ngày.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

* **Kiến thức:**

CO1. Nhận biết và nắm vững kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm của tiếng Trung Quốc, các nét chữ Trung Quốc cơ bản, các nét biến thể từ các nét cơ bản, một số bộ thủ thông dụng và quy tắc bút thuận để tập viết, thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Trung Quốc, các mẫu câu đơn giản, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, giới từ...

CO2. Mở rộng được vốn từ về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống.

CO3. Biết được yêu cầu, định dạng, cách làm bài thi và phạm vi ngôn ngữ được ứng dụng trong từng kỹ năng làm bài thi bậc 1.

*** Kỹ năng:**

CO4. Biết phân biệt các phiên âm, biết dùng phiên âm, bộ thủ để tra từ điển, biết viết chữ Trung Quốc theo đúng thứ tự các nét, điền một số thông tin cơ bản về cá nhân.

CO5. Vận dụng vốn từ để giới thiệu các thông tin cơ bản, đơn giản về bản thân, gia đình, chủ động chào hỏi và trả lời khi được hỏi thăm, biết dùng những từ ngữ cơ bản khi muốn biểu đạt nhu cầu cơ bản của bản thân.

CO6. Nghe hiểu và có thể phản ứng trong các trường hợp đơn giản như: các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học, chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt, các chủ đề liên quan đến cá nhân, học tập.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO7: Chăm chỉ, sáng tạo, có ý thức kỷ luật và trách nhiệm cao trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	- Nhận biết và nắm vững kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm của tiếng Trung Quốc, các nét chữ Trung Quốc cơ bản, các nét biến thể từ các nét cơ bản, một số bộ thủ thông dụng và quy tắc bút thuận để tập viết, thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Trung Quốc.	PLO1
	CLO2	- Nhận biết và phân biệt được một số loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, lượng từ; cách diễn tả định lượng đối với danh từ ở mức cơ bản nhất.	PLO1
CO2	CLO3	- Có đủ vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đơn giản đủ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác, mua hoa quả, học tập; Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	PLO1
	CLO4	- Hiểu được lời nói trực tiếp trong hội thoại hàng ngày, giới thiệu bản thân, gia đình, nơi ở...	PLO1
CO3	CLO5	- Vận dụng tương đối thuần thục các thủ thuật làm các dạng bài có trong bài thi năng lực tiệm cận khung bậc 1; hoàn thành bài thi trong thời gian quy định	PLO1
Kỹ năng			
CO4	CLO6	- Có thể phân biệt các phiên âm, bộ thủ để tra từ điển, biết viết chữ Trung Quốc theo đúng thứ tự các nét, điền một số thông tin cơ bản về cá nhân như: họ tên, nơi ở...	PLO8
CO5	CLO7	- Có thể sử dụng các cụm từ và câu đơn giản để nói về các chủ đề quen thuộc về bản thân, đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như giới thiệu bản thân, món ăn, đối tiền...	PLO8

	CLO8	-Hiểu và làm theo được các chỉ dẫn cơ bản, đơn giản (ví dụ như các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học ...)	PLO8
CO6	CLO9	- Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt, các chủ đề liên quan đến cá nhân, học tập, mua sắm, nơi ở, di chuyển...	PLO8
	CLO10	- Có thể hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu.	PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO11	- Tự giác, sáng tạo trong học tập ở lớp, nhiệt tình, tích cực luyện tập, phát triển các kỹ năng, chăm chỉ và chủ động hoàn thành các bài tập ở nhà.	PLO12, PLO13,
	CLO12	- Hợp tác, tự tin khi thực hiện các hoạt động tự học theo nhóm ngoài giờ học hoặc làm việc độc lập ở nhà.	PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
151991	Ngoại ngữ 2- Tiếng Trung 1	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	1	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 : 第一课：你好
3 tiết (3LT)

- 1.1. 语音
- 1.2. 生词
- 1.3. 注释
- 1.4. 主题

Nội dung 2 : 第二课：汉语不太难
3 tiết (3LT)

- 2.1. 语音
- 2.2. 生词
- 2.3. 注释
- 2.4. 主题

Nội dung 3 : 第三课 : 明天见
3 tiết (3LT)

- 3.1. 语音
- 3.2. 生词
- 3.3. 注释
- 3.4. 主题

Nội dung 4 : 第四课 : 你去哪儿
3 tiết (3LT)

- 4.1. 语音
- 4.2. 生词
- 4.3. 注释
- 4.4. 主题

Nội dung 5 : 第五课 : 这是王老师
3 tiết (3LT)

- 5.1. 语音
- 5.2. 生词
- 5.3. 语法
- 5.4. 主题

Nội dung 6 : 第六课 : 我学习汉语
3 tiết (3LT)

- 6.1. 生词
- 6.2. 语法
- 6.3. 主题

Nội dung 7 : 第七课 : 你吃什么
3 tiết (3LT)

- 7.1. 生词
- 7.2. 语法
- 7.3. 主题

Nội dung 8 : 第八课 : 苹果一斤多少钱
3 tiết (3LT)

- 8.1. 生词
- 8.2. 语法
- 8.3. 主题

Nội dung 9: 第九课 : 我换人民币
3 tiết (3LT)

- 9.1. 生词
- 9.2. 语法

9.3. 主题

Nội dung 10 : 第十课 : 他住哪儿
3 tiết (3LT)

10.1. 生词

10.2. 语法

10.3. 主题

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), "Giáo trình Hán ngữ - tập I - quyển thượng" (phiên bản mới), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1. Ngọc Hân (chủ biên), "Tập viết chữ Hán", NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2.2. Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), "Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa", Nhà xuất bản Thời đại, 2014.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Nội dung 1: 第一课 : 你好	3					6	9
Nội dung 2: 第二课 : 汉语不太难	3					6	9
Nội dung 3: 第三课 : 明天见	3					6	9
Nội dung 4: 第四课 : 你去哪儿	3					6	9
Nội dung 5: 第五课 : 这是王老师	3					6	9
Nội dung 6: 第六课 : 我学习汉语	3					6	9
Nội dung 7: 第七课 : 你吃什么	3					6	9
Nội dung 8: 第八课 : 苹果一斤多少钱	3					6	9
Nội dung 9: 第九课 : 我换人民币	3					6	9

Nội dung 10: 第十课： 他住哪儿	3					6	9
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
1	Nội dung 1: 第一课: 你好 1.1. 语音: 1.1. 1.声母 1.1.2. 韵母 1.1.3. 拼音 1.1.4. 声调 1.2. 注释: 2.1. 书写规则 2.2. 变调 1.3. 生词: 1.4. 课文: 你好。	Lí thuyết	3	- Có đầy đủ tài liệu và đĩa nghe liên quan đến giáo trình - Tìm hiểu trước về ngữ âm, chữ viết, các bộ thủ tiếng Trung Quốc.	CLO1 CLO2 CLO6
	练习	Tự học	6	- Luyện đọc, viết trôi chảy. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO11 CLO12
2	Nội dung 2 第二课: 汉语不太难 2.1. 语音: 2.1.1. 韵母 2.1.2. 拼音 2.2. 注释: 2.2.1. 轻声 2.2.2. 半三声 2.3. 生词 2.4. 课文: 汉语不太难	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ phần ngữ âm và cách viết từ mới của bài cũ. - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 13-15) - Nghe trước nội dung, nghe và mô tả lại thông tin.	CLO1 CLO2 CLO6

	练习	Tự học	6	- Luyện nói đúng ngữ điệu (nghe và nhắc lại) Trang 16-17 - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO11 CLO12
3	Nội dung 3 第三课：明天见 3.1语音: 3.1.1声母 3.1.2韵母 3.1.3拼音 3.2.注释 3.2.1书写规则 3.2.2“不”的变调 3.3.生词 3.4.课文: 3.4.1.学汉语。 3.4.2明天见。	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ phần ngữ âm và cách viết từ mới của bài cũ. - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 19-24) - Luyện nói trôi chảy	CLO1 CLO2 CLO6
	练习	Tự học	6	- Luyện nói đúng ngữ điệu (nghe và nhắc lại) Trang 24-25 - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO11 CLO12
4	Nội dung 4 第四课：你去哪儿？ 4.1语音: 4.1.1声母 4.1.2韵母 4.1.3拼音 4.2.注释：“er”和儿化韵 4.3.生词, 专名 4.4.课文: 4.4.1.你去哪儿? 4.4.2.对不起	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ phần ngữ âm và cách viết từ mới của bài cũ. - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 28-33) - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác. Trang 33-34.	CLO1 CLO2 CLO6 CLO9 CLO10
	练习	Tự học	6	- Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO6 CLO9 CLO10

					CLO11 CLO12
5	Nội dung 5 第五课：这是什么？ 5.1语音： 5.1.1声母 5.1.2拼音 5.2.生词，专名 5.3.课文：这是王老师。 附：汉语普通话声韵母拼合表	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ phần ngữ âm và cách viết từ mới của bài cũ. - Đọc trước và chuẩn bị trang 37-41	CLO1 CLO2 CLO6 CLO9 CLO10
	练习	Tự học	6	- Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu. - Chú ý bảng phiên âm tiếng Trung trang 45. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO6 CLO11 CLO12
6	Nội dung 6 第六课：我学习汉语。 6.1生词，专名。 6.2.注释： 6.2.1: 中国人的姓名 6.2.2 : 贵姓 6.3课文： 6.3.1:我学习汉语 6.3.2: 这是什么书？	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ phần ngữ âm và cách viết từ mới của bài cũ. - Đọc trước và chuẩn bị trang 46-50	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	练习	Tự học	6	- Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu trang 51-52. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	CLO1 CLO6 CLO10 CLO11 CLO12

7	<p>Nội dung 7 第七课：你吃什么 7.1. 生词， 专名。 7.2. 注释：“一”的变调 7.3. 课文：你吃什么</p>	<p>Li thuyết</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 56-58) - Nghe trước nội dung (nghe và nhắc lại, nghe và viết lại câu). - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu của các mẫu câu giao tiếp (nghe và nhắc lại theo các thông tin mẫu). Trang 59-60 	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10</p>
	<p>练习</p>	<p>Tự học</p>	6	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu. - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên. 	<p>CLO1 CLO4 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11 CLO12</p>
8	<p>Nội dung 8 第八课：苹果一斤多少钱？ 8.1. 生词。 8.2. 注释： 8.2.1.....吧 8.2.2.“2 + 量词” “两 + 量词” 8.3. 课文：你吃什么？</p>	<p>Li thuyết</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 63-65) - Nghe trước nội dung (nghe và nhắc lại, nghe và viết lại câu) 63-65 - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu của các mẫu câu giao tiếp (nghe và nhắc lại theo các thông tin mẫu). Trang 63-64 	<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO10</p>
	<p>练习</p>	<p>Tự học</p>	6	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu trang 66-67. - Bổ sung vốn từ về hoa quả, trang 68. 	<p>CLO4 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11 CLO12</p>

				<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên. 	
9	Nội dung 9 第九课：我换人民币 9.1.生词。 9.2.注释： 9.2.1: 先生, 小姐 9.2.2. 请等一下。 9.3.课文：我换人民币	Lí thuyết	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 70-72) - Nghe trước nội dung (nghe và nhắc lại, nghe và viết lại) - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu (nghe và nhắc lại theo các thông tin mẫu). Trang 70-72 	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	练习	Tự học	6	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu trang 73-74. - Phát triển các mẫu câu, hỏi, trả lời cơ bản. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên. 	CLO4 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11 CLO12
10	Nội dung 10 第十课：他住哪儿？ 10.1.生词, 专名。 10.2.注释： 10.2.1请问 10.2.2他在家呢。 10.2.3您 10.2.4“0” 10.3.语法。 10.3.1汉语句子的语序。 10.3.2动词谓语句。 10.3.3号码的读法。 10.4.课文：他住哪儿？	Lí thuyết	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 76-78) - Nghe trước nội dung (nghe và nhắc lại, nghe và viết lại) - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu (nghe và nhắc lại theo các thông tin mẫu). Trang 76-78 	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
	练习	Tự học	6	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nói đúng trọng âm và ngữ điệu trang 82-83. 	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7

				<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các mẫu câu, hỏi, trả lời cơ bản. - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên. 	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
--	--	--	--	--	---------------------------------

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, hoàn thành bài tập được giao.

- Hoàn thành 1 bài Kiểm tra giữa học phần và 1 bài thi Kết thúc học phần theo quy chế đào tạo.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10; CLO11; CLO12
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO11; CLO12

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Bài tập về nhà	70	Hoàn thành trên 80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 70-80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 50%-70% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành <50% số lượng của yêu cầu	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

11.2.2. Kiểm tra giữa học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong nửa đầu của học phần.

- Nội dung: Sinh viên sẽ phải thi các dạng bài tập đã học với các chủ điểm tương tự các nội dung của nửa đầu học phần.

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Kiểm tra viết.

11.2.3. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết.

- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng ĐT lập.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
	Kiểm tra GHP	25	CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO10
Thi kết thúc học phần		50	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

12. Ngày hoàn thành đề cương:

10/08/2022

TRƯỞNG KHOA

(Kí, ghi rõ họ tên)

Đỗ Phúc Hương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Năm

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Trần Cẩm Ninh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 2

2. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Trần Cẩm Ninh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: camninh83@gmail.com. 03213.713.284

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hường**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: nguyenhuong.utehy09@gmail.com. 03213.713.284

2. Thông tin chung về học phần

2.1. **Tên học phần:** Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 2

2.2. **Mã số:** 151992

2.3. **Khối lượng:** 2 TC (2LT)

2.4. **Thời gian đối với các hoạt động dạy học**

Hoạt động dạy học Thời gian	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. **Học phần:** Bắt buộc

2.6. **Điều kiện học phần:**

- Học phần học trước: Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1
- Học phần song hành: Các học phần có liên quan thuộc chuyên ngành

2.7. **Đối tượng tham dự:** Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

2.8. **Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Thực hành tiếng, khoa Ngoại ngữ.

3. Mô tả học phần:

Học phần này tiếp tục củng cố, trang bị cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản. Cơ bản hoàn thiện hệ thống kiến thức tiếng Trung Quốc sơ cấp dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp cơ bản (sự tiến hành của động tác, câu có hai tân ngữ, câu liên động, động từ lặp lại, câu vị ngữ danh từ...); các bài khóa có chủ đề gần gũi với đời sống hàng ngày, giúp sinh viên củng cố trình độ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1. Kiến thức cơ bản của một số loại từ cơ bản, các thành phần câu trong tiếng Trung Quốc.

CO2. Kiến thức cơ bản về các loại câu cơ bản trong tiếng Trung Quốc.

CO3. Sự hiểu biết về định dạng, cách thức làm bài, mức độ khó của từ vựng và ngữ pháp trong bài thi bậc 1.

*** Kỹ năng:**

CO4. Sử dụng được các mẫu câu và các điểm ngữ pháp đã học để luyện nói theo nhóm, mô phỏng đặt câu, viết câu đơn giản.

CO5. Có thể hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt, giao tiếp được trong các tình huống liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

CO6. Vận dụng các từ ngữ, câu đơn giản để giới thiệu về bản thân hoặc những đề tài thân thuộc trong cuộc sống hằng ngày...

** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

CO7. Chăm chỉ, sáng tạo, có ý thức kỷ luật và trách nhiệm cao trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	- Nhận biết và nắm vững kiến thức cơ bản của một số loại từ cơ bản, các thành phần câu trong tiếng Trung Quốc: động từ, hình dung từ, lượng từ, giới từ, phó từ, đại từ nghi vấn, trạng ngữ...	PLO1
CO2	CLO2	- Nhận biết và nắm vững một số loại câu trong tiếng Trung Quốc như câu hỏi nghi vấn, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi về hành vi động tác, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu vị ngữ danh từ...	PLO1
CO3	CLO3	- Vận dụng tương đối thuần thục các thủ thuật làm các dạng bài có trong bài thi năng lực theo khung bậc 1; hoàn thành bài thi trong thời gian quy định.	PLO1
Kỹ năng			
CO4	CLO4	- Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, học tập, đi mua hàng, việc làm...)	PLO8
	CLO5	- Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu...	PLO8
CO5	CLO6	- Có thể giao tiếp những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc, bản thân, gia đình, thói quen hằng ngày, diễn đạt đơn giản điều mình thích và không thích.	PLO8
	CLO7	- Có thể hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực.	PLO8

CO6	CLO8	- Có thể mô tả về bản thân, gia đình, học tập, công việc, thói quen hằng ngày, các hoạt động và kinh nghiệm cá nhân ở mức cơ bản nhất.	PLO8
	CLO9	- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày.	PLO8
	CLO10	- Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời.	PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO11	- Tự giác, sáng tạo trong học tập ở lớp, nhiệt tình, tích cực luyện tập, phát triển các kỹ năng, chăm chỉ và chủ động hoàn thành các bài tập ở nhà.	PLO12, PLO3
	CLO12	- Hợp tác, tự tin khi thực hiện các hoạt động tự học theo nhóm ngoài giờ học hoặc làm việc độc lập ở nhà.	PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
151992	Ngoại ngữ 2- Tiếng Trung 2	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	1	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 : 第十一课：我们都是留学生
3 tiết (3LT)

- 1.1. 生词
- 1.2. 注释
- 1.3. 语法
- 1.4. 主题

Nội dung 2 : 第十二课：你在哪儿学习
3 tiết (3LT)

- 2.1. 生词
- 2.2. 注释
- 2.3. 语法
- 2.4. 主题

Nội dung 3 : 第十三课：这是不是药
3 tiết (3LT)

- 3.1. 生词
- 3.2. 注释

3.3. 主题

**Nội dung 4 : 第十四课 : 你的车是新的还是旧的
3 tiết (3LT)**

4.1. 生词

4.2. 注释

4.3. 语法

4.4. 主题

**Nội dung 5 : 第十五课 : 你们公司有多少职员
3 tiết (3LT)**

5.1. 生词

5.2. 注释

5.3. 语法

5.4. 主题

**Nội dung 6 : 第十六课 : 你常去图书馆吗
3 tiết (3LT)**

6.1. 生词

6.2. 注释

6.3. 语法

6.4. 主题

**Nội dung 7 : 第十七课 : 他在做什么呢
3 tiết (3LT)**

7.1. 生词

7.2. 注释

7.3. 语法

7.4. 主题

**Nội dung 8 : 第十八课 : 我去邮局寄包裹
3 tiết (3LT)**

8.1. 生词

8.2. 注释

8.3. 语法

8.4. 主题

**Nội dung 9 : 第十九课 : 可以试试吗
3 tiết (3LT)**

9.1. 生词

9.2. 注释

9.3. 主题

Nội dung 10: 第二十课：祝你生日快乐
3 tiết (3LT)

- 10.1. 生词
- 10.2. 注释
- 10.3. 语法
- 10.4. 主题

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

8.1.1. Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), "Giáo trình Hán ngữ - tập I - quyển thượng" (phiên bản mới), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

8.1.2. Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), "Giáo trình Hán ngữ - tập I - quyển hạ" (phiên bản mới), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

8.2. Học liệu tham khảo:

8.2.1. Trần Thị Thanh Liêm, "Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa", Nhà xuất bản Thời đại, 2014.

8.2.2. Trương Văn Giới - Lê Khắc Kiều Lục, "Sổ Tay Ngữ Pháp Tiếng Hán Hiện Đại", Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2007.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Nội dung 1 : 第十一课 ：我们都是留学生	3					6	9
Nội dung 2 : 第十二课 ：你在哪儿学习	3					6	9
Nội dung 3 : 第十三课 ：这是不是药	3					6	9
Nội dung 4 : 第十四课 ：你的车是新的还是旧的	3					6	9
Nội dung 5 : 第十五课 ：你们公司有多少职员	3					6	9
Nội dung 6 : 第十六课 ：你常去图书馆吗	3					6	9
Nội dung 7 : 第十七课 ：他在做什么呢	3					6	9
Nội dung 8 : 第十八课 ：我去邮局寄包裹	3					6	9

Nội dung 9 : 第十九课 : 可以试试吗	3					6	9
Nội dung 10: 第二十课 : 祝你生日快乐	3					6	9
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
1	Nội dung 1: 第十一课：我们都是留学生 1.1. 生词 1.2. 注释 我先介绍一下儿。 1.3. 语法 1.3.1. 怎么问：.....吗？ 1.3.2. 状语。 1.3.3. 副词“也”和“都”。 1.4. 课文： 1.4.1. 这位是王教授。 1.4.2. 我们都是留学生。 1.4.3. 你也是中国人吗。	Lí thuyết	3	- Có đầy đủ tài liệu và đĩa nghe liên quan đến giáo trình - Đọc trước trang 86-90. - Nghe nội dung, và mô tả lại thông tin bài khóa.	CLO1 CLO2 CLO10 CLO12
	练习	Tự học	6	- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (Bài 7,8 trang 96) - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 98-103)	CLO1 CLO11 CLO12
2	Nội dung 2 第十二课：你在哪儿学习 2.1. 生词。 2.2. 语法： 2.2.1 怎么问：疑问代词 2.2.2 定语和结构助词“的” 2.2.3 介词“在”和“给”	Lí thuyết	3	- Ôn tập kĩ từ mới của bài cũ. - Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO9 CLO10 CLO12

	<p>2.3. 课文：</p> <p>2.3.1 你在哪儿学习？</p> <p>2.3.2 你们的老师是谁？</p>				
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 4, 5, 6 trang 106-108)</p> <p>- Đọc trước thông tin (trang 110-115).</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p>
3	<p>Nội dung 3</p> <p>第十三课：这是不是药</p> <p>3.1. 生词。</p> <p>3.2. 注释：这是一些药。</p> <p>3.3. 语法：</p> <p>3.3.1. 形容词谓语句。</p> <p>3.3.2. 怎么问：正反问句</p> <p>3.3.3“的”字词组</p> <p>3.4. 课文：</p> <p>3.4.1 这个箱子很重。</p> <p>3.4.2 这是不是中药。</p>	Lí thuyết	3	<p>- Đọc trước và ôn lại bài khóa cũ.</p> <p>- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa.</p> <p>- Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO12</p>
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 4, 7 trang 119-121)</p> <p>- Đọc trước thông tin (trang 124-130).</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO5</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p>
4	<p>Nội dung 4</p> <p>第十四课：你的车是新的还是旧的</p> <p>4.1. 生词</p> <p>4.2. 注释</p> <p>4.2.1. 有（一）点儿忙。</p> <p>4.2.2. 啊，在那儿啊。</p> <p>4.3. 语法</p> <p>4.3.1 主谓谓语句（1）</p> <p>4.3.2 怎么问（4）：选择句</p>	Lí thuyết	3	<p>- Đọc trước và ôn lại bài khóa cũ.</p> <p>- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa.</p> <p>- Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p>

	<p>43.3 怎么问 (5) : 省略句 : (。。。呢?)</p> <p>4.4. 课文</p> <p>4.4.1 您身体好吗?</p> <p>4.4.2 你的自行车是新的还是旧的?</p>				
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 4, 5 trang 134-135)</p> <p>- Đọc trước thông tin (trang 137-144).</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO11 CLO12</p>
5	<p>Nội dung 5</p> <p>第十五课：你们公司有多少职员</p> <p>5.1. 生词</p> <p>5.2. 注释</p> <p>5.2.1. 我只有<u>两个</u>弟弟。</p> <p>5.2.2. <u>一百多个</u></p> <p>5.2.3 <u>不都是</u>外国职员。</p> <p>5.3. 语法</p> <p>5.3.1“有”字句</p> <p>5.3.2 称数法</p> <p>5.3.3 询问数量“几”和“多少”</p> <p>5.3.4. 数量词组 “数 + 量 + 名 ”</p> <p>5.4. 课文</p> <p>5.4.1 你家有几口人?</p> <p>5.4.2 你们公司有多少职员?</p>	Lí thuyết	3	<p>- Đọc trước và ôn lại bài khóa cũ.</p> <p>- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa.</p> <p>- Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12</p>
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 4, 6 trang 147-149)</p> <p>- Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 1-7)</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO11 CLO12</p>

6	<p>Nội dung 6 第十六课：你常去图书馆吗 6.1 生词 6.2. 注释 6.2.1. 你跟我一起去，<u>好吗</u>？ 6.2.2. <u>咱们走吧</u>。 6.2.3 我很少看电视。 6.3. 语法 6.3.1 时间词语作状语 6.3.2 “还是”和“或者” 6.4. 课文 6.4.1 你常去图书馆吗？ 6.4.2 晚上你常做什么？</p>	Lí thuyết	3	<p>- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 5, 7 trang 9-12) - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 14-20)</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
7	<p>Nội dung 7 第十七课：他在做什么呢 7.1. 生词 7.2. 注释 7.2. 1. 怎么去呢？ 7.2. 2. 行 7.3. 语法 7.3. 1 动作的进行 7.3. 2 双宾语句 7.3. 3 询问动作行为的方式： 怎么+动词？ 7.4. 课文 7.4. 1 他在做什么呢？ 7.4. 2 谁教你们语法？</p>	Lí thuyết	3	<p>- Nghe nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. Trang 14-16 - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

	练习	Tự học	6	- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 5, 7 trang 23-26) - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 28-32)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
8	Nội dung 8 第十八课：我去邮局寄包裹 8.1. 生词 8.2. 注释 8.2.1. 顺便替我买几张邮票吧 。 8.2.2. 没问题 8.3. 语法：连动句 8.4. 课文 8.4.1 我去邮局寄包裹 8.4.2 外贸代表团明天去上海参观.	Lí thuyết	3	- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. Trang 28-31 - Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
	练习	Tự học	6	- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 4, 5 trang 35-37) - Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 40-47)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

9	<p>Nội dung 9 第十九课：可以试试吗</p> <p>9.1. 生词</p> <p>9.2. 注释</p> <p>9.2.1. 人民币的单位</p> <p>9.2.2. 太少了。</p> <p>9.3. 语法</p> <p>9.3.1 动词重叠</p> <p>9.3.2 又。。。又。。。。</p> <p>9.3.3 “一点儿”和“有（一）点儿”</p> <p>9.4. 课文</p> <p>9.4.1 可以试试吗</p> <p>9.4.2 便宜一点儿吧</p>	Lí thuyết	3	<p>- Nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. Trang 40-43</p> <p>- Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
	练习	Tự học	6	<p>- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 4, 6 trang 50-51)</p> <p>- Đọc trước và kiểm tra thông tin (trang 54-60)</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
10	<p>Nội dung 10 第二十课：祝你生日快乐</p> <p>10.1. 生词</p> <p>10.2. 注释</p> <p>10.2.1. 属狗的</p> <p>10.2.2. 是吗？</p> <p>10.2.3 就在我的房间</p> <p>10.3. 语法</p> <p>10.3.1 名词谓语句</p> <p>10.3.2 年、月、日</p> <p>10.3.3 怎么问 (6) 疑问语调。</p> <p>10.4. 课文</p>		3	<p>- Nghe trước nội dung, nghe và mô tả lại thông tin bài khóa. Trang 54-57</p> <p>- Phát triển các mẫu câu hỏi đáp cơ bản (viết và nói)</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

	10.4.1 你哪一年大学毕业？ 10.4.2 祝你生日快乐				
	练习	Tự học	6	- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên (bài 3, 5 trang 63-64)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, hoàn thành bài tập được giao.

- Hoàn thành 1 bài Kiểm tra giữa học phần và 1 bài thi Kết thúc học phần theo quy chế đào tạo.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10; CLO11; CLO12
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO11; CLO12

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.2. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Bài tập về nhà	70	Hoàn thành trên 80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 70-80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 50%-70% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành <50% số lượng của yêu cầu	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

11.2.2. Kiểm tra giữa học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nửa đầu của học phần.

- Nội dung: Sinh viên sẽ phải thi các dạng bài tập đã học với các chủ điểm tương tự các nội dung của nửa đầu học phần.

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Kiểm tra viết.

11.2.3. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết.

- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng ĐT lập.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO11, CLO12
	Kiểm tra GHP	25	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9
Thi kết thúc học phần		50	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.

12. Ngày hoàn thành đề cương:

10/08/2022

TRƯỞNG KHOA

(Kí, ghi rõ họ tên)

Đỗ Phúc Hoàng

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Năm

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Trần Cẩm Ninh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 3

3. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: nguyenhuong.utehy09@gmail.com. 02213713284

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Cẩm Ninh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: camninh83@gmail.com. 02213713284

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 3

2.2. Mã số: 151993

2.3. Khối lượng: 2TC (2 Lí thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện		30	60	90

2.5. Học phân: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phân:

- Học phân tiên quyết: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 1
- Học phân học trước: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 2
- Học phân song hành: Các học phân có liên quan thuộc chuyên ngành

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phân: Bộ môn Thực hành tiếng, khoa Ngoại ngữ

3. Mô tả học phân:

Học phân Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung 3 có tính chất mở rộng số lượng từ vựng và các phạm trù ngữ pháp cơ bản, thông dụng của tiếng Hán. Số lượng từ vựng khoảng hơn 300 từ, trong đó bên cạnh các từ đơn và các danh từ, động từ, tính từ còn có sự xuất hiện thêm nhiều loại hình từ loại khác như: phó từ, trợ từ, liên từ, cặp đại từ quan hệ, từ ghép nhất định. Đồng thời, học phân này cũng chú trọng mở rộng về thành phần câu và một số loại hình câu như: thành phần bổ ngữ, câu kiêm ngữ, câu vị ngữ danh từ. Nội dung của các bài hội thoại là những chủ đề quen thuộc trong học tập và cuộc sống thường ngày như: sở thích, học tập, thi cử, cách giao tiếp qua điện thoại, đi thuê phòng, đi khám bệnh... Các bài tập được thiết kế đa dạng giúp sinh viên có thể củng cố và vận dụng tốt các kiến thức từ vựng, ngữ pháp đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết đúng, trôi chảy và mạch lạc hơn.

4. Mục tiêu của học phân (Course objective; viết tắt là COs)

Học phân này trang bị cho người học:

* **Kiến thức:**

CO1. Các kiến thức về đặc điểm ngữ pháp, cách sử dụng của một số bổ ngữ, trợ từ và mẫu câu thông dụng trong tiếng Hán như: bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ thời lượng, trợ từ ngữ khí 了, trợ từ động thái 了, câu kiêm ngữ, câu vị ngữ danh từ, đặc biệt là cách dùng của năng nguyện động từ, động từ ly hợp.

CO2. Vốn từ vựng được mở rộng về số lượng và từ loại với sự xuất hiện nhiều hơn của các tính từ, phó từ, cặp đại từ quan hệ có tần suất sử dụng cao trong tiếng Hán.

CO3. Một số yêu cầu, định dạng, cách làm bài thi và phạm vi ngôn ngữ được ứng dụng trong bài thi bậc 2 phù hợp với các kiến thức của học phần.

*** Kỹ năng:**

CO4. Biểu đạt và trao đổi thông tin, thực hiện cuộc hội thoại ngắn ở mức độ tương đối chậm liên quan đến các tình huống và chủ đề thường nhật như: thói quen học tập và sinh hoạt hằng ngày, môi trường sống, cách biểu đạt thời gian, địa điểm, phương hướng, vị trí, cách chỉ đường...

CO5. Nghe hiểu ý chính trong các giao dịch ngắn về một số hoạt động trong cuộc sống thường nhật cũng như quá trình học tập có tốc độ nói chậm và giọng chuẩn.

CO6. Đọc hiểu ý chính của các đoạn văn ngắn về các chủ đề liên quan đến môn học, dự định cá nhân hay lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO7: Chăm chỉ, sáng tạo, có ý thức kỷ luật và trách nhiệm cao trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	- Phân biệt được sự khác nhau trong cách sử dụng của các năng nguyện động từ, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ thời lượng, trợ từ động thái 了 và trợ từ ngữ khí 了 trong tiếng Hán.	PLO1
	CLO2	- Giải thích được cách dùng của một số cặp đại từ quan hệ, các phương vị từ, một số phó từ đồng nghĩa, trái nghĩa.	PLO1
	CLO3	- Trình bày được đặc trưng ngữ pháp của động từ ly hợp, cách biểu đạt giờ, ngày tháng năm, một số loại hình câu như: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ ...	PLO1
CO2	CLO4	- Vận dụng và phát huy tốt vốn từ vựng được học để diễn đạt, giao tiếp được về các chủ đề trong quá trình học tập và một số hoạt động trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày.	PLO1
CO3	CLO5	- Làm được một số dạng bài có trong bài thi năng lực theo khung bậc 2 phù hợp với trình độ và chương trình của học phần.	PLO1
Kỹ năng			
CO4	CLO6	- Hỏi và trả lời được về các tình huống và chủ đề thường nhật như: môi trường sống, thói quen học tập và sinh hoạt hằng ngày, thi cử, đi thuê phòng, khám bệnh, cách biểu đạt thời gian, địa điểm, phương hướng, vị trí, cách chỉ đường.	PLO8
CO5	CLO7	- Nghe và giao tiếp được một số giao dịch ngắn phù hợp với phạm vi kiến thức và nội dung chủ đề của học phần.	PLO8
CO6	CLO8	- Đọc hiểu và diễn đạt lại được nội dung chính của các đoạn văn ngắn có độ dài và nội dung	PLO8

		phù hợp liên quan đến các kiến thức của học phần.	
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO9	- Có ý thức tự giác cao, tích cực và chủ động trong các hoạt động ở trên lớp và tự học ở nhà.	PLO12
	CLO10	- Dẫn hình thành và rèn luyện được tư duy, phương pháp, năng lực học tập và làm việc cá nhân và theo nhóm một cách sáng tạo, kỷ luật và chuyên nghiệp.	PLO13 PLO14 PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
151993	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 3										
		3	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	1	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

第二十一课：我们明天七点一刻出发
3 tiết (3LT)

- 1.1.生词
- 1.2.语法
- 1.3.课文

第二十二课：我打算请老师教我京剧
3 tiết (3LT)

- 2.1.生词
- 2.2.语法
- 2.3.课文
- 2.4.练习

第二十三课：学校里边有邮局吗
3 tiết (3LT)

- 3.1.生词
- 3.2.语法
- 3.3.课文
- 3.4.练习

第二十四课：我想学太极拳
3 tiết (3LT)

- 4.1. 生词
- 4.2. 语法
- 4.3. 课文
- 4.4. 练习

第二十五课：她学得很好
3 tiết (3LT)

- 5.1. 生词
- 5.2. 语法
- 5.3. 课文
- 5.4. 练习

第二十六课：田芳去哪儿了
3 tiết (3LT)

- 6.1. 生词
- 6.2. 语法
- 6.3. 课文
- 6.4. 练习

第二十七课：玛丽哭了
3 tiết (3LT)

- 7.1. 生词
- 7.2. 语法
- 7.3. 课文
- 7.4. 练习

第二十八课：我吃了早饭就来了
3 tiết (3LT)

- 8.1. 生词
- 8.2. 语法
- 8.3. 课文
- 8.4. 练习

第二十九课：我都做对了
3 tiết (3LT)

- 9.1. 生词
- 9.2. 语法
- 9.3. 课文
- 9.4. 练习

第三十课：我来了两个多月了
3 tiết (3LT)

- 10.1. 生词
- 10.2. 语法
- 10.3. 课文
- 10.4. 练习

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), “Giáo trình Hán ngữ - tập 1 - quyển hạ” (phiên bản mới), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1. Trần Thị Thanh Liêm, “Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa”, Nhà xuất bản Thời đại, 2014.

8.2.2. Trương Văn Giới - Lê Khắc Kiều Lục, “Sổ Tay Ngữ Pháp Tiếng Hán Hiện Đại”, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2007.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Nội dung 1: 第二十一课: 我们明天七点一刻出发	3					6	9
Nội dung 2: 第二十二课: 我打算请老师教我京剧	3					6	9
Nội dung 3: 第二十三课: 学校里边有邮局吗	3					6	9
Nội dung 4: 第二十四课: 我想学太极拳	3					6	9
Nội dung 5: 第二十五课: 她学得很好	3					6	9
Nội dung 6: 第二十六课: 田芳去哪儿了	3					6	9
Nội dung 7: 第二十七课: 玛丽哭了	3					6	9
Nội dung 8: 第二十八课: 我吃了早饭就来了	3					6	9
Nội dung 9: 第二十九课: 我都做对了	3					6	9
Nội dung 10: 第三十课: 我来了两个多月了	3					6	9
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	第二十一课 1.1. 生词	Lý thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, đọc và tìm hiểu trước phần ngữ pháp và bài khóa (trang 68-74)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	1.2. 语法: 时间的表达 1.3. 课文: 我的一天。				CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	- 课文: 明天早上七点一刻出发。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3,6,7 trang 77-80)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
2	第二十二课 2.1. 生词 2.2. 语法: 兼语句 2.3. 课文: 我打算请老师教我京剧。	Lí thuyết	3	Chuẩn bị trước từ mới, ngữ pháp và bài khóa (trang 82-84, 87-88)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	-注释 -练习	Tự học, tự NC	6	Tự nghiên cứu các ví dụ và thực hành tự đặt câu (trang 85,86) Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3,5, 7, trang 91- 94)	CLO5 CLO8 CLO9 CLO10
3	第二十三课 3.1. 生词 3.2. 语法 3.2.1. 方位词 3.2.2. 存在的表达 3.2.3. 介词: “离, 从, 往” 3.3. 课文: 学校里边有邮局吗?	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phân từ mới, đọc và tìm hiểu trước phần ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 96-105),	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CL10
	-课文: 从这儿到博物馆有多远? -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 5, 8 trang 107-112)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
4	第二十四课 4.1. 生词 4.2. 语法:	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phân từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 114, 116 - 121)	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8

	4.2.1.能愿动词 4.2.2.询问原因 4.3. 课文: 我想学太极拳。				CLO9 CLO10
	-课文: 您能不能再说一遍? -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3,4, 5, 6 trang 124-127)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
5	Nội dung 5: 第二十五课 5.1. 生词 5.2. 语法: 状态补语(1) 5.3. 课文: 她学得很好。	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, ngữ pháp, bài khóa 1 (trang 129-135)	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	-课文: 她每天都起得很早 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 4, 8, 9 trang 138-142)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
6	第二十六课: 6.1. 生词 6.2. 语法 6.2.1. 语气助词“了” 6.2.2. “再”和“又” 课文: 田芳去哪儿了?	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, và bài khóa (trang 144-152)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	- 课文: 他又来电话了。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3,5,7,9 trang 153-158)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
7	Nội dung 7: 第二十七课	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phần ngữ pháp và bài	CLO1 CLO2 CLO4

	<p>7.1. 生词</p> <p>7.2. 语法:</p> <p>7. 2.1. 动作的完成: 动词+了</p> <p>7.2.2. 因为.....所以.....</p> <p>7.3.课文:你怎么了?</p>			khóa 1 (trang 160 - 168)	<p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>
	<p>- 课文: 玛丽哭了。</p> <p>- 练习</p>	Tự học, tự NC	6	<p>Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt</p> <p>Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 4, 7, 9 trang 171 -175)</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>
8	<p>第二十八课</p> <p>8.1. 生词</p> <p>8.2..语法</p> <p>8.2.1. “就”和“才”</p> <p>8.2.2.要是..... (的话)....., 就.....</p> <p>8.2.3.虽然....但是...</p> <p>8.3.课文: 我吃了早饭就来了。</p>	Lí thuyết	3	<p>Đọc và tìm hiểu trước phần ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 177 - 184)</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8.</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>
	<p>-课文: 我早就下班了。</p> <p>-练习</p>	Tự học, tự NC	6	<p>Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt.</p> <p>Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 4, 8 trang 186-190)</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>
9	<p>第二十九课</p> <p>9.1.生词</p> <p>9.2.语法</p> <p>9.2.1.结果补语</p> <p>9.2.2结果补语“上”, “成”, “到”</p> <p>9.2.3.主谓词组做定语</p> <p>9.3. 课文: 我都做对了。</p>	Lí thuyết	3	<p>Đọc và tìm hiểu trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 192-200)</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>

	-课文: 看完电影再做作业。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3,4,6,7 trang 203 - 207)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
10	第三十课 10.1. 生词 10.2. 语法 10.2.1. 时量补语 10.2.2. 离合动词 10.2.3. 概数的表达 10.3. 课文: 我来了两个多月了。	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phân từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 208-216)	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
	-课文: 我每天都练一个小时。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 6, 7, 8 trang 219-222)	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, hoàn thành bài tập được giao.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra giữa học phần và 1 bài thi kết thúc học phần theo quy chế đào tạo.

11. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các nội dung lí thuyết về từ vựng, ngữ pháp, rèn luyện kỹ năng thực hành nghe, nói, đọc, viết tiếng Hán.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO9; CLO10

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần (25%)

- Mục đích: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	50	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Bài tập về nhà	30	Hoàn thành trên 80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 70-80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 50%-70% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành <50% số lượng của yêu cầu	
Tích cực	20	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

11.2.2. Kiểm tra GHP (25%)

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nửa đầu của học phần.

- Nội dung: Sinh viên sẽ phải thi các dạng bài tập đã học với các chủ điểm tương tự các nội dung của nửa đầu học phần.

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Kiểm tra viết.

11.2.3. Thi kết thúc học phần (50%)

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết.

- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng ĐT lập.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

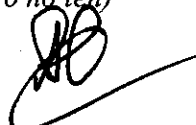
Trọng số các điểm thành phần như sau :

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10

	Kiểm tra GHP	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO8; CLO9; CLO10
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8

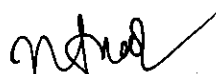
12. Ngày hoàn thành đề cương
10/08/2022

TRƯỞNG KHOA
(Kí, ghi rõ họ tên)



Đỗ Phúc Hương

P.TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Năm

GIẢNG VIÊN
(Kí, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hương

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 4

4. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: nguyenhuong.utehy09@gmail.com. 02213713284

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Cẩm Ninh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên bộ môn Thực hành tiếng, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: camninh83@gmail.com. 02213713284

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 4

2.2. Mã số: 151994

2.3. Khối lượng: 2TC (2 Lí thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện		30	60	90

2.5. Học phân: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phân:

- Học phân tiên quyết: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 1, 2
- Học phân học trước: Ngoại ngữ 2 – Tiếng Trung 3
- Học phân song hành: Các học phân có liên quan thuộc chuyên ngành

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phân: Bộ môn Thực hành tiếng, khoa Ngoại ngữ

3. Mô tả học phân:

Học phân này cung cấp một lượng từ vựng khoảng gần 400 từ với sự xuất hiện nhiều hơn của các từ ghép, các liên từ, đại từ quan hệ, từ gần nghĩa, đồng nghĩa... Đồng thời, học phân cũng giới thiệu về các cấp độ biểu đạt sự so sánh, một số kiểu câu thông dụng và đặc trưng trong tiếng Hán, tiếp tục bổ sung và hoàn thiện thêm các kiến thức về thành phần bổ ngữ, trợ từ động thái, trợ từ kết cấu... Các bài hội thoại, bài đọc thêm tương đối dài và nội dung phong phú như về: môi trường học tập và sinh hoạt hàng ngày, kinh nghiệm bản thân, về quá trình học tập tiếng Hán, sở thích, du lịch, thời tiết, khí hậu, các mùa trong năm, giao thông, hôn lễ của người Trung Quốc... Qua đó, ngoài những kiến thức về ngôn ngữ Hán, sinh viên còn có thêm hiểu biết về đất nước và con người Trung Quốc.

4. Mục tiêu của học phân (Course objective; viết tắt là COs)

Học phân này trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1. Hệ thống kiến thức hoàn thiện hơn về các loại bổ ngữ và trợ từ tiếng Hán như: bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ xu hướng kép, bổ ngữ động lượng, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ số lượng, trợ từ động thái, trợ từ kết cấu. Ngoài ra, học phân còn cung cấp cho người học các kiến thức về các cách biểu đạt sự so sánh, biểu đạt sự nhấn mạnh, diễn tả hành động sắp xảy ra, một số mẫu câu thường dùng và cách sử dụng hình dung từ, lượng từ lặp lại trong tiếng Hán.

CO2. Vốn từ vựng được mở rộng một cách phong phú với sự xuất hiện nhiều hơn của các tính từ, phó từ, liên từ, từ gần nghĩa, từ đồng nghĩa ...

CO3. Sự hiểu biết về định dạng, cách thức làm bài, mức độ khó của từ vựng và ngữ pháp trong bài thi bậc 3.

*** Kỹ năng:**

CO4. Thực hiện cuộc hội thoại ngắn một cách tương đối trôi chảy về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống học tập, làm việc và sinh hoạt hằng ngày, một số lĩnh vực cá nhân quan tâm khác hay trình bày ngắn gọn lý do, giải thích ý kiến hoặc đưa ra quan điểm của mình.

CO5. Đọc hiểu đoạn văn tương đối dài về các chủ đề có liên quan đến thời tiết, khí hậu, âm nhạc, du lịch, bóng đá. Xác định được thông tin chính trong một số văn bản như: thư từ, tờ thông tin.

CO6. Nghe hiểu lấy ý chính của các bài hội thoại phù hợp với lượng từ vựng và ngữ pháp thuộc chương trình học phần khi được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO7: Chăm chỉ, sáng tạo, có ý thức kỷ luật và trách nhiệm cao trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	- Phân biệt được sự khác nhau trong cách sử dụng của các loại bổ ngữ xu hướng đơn và bổ ngữ xu hướng kép, bổ ngữ động lượng, bổ ngữ số lượng, trợ từ động thái 了, 着, 过,, trợ từ kết cấu 的, 得, 地, và một số cặp đại từ quan hệ thường gặp trong tiếng Hán.	PLO1
	CLO2	- Vận dụng một cách linh hoạt và phù hợp các mẫu câu biểu đạt ý nghĩa so sánh, biểu đạt sự nhấn mạnh, cách diễn tả hành động sắp xảy ra, câu bị động, câu vị ngữ chủ vị, hình dung từ và lượng từ lặp lại vào thực tế giao tiếp.	PLO1
CO2	CLO3	- Sử dụng và phát huy tốt vốn từ vựng được trang bị trong chương trình để nâng cao khả năng nói, khả năng nghe hiểu, đọc hiểu về các chủ đề cá nhân quan tâm.	PLO1
CO3	CLO4	- Vận dụng tương đối thuần thục các thủ thuật làm các dạng bài có trong bài thi năng lực theo khung bậc 3; hoàn thành bài thi trong thời gian quy định	PLO1
	Kỹ năng		
CO4	CLO5	- Thực hành giao tiếp được về các vấn đề quen thuộc như: hoàn cảnh sống, môi trường học tập và sinh hoạt, kinh nghiệm bản thân, về quá trình học tập tiếng Hán, sở thích, mua sắm, du lịch, thời tiết, khí hậu, hôn lễ, các mùa trong năm, giao thông...	PLO8
	CLO6	- Trình bày được ý kiến, quan điểm cá nhân về những hy vọng, dự định, mong ước bản thân hoặc diễn đạt cảm xúc về một chuyến đi hay	PLO8

		về một vấn đề nào đó xung quanh cuộc sống, học tập, công việc, miêu tả về người...	
CO5	CLO7	- Đọc hiểu được nội dung chính của các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. Xác định được ý chính của một số văn bản như: thư từ, thông báo...	PLO8
CO6	CLO8	- Nghe hiểu được ý chính trong một số thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản phù hợp với kiến thức với tốc độ nói chậm và giọng chuẩn.	PLO8
	CLO9	- Nghe hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn với tốc độ nói chậm.	PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO10	- Có ý thức tự giác cao, tích cực và chủ động trong các hoạt động ở trên lớp và tự học ở nhà.	PLO12
	CLO11	- Dẫn hình thành và rèn luyện được tư duy, phương pháp, năng lực học tập và làm việc cá nhân và theo nhóm một cách sáng tạo, kỷ luật và chuyên nghiệp.	PLO13 PLO14 PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
151994	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 4										
		3	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	1	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

第一课：我比你更喜欢音乐

3 tiết (3LT)

- 1.1.生词
- 1.2.语法
- 1.3.课文

第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷

3 tiết (3LT)

- 2.1.生词

- 2.2. 语法
- 2.3. 课文
- 2.4. 练习

第三课：冬天快要到了
3 tiết (3LT)

- 3.1. 生词
- 3.2. 语法
- 3.3. 课文
- 3.4. 练习

第四课：快上来吧，要开车了
3 tiết (3LT)

- 4.1. 生词
- 4.2. 语法
- 4.3. 课文
- 4.4. 练习

第五课：我听过钢琴协奏曲
3 tiết (3LT)

- 5.1. 生词
- 5.2. 语法
- 5.3. 课文
- 5.4. 练习

第六课：我是跟旅游团一起来的
3 tiết (3LT)

- 6.1. 生词
- 6.2. 语法
- 6.3. 课文
- 6.4. 练习

第七课：我的护照你找到了没有
3 tiết (3LT)

- 7.1. 生词
- 7.2. 语法
- 7.3. 课文
- 7.4. 练习

第八课：我的眼镜摔坏了
3 tiết (3LT)

- 8.1. 生词
- 8.2. 语法
- 8.3. 课文
- 8.4. 练习

第九课：钥匙忘拔下来了
3 tiết (3LT)

- 9.1. 生词
- 9.2. 语法
- 9.3. 课文
- 9.4. 练习

第十课：会议厅的门开着呢
3 tiết (3LT)

- 10.1. 生词
- 10.2. 语法
- 10.3. 课文
- 10.4. 练习

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Trần Thị Thanh Liêm (chủ biên), “Giáo trình Hán ngữ - tập 2 - quyển thượng” (phiên bản mới), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1. Trần Thị Thanh Liêm, “Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa”, Nhà xuất bản Thời đại, 2014.

8.2.2. Trương Văn Giới - Lê Khắc Kiều Lục, “Sổ Tay Ngữ Pháp Tiếng Hán Hiện Đại”, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2007.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Nội dung 1:第一课: 我比你更喜欢音乐	3					6	9
Nội dung 2:第二课: 我们那儿的冬天跟北京一样冷	3					6	9
Nội dung 3:第三课: 冬天快要到了	3					6	9
Nội dung 4:第四课: 快上来吧, 要开车了	3					6	9
Nội dung 5:第五课: 我听过钢琴协奏曲	3					6	9
Nội dung 6:第六课: 我是跟旅游团一起来的	3					6	9
Nội dung 7:第七课: 我的护照你找到了没有	3					6	9
Nội dung 8:第八课: 我的眼镜摔坏了	3					6	9
Nội dung 9:第九课: 钥匙忘拔下来了	3					6	9
Nội dung 10:第十课: 会议厅的门开着呢	3					6	9
Tổng cộng	30					60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	Nội dung 1: 第一课 1.1. 生词 1.2. 语法: 1.2.1. 比较句: 1.2.2. 数量补语 1.3. 课文: 北京比上海大吧。	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, đọc và tìm hiểu trước phần ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 1-10)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	课文: 我比你更喜欢音乐。 练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt. Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 6, 8 trang 14 -20)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
2	Nội dung 2: 第二课 2.1. 生词 2.2. 语法: 2.2.1. 比较句: 跟....一样/不一样 2.2.2. 不但.....而且..... 2.3. 课文: 我们那儿的冬天跟北京一样冷。	Lí thuyết	3	Đọc trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 22-28)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	-课文: 我跟你不一样 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 7, 8 trang 31, 34-36)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
3	Nội dung 3: 第三课 3.1. 生词 3.2. 语法 3.2.1. 变化的表达 3.2.2. 动作即将发生 3.2.3. 结构助词: 地	Lí thuyết	3	Đọc trước phần từ mới và bài khóa (trang 38 - 45)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9

	3.3.课文：快走吧，要上课了。				
	-课文：我姐姐下个月就要结婚了。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 7, trang 49, 51 - 52)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
4	Nội dung 4: 第四课 4.1.生词 4.2.语法：简单趋向补语 4.3.课文：我给您捎来了一些东西。	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 54-61)	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	-课文: 快上来吧, 要开车了。 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 4, 6, 7, 9 trang 64-69)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
5	Nội dung 5: 第五课 5.1.生词 5.2.语法： 5.2.1.动词+过 5.2.2.动量补语 5.3.课文：我吃过中药。	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 70 - 80)	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	-语法: 序数的表达 -课文: 你以前来过中国吗? 我听过钢琴协奏曲《黄河》 -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 6, 7 trang 83, 85-86)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
6	Nội dung 6: 第六课 6.1. 生词 6.2.语法:	Lí thuyết	3	Đọc và tìm hiểu trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 88 - 95)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

	6.2.1.是.....的..... 6.2.2.一.....就..... 6.2.2.形容词重叠 6.3.课文：我是跟旅游团一起来的。				CLO6 CLO8 CLO9
	-课文:你的汉语是在哪儿学的? -练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 8, 9 trang 99 - 103)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
7	Nội dung 7: 第七课 7.1.生词 7.2.语法 7.2.1. 结果补语：在，着，好，成 7.2.2. 主谓谓语句 7.3.课文：我的护照你找到了没有？	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 105-112)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	课文:我是球迷。 练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 6, 7 trang 114, 116-117)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11
8	Nội dung 8: 第八课 8.1.生词 8.2.语法 8.2.1. 被动句 8.2.2. 量词重叠 8.2.3. 一年比一年 8.3.课文我们的照片洗好了。	Lí thuyết	3	Chuẩn bị phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 119 - 125)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	课文:我的眼镜摔坏了。 练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8

				Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 5, 7 trang 128, bài 9 trang 129 -131)	CLO9 CLO10 CLO11
9	Nội dung 9: 第九课 9.1.生词 9.2.语法：复合趋向补语 9.3.课文：钥匙忘拨下来了。		3	Chuẩn bị phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa (trang 133 - 140)	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	练习	Tự học, tự NC	6	Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 6, 8 trang 143, 146-147)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11
10	Nội dung 10: 第十课 10.1.生词 10.2.语法: 动词+着 10.3.课文：会议厅的门开着呢。	Lí thuyết	3	Chuẩn bị trước phần từ mới, ngữ pháp và bài khóa 1 (trang 149-154)	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9
	课文: 墙上贴着红双喜字。 练习	Tự học, tự NC	6	Nghe nội dung và mô tả lại thông tin bài khóa, dịch sang tiếng Việt Làm bài tập theo yêu cầu của gv (bài 3, 5, 6, trang 157 - 158)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, hoàn thành bài tập được giao.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra giữa học phần và 1 bài thi kết thúc học phần theo quy chế đào tạo.

11. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các nội dung lí thuyết về từ vựng, ngữ pháp, rèn luyện kỹ năng thực hành nghe, nói, đọc, viết tiếng Hán.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông	CLO10; CLO11

		qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	
--	--	---	--

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần (25%)

- Mục đích: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	50	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Bài tập về nhà	30	Hoàn thành trên 80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 70-80% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành 50%-70% số lượng theo yêu cầu	Hoàn thành <50% số lượng của yêu cầu	
Tích cực	20	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

11.2.2. Kiểm tra GHP (25%)

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nửa đầu của học phần.

- Nội dung: Sinh viên sẽ phải thi các dạng bài tập đã học với các chủ điểm trong tự các nội dung của nửa đầu học phần.

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Kiểm tra viết.

11.2.3. Thi kết thúc học phần (50%)

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Tiêu chí: Chấm bài kiểm tra theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết.

- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng ĐT lập.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau :

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
<i>Đánh giá quá trình</i>	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10; CLO11
	Kiểm tra GHP	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO10; CLO11
<i>Thi kết thúc học phần</i>		50	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9

12. Ngày hoàn thành đề cương

10/08/2022

TRƯỞNG KHOA

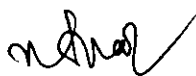
(Kí, ghi rõ họ tên)



Đỗ Phúc Hường

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Kí, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Năm

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hường

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
(Application of basic information technology)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Đình Chiến
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: chienql@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Thị Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: phuongutehy2405@gmail.com

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Bùi Đức Thọ
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: buithok3@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: *Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản*

2.2. Mã số: 221171

2.3. Khối lượng: 2TC (1 Lý thuyết +1 Thực hành)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Thời gian					
Tiết/Giờ thực hiện	15		30	45	90

2.5. Học phần: bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
- Học phần học trước: Không yêu cầu
- Học phần song hành: Không yêu cầu

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên đại học ngoài khối ngành công nghệ thông tin

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin, bộ môn

Hệ thống thông tin

3. Mô tả học phần

Học phần này giới thiệu tổng quan về Công nghệ thông tin, máy tính điện tử, chức năng của các thành phần phần cứng và phần mềm; hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; Sử dụng các công cụ Word, Excel, PowerPoint vào hoạt động học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này. Ngoài ra, học phần này cũng đề cập đến những nội dung liên quan đến Internet và các dịch vụ trên nền internet.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

* **Kiến thức:**

CO1. Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến máy tính điện tử : Phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, virus máy tính, internet.

*** Kỹ năng:**

CO2. Sử dụng được các chức năng cơ bản của máy tính điện tử các thao tác trên hệ điều hành, sử dụng các phần mềm tiện ích. Khai thác an toàn các dịch vụ internet và các mạng xã hội.

CO3. Sử dụng được các chức năng cơ bản trong của công cụ Word, Excel, PowerPoint vào hoạt động học tập và nghiên cứu.

*** Thái độ:**

CO4. Xác định được vai trò của các dịch vụ công nghệ thông tin trong công việc

CO5. Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến Công nghệ thông tin	PLO2, PLO3
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Sử dụng được các chức năng cơ bản của máy tính điện tử, các thao tác trên hệ điều hành, sử dụng các phần mềm tiện ích. Khai thác hiệu quả các dịch vụ Internet và mạng xã hội	PLO8
CO3	CLO3	Sử dụng được các chức năng cơ bản trong của công cụ Word, Excel, PowerPoint vào công việc được đảm nhận.	PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO4	CLO4	Xác định được vai trò của các dịch vụ công nghệ thông tin trong công việc	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15
CO5	CLO5	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
21100 7	Tin học đại cương	0	3	1	0	0	0	0	3
		PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	
		0	0	0	1	2	1	1	

7. Nội dung chi tiết học phần

PHÂN LÝ THUYẾT

Chương 1: Cơ bản về máy tính điện tử

1.1. Giới thiệu chung về máy tính

1.1.1. Lịch sử phát triển của máy tính điện tử

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2. Phần cứng máy tính

1.2.1. Các thành phần bên trong máy tính

1.2.2. Các thiết bị ngoại vi

1.2.3. Kết nối các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính

1.3. Hệ điều hành

- 1.3.1. Khái niệm
- 1.3.2. Hệ điều hành máy tính
- 1.3.3. Hệ điều hành di động

1.4. Quản lý Thư mục và Tập

- 1.4.1. Thư mục và cấu trúc thư mục
- 1.4.2. Tập và quản lý tập
- 1.4.3. Chia sẻ Thư mục và tập

1.5. Bảo vệ và bảo mật

- 1.5.1. Bảo mật thông tin
- 1.5.2. Người dùng và mật khẩu
- 1.5.3. Xác định rủi ro
- 1.5.4. Sao lưu và phục hồi
- 1.5.5. Xử lý sự cố

Chương 2: Các ứng dụng văn phòng

2.1. Xử lý văn bản

- 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.1.2. Soạn thảo và định dạng văn bản
- 2.1.3. Chèn các đối tượng vào văn bản
- 2.1.4. Thao tác với bảng biểu
- 2.1.5. Tạo mục lục trang tự động và in ấn

2.2. Sử dụng bảng tính cơ bản

- 2.2.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.2.2. Sử dụng công thức và hàm cơ bản
- 2.2.3. Tạo công thức cơ bản
- 2.2.3. Tạo biểu đồ
- 2.2.4. In ấn

2.3. Sử dụng trình chiếu cơ bản

- 2.3.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.3.2. Tạo bài trình chiếu cơ bản
- 2.3.3. Sử dụng hiệu ứng và trình chiếu

Chương 3: Dịch vụ trực tuyến

3.1. Internet

- 3.1.1. Giới thiệu về Internet
- 3.1.2. Tên miền và URLs
- 3.1.3. WWW và trình duyệt Web
- 3.1.4. Sử dụng các công cụ tìm kiếm
- 3.1.5. Các vấn đề bản quyền

3.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thế giới số

- 3.2.1. Cơ chế bảo vệ hệ điều hành
- 3.2.2. Cơ chế bảo vệ trình duyệt Web
- 3.2.3. Virus và cách phòng, tránh
- 3.2.4. Bảo vệ quyền riêng tư

3.3. Khai thác các dịch vụ Google

- 3.3.1. Giới thiệu các dịch vụ của Google
- 3.3.2. Thư điện tử
- 3.3.3. Lưu trữ online
- 3.3.4. Các công cụ hỗ trợ học trực tuyến
- 3.3.5. Youtube
- 3.3.6. Các dịch vụ khác

PHẦN THỰC HÀNH

Bài thực hành 1: Sử dụng hệ điều hành Windows

- 1.1. Các thao tác cơ bản với Windows
- 1.2. Thiết lập các thành phần của Windows
- 1.3. Các thao tác với File và thư mục

Bài thực hành 2: Khai thác Microsoft Word

- 2.1. Soạn thảo và định dạng văn bản
- 2.2. Chèn các đối tượng vào văn bản
- 2.3. Thao tác với bảng biểu
- 2.4. Tạo mục lục và in ấn

Bài thực hành 3: Khai thác Microsoft Excel

- 3.1. Sử dụng công thức và hàm cơ bản
- 3.2. Thiết kế biểu đồ
- 3.3. Định dạng và in ấn

Bài thực hành 4: Khai thác Microsoft PowerPoint

- 4.1. Thiết kế bài trình chiếu
- 4.2. Sử dụng hiệu ứng
- 4.3. Trình chiếu

Bài thực hành 5: Khai thác các dịch vụ của Google

- 5.1. Thư điện tử (Gmail)
- 5.2. Lưu trữ online (Google Drive)
- 5.3. Các công cụ hỗ trợ học trực tuyến của Google
- 5.4. Youtube
- 5.5. Google keep
- 5.6. Google Calendar

Bài thực hành 6: Bảo vệ tài khoản mạng xã hội

- 6.1. Zalo
- 6.2. Facebook
- 6.3. Skype
- 6.4. Tic-tock
- 6.5. Instagram

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

- [1] Khoa Công nghệ thông tin, “Giáo trình Tin học đại cương“, Đại học SPKT Hưng Yên, 2021
- [2] Khoa Công nghệ thông tin, “Bài tập thực hành Tin học đại cương“, Đại học SPKT Hưng Yên, 2021

8.2. Học liệu tham khảo

- [3] Hoàng Hồng, Tin học văn phòng, NXB Thống kê, 2003
- [4] Bùi Thế Tâm, Giáo trình tin học văn phòng, Giao thông vận tải, 2008

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tin chỉ lí thuyết							
Chương 1	5					10	15
Chương 2	6					12	18
Chương 3	4					8	12

Tín chỉ thực hành/ thí nghiệm							
Bài thực hành 1				5		2.5	7.5
Bài thực hành 2				5		2.5	7.5
Bài thực hành 3				5		2.5	7.5
Bài thực hành 4				5		2.5	7.5
Bài thực hành 5				5		2.5	7.5
Bài thực hành 6				5		2.5	7.5
Cộng	15			30		45	90

9.2. Lịch trình chi tiết (thiết kế cho cả tiến trình, 15 tuần)

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
1	Chương 1: Cơ bản về máy tính điện tử 1.1. Giới thiệu chung về máy tính 1.2. Phần cứng máy tính 1.3. Hệ điều hành	Lí thuyết	4	Đọc chương 1 tài liệu [1]	CLO1, CLO4, CLO5
		Tự học, tự NC	8		
2	1.4. Quản lý Thư mục và Tập 1.5. Bảo vệ và bảo mật Chương 2: Các ứng dụng văn phòng 2.1. Xử lý văn bản	Lí thuyết	4	Đọc chương 1, mục 2.1 chương 2 tài liệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Tự học, tự NC	8		
3	2.2. Sử dụng bảng tính cơ bản 2.3. Sử dụng trình chiếu cơ bản Chương 3: Dịch vụ trực tuyến 3.1. Internet	Lí thuyết	4	Đọc chương 2, mục 3.1 chương 3 tài liệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Tự học, tự NC	8		
4	Chương 3: Dịch vụ trực tuyến 3.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thế giới số 3.3. Khai thác các dịch vụ Google	Lí thuyết	3	Đọc chương 3 tài liệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,
		Tự học, tự NC	6		
5	Bài thực hành 1: Sử dụng hệ điều hành Windows	Lí thuyết	0	Bài thực hành 1 tài liệu [2]	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
		Tự học, tự NC	2.5		
6	Bài thực hành 2: Khai thác Microsoft Word	Lí thuyết	0	Bài thực hành 2 tài liệu [2]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
		Tự học, tự NC	2.5		
7	Bài thực hành 3: Khai thác Microsoft Excel	Lí thuyết	0	Bài thực hành 3 tài liệu [2]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,
		Thực hành	5		
		Tự học, tự NC	2.5		

					CLO5
8	Bài thực hành 4: Khai thác Microsoft PowerPoint	Lí thuyết	0	Bài thực hành 4 tài liệu [2]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
		Tự học, tự NC	2.5		
9	Bài thực hành 5: Khai thác các dịch vụ của Google	Lí thuyết	0	Bài thực hành 5 tài liệu [2]	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
		Tự học, tự NC	2.5		
10	Bài thực hành 6: Bảo vệ tài khoản mạng xã hội	Lí thuyết	0	Bài thực hành 6 tài liệu [2]	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	3		
		Tự học, tự NC	2.5		
		KTĐG	2	Nội dung trong tài liệu [2]	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Làm bài tập thực hành, nộp chấm điểm theo lịch của GV.
- Hoàn thành các bài thi kết thúc học phần theo quy chế.
- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - đánh giá.

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Trang phục, quần áo, giày dép		
2	Có thể dùng Laptop cá nhân		
3	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường) Máy tính để bàn của khoa đã cài đặt các chương trình phục vụ cho bài tập thực hành		

12. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Giảng giải, thuyết trình, giảng diễn, đàm thoại	Giảng giải các thuật ngữ, các kỹ năng	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;
Thực hành	Làm mẫu, giảng diễn, giảng giải	Các ví dụ, làm mẫu cho các tình huống cụ thể. Rèn luyện các kỹ năng cơ bản.	CLO3; CLO4; CLO5;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO4; CLO5;

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

12.2.1. Đánh giá Thực hành

- Mục đích: Đánh giá kỹ năng sử dụng phần mềm word, excel.
- Nội dung: Thực hiện các bài thực hành theo yêu cầu trên giờ thực hành.
- Tiêu chí đánh giá: đánh giá kỹ năng thực hành sinh viên đạt được thông qua việc thực hiện các bài thực hành trên lớp thể hiện ở kết quả, sản phẩm được yêu cầu của bài thực hành. Thông qua việc đánh giá thường xuyên các bài thực hành kiến sinh viên phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đạt yêu cầu các bài thực hành, qua đó hình thành kỹ năng chuyên môn hoàn thiện theo mục tiêu của học phần.
- Hình thức đánh giá: Kiểm tra kết quả thực hiện và vấn đáp trực tiếp.

12.2.2. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức, kỹ năng đọc, viết, kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin
- Nội dung: Vận dụng kiến thức tổng hợp của học phần để trả lời các kiến thức chung về máy tính điện tử, sử dụng hệ điều hành, sử dụng internet, sử dụng bộ công cụ office trong xử lý văn bản, bảng tính và trình chiếu.
- Tiêu chí đánh giá: Kiến thức (phạm vi rộng), kiểm tra được cả kiến thức lý thuyết và khả năng vận dụng giữa lý thuyết và thực hành.
- Cách thức đánh giá: thi trắc nghiệm trên máy

12.2.3. Lịch thi, kiểm tra

- Điểm đánh giá thực hành được GV giảng dạy đánh giá trong quá trình sinh viên thực hành tại phòng thực hành.
- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của phòng Đào tạo
- Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá Thực hành	50 %	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;
Thi kết thúc học phần	50 %	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;

- Rubric của từng thành phần đánh giá trong bảng:

+ Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Khả năng trả lời câu hỏi	100	Đúng từ 80% câu hỏi yêu cầu trở nên	Đúng từ 70% đến 80% câu hỏi yêu cầu	Đúng từ 50% đến 70% câu hỏi yêu cầu	Đúng dưới 50% câu hỏi yêu cầu trở xuống	

13. Ngày hoàn thành đề cương

05-08-2022

TRƯỞNG KHOA

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hậu

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Chiên

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Chiên

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Kĩ năng mềm
(Soft skills training)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Hợp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150, huuhop78@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Duyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenduyenspkt@gmail.com

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Cúc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc Sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenthicucspkthy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Trần Mai Duyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, duyenuytehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Phan Thị Thanh Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phan.thanhcanh13@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Đoàn Thanh Hòa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoaspkthy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Liễu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, ntlieu.693@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Hoàng Thị Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoangngocspkthy@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Lê Ngọc Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phuongspkt.utehy@gmail.com

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Lê Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, lenthuthuy231083@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

- 2.1. Tên học phần: Kỹ năng mềm
 2.2. Mã số: 711170
 2.3. Khối lượng: 2TC (2 Lí thuyết)
 2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Thời gian	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Sư phạm Kỹ thuật, khoa Sư phạm Kỹ thuật

3. Mô tả học phần

Trong xã hội hiện đại, Kỹ năng mềm ngày càng được đánh giá cao. Rất nhiều nhà tuyển dụng xem trọng những kỹ năng thiên về tính cách này và xem đây là một trong những yêu cầu tuyển dụng quan trọng. Tại các trường học, gần chục năm trở lại đây, kỹ năng mềm đã được đưa vào giảng các trường Đại học. Điều đó cho thấy việc nhận thức tầm quan trọng của Kỹ năng mềm của ngành giáo dục nước ta.

“Thực tế cho thấy người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những Kỹ năng mềm họ được trang bị” – Wikipedia. Muốn đạt được thành công trong cuộc sống và sự nghiệp, người học phải hội tụ đủ Kỹ năng chuyên môn (Kỹ năng cứng) và Kỹ năng mềm. Nếu sở hữu được các Kỹ năng mềm chuyên nghiệp, nó sẽ đóng góp lớn vào sự thành công trong công việc. Môn học kỹ năng mềm giới thiệu cho người học tầm quan trọng của kỹ năng tự nhận thức. Học phần cũng giới thiệu về cách thức giao tiếp, ứng xử trong môi trường công sở - nơi làm việc của sinh viên sau khi ra trường cách chuẩn bị hồ sơ xin việc, viết đơn xin việc, lý lịch ứng viên, kỹ năng tham gia phỏng vấn xin việc làm. Đây là những kỹ năng rất cần thiết, giúp người học lựa chọn cho mình một công việc phù hợp, biết phát huy điểm mạnh, biết khẳng định bản thân mình với nhà tuyển dụng và giúp người học tự tin, chủ động nhằm đạt được thành công trong quá trình giao tiếp.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

* Kiến thức:

CO1: Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

CO2. Phân tích được ý nghĩa, yêu cầu, các bước thiết kế sơ đồ tư duy trong học tập.

CO3. Phân tích được đặc điểm của tư duy thiết kế; Nêu được các biện pháp để rèn luyện tư duy thiết kế.

CO4. Xác định được yêu cầu, nguyên tắc, cách thức và những mối quan hệ trong giao tiếp nơi công sở

CO5. Phân tích được yêu cầu và cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm.

* Kỹ năng:

CO6. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

CO7. Thiết kế được sơ đồ tư duy cho chủ đề được phân công theo yêu cầu.

CO8. Thực hiện đúng nghi thức giao tiếp nơi công sở.

CO9. Chuẩn bị được hồ sơ xin việc và biết cách trả lời các câu hỏi của nhà tuyển dụng.

* Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO10: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ

học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Giải thích được ý nghĩa của kỹ năng tự nhận thức	PLO3
	CLO2	Đề xuất được biện pháp phát huy điểm mạnh, hạn chế những điểm yếu của bản thân	PLO3
CO2	CLO3	Giải thích được ý nghĩa, yêu cầu, các bước thiết kế sơ đồ tư duy trong học tập	PLO3
CO3	CLO4	Phân tích được các biện pháp để rèn luyện tư duy thiết kế	PLO3
CO4	CLO5	Trình bày được yêu cầu, nguyên tắc khi thực hiện các nghi thức giao tiếp nơi công sở;	PLO3
	CLO6	Xác định được cách thức thực hiện các nghi thức giao tiếp nơi công sở;	PLO3
	CLO7	Xác định được những mối quan hệ trong giao tiếp nơi công sở;	PLO3
CO5	CLO8	Phân tích được vai trò và cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm;	PLO3
	CLO9	Phân tích được các nguyên tắc tham dự phỏng vấn xin việc làm;	PLO3
Kỹ năng			
CO6	CLO10	Đề xuất biện pháp phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân;	PLO3
CO7	CLO11	Thiết kế được sơ đồ tư duy cho chủ đề được phân công theo yêu cầu	PLO3
CO8	CLO12	Đề xuất và thực hiện đúng nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở và cách ứng xử trong những tình huống giao tiếp điển hình nơi công sở;	PLO3
CO9	CLO13	Viết được đơn và lý lịch xin việc làm theo yêu cầu của nhà tuyển dụng;	PLO3
	CLO14	Trả lời tốt các câu hỏi phỏng vấn của nhà tuyển dụng;	PLO3
	CLO15	Tổ chức và tham dự được một buổi phỏng vấn xin việc làm theo đúng quy trình;	PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO10	CLO16	Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15
	CLO17	Có ý thức trách nhiệm trong học tập, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711170	Kỹ năng mềm	0	0	3	0	0	3	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức

(1 LT + 2 BT/TL)

1.1. Khái quát chung về kỹ năng tự nhận thức

- 1.1.1. Khái niệm kỹ năng tự nhận thức
- 1.1.2. Ý nghĩa kỹ năng tự nhận thức
- 1.1.3. Biện pháp rèn luyện kỹ năng tự nhận thức

1.2. Quy trình luyện tập

- Bước 1: Giáo viên hướng dẫn
- Bước 2: Tổ chức hoạt động để sinh viên nhận thức bản thân
- Bước 3: Nhận xét

Bài 2: Phương pháp và kỹ năng học tập ở đại học

(3 LT + 4 BT/TL)

2.1. Kỹ năng sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập

- 2.1.1. Sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập
 - Ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập
 - Yêu cầu của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập
 - Các bước thiết kế sơ đồ tư duy trong học tập

2.1.2. Quy trình luyện tập

- Bước 1: Giáo viên hướng dẫn
- Bước 2: Sinh viên thiết kế sơ đồ tư duy cho chủ đề cụ thể
- Bước 3: Giáo viên đánh giá

Sản phẩm: Sơ đồ tư duy theo chủ đề được phân công

2.2. Tư duy thiết kế (Design thinking)

2.2.1. Khái quát chung về tư duy thiết kế

- Khái niệm tư duy thiết kế
- Quá trình tư duy thiết kế

2.2.2. Quy trình luyện tập

- Bước 1: Giáo viên hướng dẫn
- Bước 2: Thực hiện các bài tập luyện tập về tư duy thiết kế
- Bước 3: Giáo viên đánh giá

Sản phẩm: Bản thiết kế hoặc mô hình sản phẩm theo bài thực hành

Bài 3: Kỹ năng xin việc làm

(5 LT + 5 BT/TL)

3.1. Kỹ năng xác định năng lực và mục đích nghề nghiệp

3.1.1. Khái quát chung về năng lực và mục đích nghề nghiệp

- Ý nghĩa đánh giá năng lực của bản thân và xác định mục đích nghề nghiệp
- Phương pháp đánh giá năng lực của bản thân và xác định mục đích nghề nghiệp

nghề nghiệp

3.1.2. Quy trình luyện tập

3.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin việc làm

- 3.2.1. Khái quát về tìm kiếm thông tin việc làm
 - Các nguồn thông tin tuyển dụng chính thức và không chính thức
 - Phương pháp tìm kiếm thông tin việc làm

3.2.2. Quy trình luyện tập

3.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ dự tuyển

3.3.1. Khái quát chung về kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc làm

- Vai trò và ý nghĩa của hồ sơ khi xin việc
- Cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm

3.3.2. Quy trình luyện tập

3.4. Kỹ năng tham dự phỏng vấn xin việc làm

3.4.1. Khái quát chung về tham dự phỏng vấn xin việc làm

- Xu hướng, hình thức tuyển dụng hiện nay
- Chuẩn bị cho phỏng vấn xin việc làm
- Quy trình phỏng vấn xin việc làm
- Phương án trả lời câu hỏi khi tham dự phỏng vấn xin việc làm
- Cách thức gây thiện cảm và thuyết phục nhà tuyển dụng

3.4.2. Quy trình luyện tập

** Bài tập/ Thảo luận*

- *Thảo luận: Tìm kiếm thông tin việc làm thông qua các nguồn nào? Cách nhận biết độ tin cậy của các thông tin việc làm trên phương tiện truyền thông?*
- *Thực hành viết lý lịch và đơn xin việc làm phù hợp với chuyên ngành của bản thân.*
- *Thực hành đóng vai trong các tình huống phỏng vấn xin việc*

Bài 4: Kỹ năng giao tiếp nơi công sở

(5LT + 5 BT/TL)

4.1. Kỹ năng chào hỏi

4.1.1. Khái quát chung về chào hỏi

- Định nghĩa chào hỏi
- Yêu cầu khi chào hỏi
- Nguyên tắc chào hỏi
- Cách thức chào hỏi

4.1.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc chào hỏi các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng chào hỏi

4.2. Kỹ năng bắt tay

4.2.1. Khái quát chung về bắt tay

- Định nghĩa bắt tay
- Nguyên tắc bắt tay
- Cách thức bắt tay

4.2.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc bắt tay các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng bắt tay

4.3. Kỹ năng giới thiệu làm quen

4.3.1. Khái quát chung về giới thiệu làm quen

- Định nghĩa lời giới thiệu

- Nguyên tắc giới thiệu làm quen

- Cách thức giới thiệu

4.3.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc giới thiệu làm quen các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng giới thiệu làm quen

4.4. Kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

4.4.1. Khái quát chung về giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

- Cách thức giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

- Những điểm cần lưu ý khi giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

4.4.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại

4.5. Kỹ năng ứng xử nơi công sở

4.5.1. Khái quát chung về ứng xử nơi công sở

- Quan hệ giao tiếp giữa cấp trên với cấp dưới

- Quan hệ giao tiếp giữa cấp dưới với cấp trên

- Quan hệ giao tiếp giữa nhân viên với nhân viên

4.5.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc ứng xử nơi công sở trong các tình huống giao tiếp

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng ứng xử nơi công sở.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Khoa Sư phạm Kỹ thuật (2021), Đề cương bài giảng Kỹ năng mềm, Trường ĐHSPTK Hưng Yên.

8.2. Học liệu tham khảo

Khoa Sư phạm Kỹ thuật (2015), Đề cương bài giảng giao tiếp, Trường ĐHSPTK Hưng Yên.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức	1	2	0			6	9
Bài 2: Phương pháp và kỹ năng học tập ở đại học	3	4	0			14	21
Bài 3: Kỹ năng xin việc làm	5	4	1			20	30

Bài 4: Kỹ năng giao tiếp nơi công sở	5	5	0			20	30
Tổng cộng	14	15	1			60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức 1.1. Khái quát chung về kỹ năng tự nhận thức 1.1.1. Khái niệm kỹ năng tự nhận thức 1.1.2. Ý nghĩa kỹ năng tự nhận thức 1.1.3. Biện pháp rèn luyện kỹ năng tự nhận thức	Lí thuyết	1	Đọc tài liệu 8.1, 8.2 và trả lời câu hỏi: Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân?	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO10 CLO11 CLO16 CLO17
	Rèn luyện kĩ năng tự nhận thức	Bài tập	2	Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	
	Bài 2: Phương pháp và kĩ năng học tập ở đại học 2.1. Kĩ năng sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập 2.1.1. Sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập	Lí thuyết	2	Đọc tài liệu 8.1, 8.2 và trả lời câu hỏi: Nhận diện phong cách học tập của bản thân? Cách thức thiết kế sơ đồ tư duy trong học tập?	
	Yêu cầu khi thiết kế sơ đồ tư duy	Tự học, tự NC	10	Đọc tài liệu 8.1, 8.2	
2	2.1.2. Quy trình luyện tập Thiết kế sơ đồ tư duy cho chủ đề được giao	Bài tập	1	Đọc tài liệu 8.1, 8.2 và trả lời câu hỏi: Xu hướng nghề nghiệp của bản thân? Định hướng những kế hoạch rèn luyện của bản thân để phát triển nghề nghiệp tương lai	CLO3 CLO4 CLO11 CLO16 CLO17
	2.2. Tư duy thiết kế (Design thinking) 2.2.1. Khái quát chung về tư duy thiết kế	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu 8.1, 8.2 và trả lời câu hỏi: Quá trình tư duy thiết kế?	
	Thực hiện các bài tập luyện tập về tư duy thiết kế	Bài tập	3	Hình thành các nhóm trong lớp giải quyết nhiệm vụ theo yêu cầu. (Sản phẩm: Bản thiết kế hoặc mô hình sản phẩm theo bài thực hành)	
	Các phương pháp để phát triển tư duy thiết kế	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu 8.1, 8.2	
3	Bài 3: Kỹ năng xin việc làm 3.1. Kỹ năng xác định năng lực và mục đích nghề nghiệp	Lí thuyết	2	Đọc 8.1; 8.2: Đánh giá năng lực và phẩm chất	CLO8 CLO13 CLO15

	<p>3.1.1. Khái quát chung về năng lực và mục đích nghề nghiệp</p> <p>3.1.2. Quy trình luyện tập</p> <p>3.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin việc làm</p> <p>3.2.1. Khái quát về tìm kiếm thông tin việc làm</p> <p>3.2.2. Quy trình luyện tập</p>			<p>của cá nhân; xác định mục đích xin việc làm</p>	<p>CLO16 CLO17</p>
	<p>Thảo luận: Tìm kiếm thông tin việc làm thông qua các nguồn nào? Cách nhận biết độ tin cậy của các thông tin việc làm trên phương tiện truyền thông?</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>1</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Tìm hiểu các nguồn cung cấp thông tin việc làm và cách xác định độ tin cậy của thông tin. (<i>Sản phẩm: Trình bày trên giấy A0, các nguồn tìm kiếm thông tin việc làm, cách nhận biết các thông tin đáng tin cậy</i>)</p>	
	<p>3.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc làm</p> <p>3.3.1. Khái quát chung về kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc làm</p> <p>3.3.2. Quy trình luyện tập</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Chuẩn bị hồ sơ xin việc làm (Kỹ thuật viết đơn, sơ yếu lý lịch)</p>	
	<p>Làm các trắc nghiệm tính cách, khí chất.</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>10</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Đánh giá được điểm mạnh điểm yếu của bản thân</p>	
6	<p>3.4. Kỹ năng tham dự phỏng vấn xin việc làm</p> <p>3.4.1. Nguyên tắc tham dự phỏng vấn xin việc làm</p> <p>3.4.2. Quy trình luyện tập</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Tìm ra nguyên tắc tham dự phỏng vấn xin việc làm</p>	<p>CLO9 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17</p>
	<p>Thực hành viết lý lịch và đơn xin việc làm phù hợp với chuyên ngành của bản thân. Thực hành đóng vai trong các tình huống phỏng vấn xin việc</p>	<p>Bài tập</p>	<p>4</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Viết lý lịch và đơn xin việc làm phù hợp với chuyên ngành (<i>Sản phẩm: Viết 1 bản sơ yếu lý lịch, 1 lá đơn xin việc làm phù hợp với chuyên ngành. Đóng vai trong các tình huống phỏng vấn xin việc</i>).</p>	
	<p>Xu hướng tuyển dụng hiện nay.</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>10</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2: Tìm hiểu xu hướng tuyển dụng hiện nay.</p>	
7	<p>Bài 4: Giao tiếp nơi công sở</p> <p>4.1. Kỹ năng chào hỏi</p> <p>4.2. Kỹ năng bắt tay</p> <p>4.3. Kỹ năng giới thiệu làm quen</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>3</p>	<p>Đọc 8.1 để chỉ ra cách thức thực hiện những nghi thức giao tiếp nơi công sở</p>	<p>CLO7 CLO12 CLO16 CLO17</p>
	<p>Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng, chào</p>	<p>Bài tập</p>	<p>2</p>	<p>Đọc 8.1; 8.2 Chỉ ra những cách chào hỏi, bắt</p>	

	hỏi, bắt tay và giới thiệu làm quen.			tay và giới thiệu làm quen gây thiện cảm trong giao tiếp.	
	Các cách gây thiện cảm trong giao tiếp	Tự học, tự NC	10	Đọc: 8.1; 8.2 chỉ ra những cách thức gây thiện cảm trong giao tiếp	
8	4.4. Kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở 4.4.1. Khái quát chung về giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở 4.4.2. Quy trình luyện tập 4.5. Kỹ năng ứng xử nơi công sở 4.5.1. Khái quát chung về ứng xử nơi công sở 4.5.2. Quy trình luyện tập	Lí thuyết	2	Chỉ ra các kĩ thuật tích cực hóa người học	CLO7 CLO12 CLO16 CLO17
	Xây dựng và thể hiện tình huống giao tiếp nơi công sở	Bài tập	3	Hình thành các nhóm cùng trao đổi, xây dựng tình huống, cách giải quyết tình huống và sắm vai thể hiện hình huống đó.	
	Tìm hiểu các cách thức ứng xử thông minh trong những tình huống giao tiếp nơi công sở	Tự học, tự nghiên cứu	10	Đọc 8.1; 8.2 để chỉ ra những cách thức ứng xử thông minh, hiệu quả trong giao tiếp	

10. Quy định học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân, nhóm: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình.

- Thảo luận/ Bài tập: 07 nhiệm vụ thảo luận/ bài tập phải được sinh viên chuẩn bị trước và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, Công não, Thảo luận nhóm	- Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng học tập ở ĐH - Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến kĩ năng xin việc làm và kĩ năng giao tiếp nơi công sở	CLO1; CLO2; CLO3; CL04; CL05; CL06; CLO16; CLO17
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	- Phát triển kĩ năng tư duy, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện kĩ năng thuyết trình, sự tự tin trong giao tiếp - Phát triển kĩ năng giao tiếp ứng xử, khả năng hợp tác, rèn luyện kĩ năng giao tiếp nơi công	CLO4; CLO11; CLO12; CLO13; CLO14; CLO15;

		sở, phỏng vấn xin việc làm, viết đơn xin việc làm, sơ yếu lý lịch.	CLO16; CLO17
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO16; CLO17

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kỹ năng viết đơn xin việc và kỹ năng viết sơ yếu lý lịch trong quá trình chuẩn bị hồ sơ xin việc.

- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết đơn xin việc và sơ yếu lý đảm bảo tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Hình thức đánh giá: Thu sản phẩm và đánh giá bằng phiếu theo rubric đánh giá điểm bài tập.

11.2.2. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kỹ năng giao tiếp nơi công sở sự tự tin, chủ động của sinh viên trong thực hiện nhiệm vụ.

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để xây dựng và thể hiện tình huống giao tiếp nơi công sở.

- Hình thức đánh giá: Đánh giá sự thực hiện kỹ năng giao tiếp nơi công sở theo tiêu chí đánh giá cụ thể.

- Thời gian: Tổ chức cho sinh viên thể hiện kỹ năng giao tiếp nơi công sở theo nhóm vào buổi học cuối cùng của học phần.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25	CLO16; CLO17.
	Bài tập cá nhân	25	CLO8; CLO9; CLO13.
Thi kết thúc học phần		50	CLO5; CLO6; CLO7; CLO12; CLO16; CLO17.

- Rubric của từng thành phần đánh giá trong bảng:

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	

Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

i) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

iii) Rubric đánh giá thi KTHP


Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Xây dựng tình huống giao tiếp nơi công sở	30	Đúng quy định và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đúng quy định và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng quy định nhưng nộp muộn	Không đúng quy định và hạn nộp. Bài do người khác thực hiện	
Thể hiện kỹ năng giao tiếp nơi công sở	70	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022


TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Hữu Hợp

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Thị Liễu

GIẢNG VIÊN


Hoàng Đức Ngọc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Đại cương Kinh tế và Môi trường
(General economic and environmental)

1. Thông tin về Giảng viên

TT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Email, điện thoại cơ quan
1	Hoàng Minh Đức	Trưởng bộ môn kinh tế, Tiến sĩ	duchoasunghau@gmail.com ; 0975766596
2	Lê Thị Thu Thảo	Giảng viên, Thạc sĩ	lethithuthao14111991@gmail.com , 0986.079.302
3	Đỗ Văn Cường	Giảng viên, Thạc sĩ	Dovancuonghy@gmail.com 0983827838
4	Tạ Đăng Thuận	Giảng viên, Tiến sĩ	dangthuan410@gmail.com ; 02213713050
5	Vũ Thị Huyền	Giảng viên, Thạc sĩ	blackrain.vn@gmail.com ; 0902114437
6	Trần Thị Trang	Giảng viên, Thạc sĩ	trangthy86@gmail.com ; 02213713050
7	Phan Thị Uyên Nhung	Giảng viên, Thạc sĩ	Phanuyennhung@gmail.com ; 02213713050

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Đại cương Kinh tế và Môi trường

2.2. Mã số: 931168 (Bộ môn Kinh tế quản lý)

181132 (Bộ môn Hóa môi trường tham gia giảng dạy)

2.3. Khối lượng: 2 TC (LT) **2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học**

HD dạy học	Giờ thực hiện trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Thời gian			
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phân: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phân

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học học trước: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên Đại học các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phân: Bộ môn Kinh tế/ Khoa Kinh tế, (Theo quyết định số 1529/QĐ-DHSPKTHY ngày 12/09/2018 của Hiệu trưởng trường đại học Sư phạm Kỹ Thuật Hưng Yên)

3. Mô tả môn học

Học phần Đại cương Kinh tế và Môi trường là học phần nằm trong phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế, môi trường.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản trong kinh tế học: cung - cầu, cơ cấu thị trường, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp và lạm phát. Những kiến thức cơ bản trong môi trường: mối quan hệ giữa con người với môi trường; sự ô nhiễm môi trường, các hoạt động tự nhiên, nhân tạo gây nên ô nhiễm môi trường, các hiện tượng tác hại, hậu quả của sự ô nhiễm; các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường, Những vấn đề về dân số và phát triển bền vững đây là những vấn đề cơ bản cần được trang bị vì nó liên quan, cấp thiết với bất cứ hoạt động kinh tế xã hội nào.

4. Mục tiêu của học phần

Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

*** Kiến thức:**

CO1: Phân tích được được khái niệm về kinh tế học, đường giới hạn khả năng sản xuất và ảnh hưởng của các quy luật khan hiếm đến việc lựa chọn kinh tế.

CO2: Nắm chắc các kiến thức nền tảng về cung, cầu và phân tích mối quan hệ giữa chúng cũng như các kiến thức về cơ cấu của các thị trường nơi diễn ra cung, cầu

CO3: Nhận biết và giải thích được các yếu tố cấu thành của chỉ tiêu GDP, GNP. Giải thích và phân tích được các hiện tượng thất nghiệp, lạm phát và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thất nghiệp lạm phát.

CO4: Phân tích khái niệm về môi trường và phân loại môi trường,

CO5: Giải thích và nhận biết được các vấn đề ô nhiễm môi trường về mặt lý thuyết

CO6: Phân tích sự tác động qua lại giữa con người và môi trường, có ứng xử đúng đắn đối với các vấn đề kinh tế và môi trường, xác định được các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững;

CO7: Nâng cao tư duy về các vấn đề kinh tế và hình thành ý thức về bảo vệ môi trường trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động nghề nghiệp.

*** Kỹ năng:**

CO8: Vận dụng các kiến thức kinh tế như cung, cầu, GDP, GNP... để nhận biết, giải thích, ứng xử các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế...

CO9: Nhận biết được các vấn đề về môi trường diễn và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....

CO10: Hình thành kỹ năng trong tư duy dự đoán, phán xét, dự định, giải thích, xu hướng về các hiện tượng về kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tế.

*** Thái độ:**

CO11: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được được khái niệm về kinh tế học,.	PL01
	CLO2	Phân tích đường giới hạn khả năng sản xuất và ảnh hưởng của các quy luật khan hiếm đến việc lựa chọn kinh tế	PL01
CO2	CLO3	Nắm chắc các kiến thức nền tảng về cung, cầu và	PL01
	CLO4	Phân tích mối quan hệ giữa chúng cũng như các kiến thức về cơ cấu của các thị trường nơi diễn ra cung,	PL01

		cầu	
CO3	CLO5	Nhận biết và giải thích được các yếu tố cấu thành của chỉ tiêu GDP, GNP..	PLO1
	CLO6	Giải thích và phân tích được các hiện tượng thất nghiệp, lạm phát và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thất nghiệp lạm phát	PLO1
CO4	CLO6	Phân tích khái niệm về môi trường và phân loại môi trường,	PLO1
	CLO7	Giải thích được các vai trò của môi trường trong từng hoạt động thực tiễn	PLO1
CO5	CLO8	Biết được cách vận dụng các biện pháp, công cụ bảo vệ môi trường trong thực tiễn	PLO1
CO6	CLO9	Phân tích, giải thích được các vấn đề về biến đổi khí hậu toàn cầu, nguyên nhân và hậu quả của nó xảy ra trong thực tế.	PLO1
	CLO10	Phân tích, giải thích được các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất nước, không khí, nguyên nhân và hậu quả của nó xảy ra trong thực tế.	PLO1
	CLO11	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PLO1
CO7	CLO12	Phân tích, giải thích được sự tác động qua lại giữa con người và môi trường.	PLO1
	CLO13	Có ứng xử đúng đắn đối với các vấn đề môi trường, xác định được các các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững;	PLO1
	Kỹ năng		
CO8	CLO14	Vận dụng các kiến thức kinh tế như cung, cầu, GDP, GNP... để nhận biết, giải thích, ứng xử các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế...	PLO8
CO9	CLO15	Nhận biết được các vấn đề về môi trường diễn và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....	PLO8
CO10	CLO16	Hình thành kỹ năng trong tư duy dự đoán, phán xét, dự định, giải thích, xu hướng về các hiện tượng về kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tế.	PLO8
	Thái độ		
CO11	CLO17	Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

		quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.	
--	--	---	--

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO2	PLO3	PLO 4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO 9	PLO1 0
931168	Đại cương về Kinh tế và môi trường	1			4						0
		3	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		PLO 11	PLO1 2	PLO1 3	PLO 14	PLO1 5					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

2 tiết (2LT)

1.1. Khái niệm cơ bản về kinh tế học

1.1.1. Khái niệm về kinh tế học

1.1.2. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

1.1.3. Kinh tế thực chứng và kinh tế chuẩn tắc

1.2. Ba vấn đề cơ bản của kinh tế học và bản chất của kinh tế học

1.3. Lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp

1.3.1. Hàng hóa khan hiếm và hàng hóa miễn phí

1.3.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất và sự lựa chọn

1.3.3. Ảnh hưởng của một số quy luật kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế tối ưu

1.4. Các mô hình kinh tế

1.4.1. Mô hình kế hoạch hóa tập trung

1.4.2. Cơ chế thị trường

1.4.3. Cơ chế hỗn hợp

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ

6tiết (4LT; 2 BT)

2.1. Cung, cầu – Mối quan hệ cung cầu và cân bằng cung cầu

2.1.1. Cầu

2.1.2. Cung

2.1.3. Mối quan hệ cung – cầu và cân bằng cung cầu

2.1.4. Thị trường tự do và kiểm soát giá cả

2.1.5. Độ co giãn của cung, cầu theo giá

2.2. Thặng dư người sản xuất, thặng dư người tiêu dùng

2.3. Cơ cấu thị trường

2.3.1. Khái niệm thị trường

2.3.2. Phân loại thị trường

2.3.3. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

2.3.4. Thị trường độc quyền

2.3.5. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

7 tiết (4LT; 3 BT)

3.1 Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân

3.1.1 Tổng sản phẩm quốc dân

3.1.2 Phương pháp xác định GDP

3.1.3 Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

3.2 Thất nghiệp và lạm phát

- 3.2.1 Thất nghiệp
- 3.2.2 Lạm phát
- 3.2.3 Mối quan hệ giữa thất nghiệp và lạm phát

CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG
5 tiết (3LT; 2TL)

- 4.1. Khái niệm và phân loại môi trường
- 4.2. Các thành phần của môi trường
- 4.3. Vai trò của môi trường
- 4.4. Các vấn đề môi trường toàn cầu
- 4.5. Mối liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế

CHƯƠNG 5: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

7 tiết (5LT; 2TL)

5.1. Ô nhiễm môi trường

- 5.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường
- 5.1.2. Ô nhiễm không khí
- 5.1.3. Ô nhiễm nước
- 5.1.4. Ô nhiễm môi trường đất
- 5.1.5. Ngoại ứng và mức ô nhiễm tối ưu từ hoạt động kinh tế

5.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường

- 5.2.1. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp phi kỹ thuật
- 5.2.2. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp kỹ thuật

CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

3 tiết (2LT; 1TL)

6.1 Khái niệm về phát triển bền vững (PTBV)

- 6.1.1. Khái niệm về phát triển bền vững
- 6.1.2. Sự ra đời của phát triển bền vững

6.2. Nội dung của phát triển bền vững (Các tiêu chí và chỉ thị về PTBV)

- 6.2.1. Bền vững về kinh tế
 - 6.2.2. Bền vững về xã hội
 - 6.2.3. Bền vững về tài nguyên môi trường
- 6.3. Nguyên tắc của phát triển bền vững**
- 6.3.1. Nguyên tắc về sự uỷ thác của nhân dân
 - 6.3.2. Nguyên tắc phòng ngừa
 - 6.3.3. Nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ
 - 6.3.4. Nguyên tắc công bằng trong cùng một thế hệ
 - 6.3.5. Nguyên tắc công bằng về quyền tồn tại của con người và sinh vật Trái đất
 - 6.3.6. Nguyên tắc phân quyền và uỷ quyền
 - 6.3.7. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, người sử dụng môi trường phải trả tiền

6.4. Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam

- 6.4.1. Hiện trạng về dân số và tài nguyên
- 6.4.2. Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

8. Học liệu (giáo trình, Bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Giáo trình “Đại cương Kinh tế và Môi trường” - Trường Đại học SPKT Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo:

- 8.2.1. Nguyễn Văn Hương, *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2020
- 8.2.2. DAVID BEGG/S.FISCHER/R.DORNBOUSCH, *kinh tế học vi mô*, NXB thống kê, 2011.
- 8.2.3. DAVID BEGG/S.FISCHER/R.DORNBOUSCH, *kinh tế học vĩ mô*, NXB thống kê, 2011.
- 8.2.4. Lê Thị Thanh Mai 2003- *Giáo trình Môi trường và con người - NXB Thống kê*
- 8.2.5. Nguyễn Thế Chinh (2011) – *Giáo trình kinh tế & Quản lý môi trường-NXB Thống kê.*

9. Kế hoạch dạy học**9.1. Lịch trình chung**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của kinh tế học	2					4	6
Chương 2: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô	4	2				12	18
Chương 3: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vĩ mô	4	3				14	21
Tín chỉ 2							
Chương 4: Những vấn đề cơ bản về môi trường	3		2			10	15
Chương 5: Ô nhiễm môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường	5		2			14	21
Chương 6: Phát triển bền vững	2		1			6	9
Tổng	20	5	5			60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC 1.1. Khái niệm cơ bản về kinh tế học 1.1.1. Khái niệm về kinh tế học 1.1.2. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô 1.1.3. Kinh tế thực chứng và kinh tế chuẩn tắc 1.2. Ba vấn đề cơ bản của kinh tế học và bản chất của kinh tế học 1.3. Lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp 1.3.1. Hàng hóa khan hiếm và hàng hóa miễn phí 1.3.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất và sự lựa chọn 1.3.3. Ảnh hưởng của một số quy luật kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế tối ưu 1.4. Các mô hình kinh tế 1.4.1. Mô hình kế hoạch hóa tập trung 1.4.2. Cơ chế thị trường 1.4.3. Cơ chế hỗn hợp	Lí thuyết	2	Đọc tài liệu chương 1 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO1 CLO2 CLO12 CLO17
	Dùng đường giới hạn khả năng sản xuất để phân tích đối với một số loại hàng hóa khác nhau trong thực tế, phân tích ảnh hưởng một số quy luật kinh tế đến lựa chọn kinh tế tối ưu trong thực tế	Tự học, Tự NC	4	Sinh viên chuẩn bị các tài liệu có liên quan đến học phần, ôn lại phần đã học trên lớp	
2	CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ 2.1. Cung, cầu – Môi quan hệ cung cầu và cân bằng cung cầu 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Môi quan hệ cung – cầu và cân bằng cung cầu 2.1.4. Thị trường tự do và kiểm soát giá cả 2.1.5. Độ co giãn của cung, cầu theo giá	Lí thuyết	2	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO2 CLO3 CLO4 CLO13 CLO14 CLO17
	Phân tích được khái niệm cung, cầu, các yếu tố ảnh hưởng, sự di chuyển và dịch chuyển đường cung, cầu của một số loại hàng hóa, dịch vụ trong thực tế	Tự học, tự NC	4	Ôn lại kiến thức cũ đọc, nghiên cứu tài liệu 7.1, 7.2.1, 7.2.2	
3	2.2. Thặng dư người sản xuất, thặng dư người tiêu dùng 2.3. Cơ cấu thị trường 2.3.1. Khái niệm thị trường 2.3.2. Phân loại thị trường 2.3.3. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.4. Thị trường độc quyền 2.3.5. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo	Lí thuyết	2	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO2 CLO3 CLO4 CLO17
		Tự học, tự NC:	4		

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
4	Bài tập chương 2: Bài tập về cung cầu và mối quan hệ cung cầu trên thị trường; Bài tập về Độ co giãn của cung, cầu theo giá	Bài tập	2	Làm bài tập	
		Tự học, tự NC	4	Chuẩn bị bài tập trước khi lên lớp	
5	CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ 3.1. Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân 3.1.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội 3.1.2. Phương pháp xác định GDP 3.1.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan Cập nhật các số liệu thực tế về tổng GDP, GNP thất nghiệp, lạm phát trong thực tế của Việt Nam và các quốc gia	CLO5 CLO14 CLO17
	Bản chất của GDP, GNP, nắm được mối quan hệ giữa GDP và GNP. Lạm phát, thất nghiệp, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục lạm phát và thất nghiệp	Tự học, Tự NC	4	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan	
6	3.2. Thất nghiệp và lạm phát 3.2.1. Thất nghiệp 3.2.2. Lạm phát 3.2.3. Mối quan hệ giữa thất nghiệp và lạm phát	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO17
		Tự học, Tự NC	4	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan	
7	Bài tập chương 3: Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và giải thích các vấn đề các có liên quan	Bài tập	2	Đọc tài liệu chương 1 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan Làm các bài tập được giao.	
		Tự học, Tự NC	4		
8	Bài tập chương 3: Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và giải thích các vấn đề các có liên quan	Bài tập LT	1		
	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG 4.1. Khái niệm và phân loại môi trường 4.2. Các thành phần của môi trường	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.1-4.3, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO7 CLO15 CLO17
	Chỉ ra các thành phần của môi trường tự nhiên trong mối quan hệ tương tác với con người trong thực tế để thấy rõ vai trò của môi trường	Tự học, tự NC	4	Chuẩn bị nội dung có liên quan đến môi trường, vai trò, các thành phần của môi trường và nghiên cứu các tài liệu có liên quan	
Kiểm tra					
9	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG 4.3. Vai trò của môi trường 4.4. Các vấn đề môi trường toàn cầu	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.1-4.3, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
	Chỉ ra các thành phần của môi trường tự nhiên trong mối quan hệ tương tác với con người trong thực tế để thấy rõ vai trò của môi trường	Tự học, tự NC	4	Chuẩn bị nội dung có liên quan đến môi trường, vai trò, các thành phần của môi trường và nghiên cứu các tài liệu có liên quan	CLO7 CLO15 CLO17
10	Nội dung thảo luận: - Mối liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế + Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế + Hậu quả do phát triển kinh tế tác động đến môi trường + Giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường	Thảo luận	2	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.5, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO7 CLO15 CLO16 CLO17
	Ảnh hưởng của các vấn đề kinh tế đến chất lượng môi trường hiện nay ở Việt Nam như thế nào?	Tự học, tự NC	4	Tìm hiểu thông tin trong thư viện, tài liệu tham khảo và trên mạng internet	
11	CHƯƠNG 5: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 5.1. Ô nhiễm môi trường 5.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 5.1.2. Ô nhiễm không khí 5.1.3. Ô nhiễm nước	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 5 phần 5.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO8 CLO9 CLO10 CLO15 CLO16
	Các hiện tượng ô nhiễm không khí thực tế, tác hại và hậu quả cũng như giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.	Tự học, tự NC	4		
12	5.1.4. Ô nhiễm môi trường đất 5.1.5. Ngoại ứng và mức ô nhiễm tối ưu từ hoạt động kinh tế 5.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường 5.2.1. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp phi kỹ thuật	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 5 phần 5.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO8 CLO15 CLO17
	Các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước, đất trong thực tế, và hậu quả của chúng đối với các hoạt động sống, làm việc, sản xuất của con người.	Tự học, tự NC	4	Tìm đọc các tài liệu tham khảo có liên quan và cập nhật thực tiễn về tình hình ô nhiễm môi trường, nguồn gốc gây ra ô nhiễm	
13	Nội dung thảo luận: - Hiện trạng ô nhiễm không khí trên thế giới và Việt Nam - Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam - Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu - Hiện tượng Elnino, Lanina và ảnh hưởng tới Việt Nam	Thảo luận	2	Đọc tài liệu chương 5 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan để chuẩn bị các nội dung về kiến thức có liên quan đến buổi thảo luận. - Nhóm thảo luận chuẩn bị kịch bản, nội dung thảo	CLO8 CLO9 CLO10 CLO15

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
	<ul style="list-style-type: none"> - Một số các Nghị định thư, Công ước quốc tế quan trọng về môi trường - Hiện trạng ô nhiễm nước trên thế giới và Việt Nam - Hiện trạng ô nhiễm đất trên thế giới và Việt Nam - Các vấn đề môi trường tại nông thôn Việt Nam hiện nay - Các vấn đề môi trường toàn cầu - Tình hình thực hiện luật môi trường ở các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay 			luận, phân công các thành viên trong nhóm. - SV các nhóm (đã chia) thảo luận theo các chủ đề dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung, các thành viên khác cho ý kiến sau đó GV tổng kết vấn đề	CLO16
		Tự học, tự NC	4	<i>Tìm đọc các tài liệu tham khảo</i>	
14	5.2.2. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp kỹ thuật	Lý thuyết	2	Nghiên cứu trước nội dung chương 5, chương 6 tài liệu 7.1 và nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học ở phần 7.2 và các tài liệu tham khảo khác	CLO11 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17
	CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 6.1 Khái niệm về phát triển bền vững (PTBV) 6.1.1. Khái niệm về phát triển bền vững 6.1.2. Sự ra đời của phát triển bền vững	Tự học, tự NC	4		
	6.2. Nội dung của phát triển bền vững 6.2.1. Bền vững về kinh tế 6.2.2. Bền vững về xã hội 6.2.3. Bền vững về tài nguyên môi trường 6.3. Nguyên tắc của phát triển bền vững	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu chương 6 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
15	Nội dung thảo luận: - Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam - Hệ thống nội dung kiến thức cơ bản của học phần, ôn tập, chuẩn bị thi KTHP.	Thảo luận	1	- Sinh viên các nhóm (đã chia) thảo luận theo các chủ đề dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung, các thành viên khác cho ý kiến sau đó GV tổng kết vấn đề	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
	- Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam + Hiện trạng về dân số và tài nguyên + Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam	Tự học, tự NC	4	Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học	CLO11 CLO16 CLO17

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

- Có ý thức tự học, chuẩn bị các câu hỏi, bài tập, chủ đề thảo luận đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc 2 giờ seminar hoặc 3 giờ làm việc nhóm theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Cho phép thực hiện lại bài tập nhóm không quá 1 lần (trong trường hợp không đạt).

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

11.1. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần
Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lý thuyết liên quan đến các vấn đề về môi trường	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4, CLO5, CLO6; CLO15; CLO16
Bài tập/ Thảo luận	Tinh huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kỹ năng tư duy phát hiện, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, rèn luyện hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm tốt	CLO7; CLO8; CLO9; CLO10; CLO11; CLO12; CLO13; CLO14;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO15; CLO16

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần:

Giảng viên lựa chọn 1 trong các hình thức sau: Đánh giá chuyên cần, làm tiểu luận hoặc thảo luận nhóm:

11.2.1 Chuyên cần:

Sinh viên tích cực tham gia các buổi học theo đúng quy định có những đóng góp phát biểu xây dựng bài, tham gia các buổi thảo luận, bài tập, đóng góp ý kiến xây dựng phát triển bài là căn cứ để đánh giá điểm chuyên cần.

- Cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc 2 giờ seminar hoặc 3 giờ làm việc nhóm theo quy chế đào tạo hiện hành. Tuy theo mức độ chuyên cần đóng góp xây dựng học phần có thể đánh giá điểm chuyên cần.

11.2.2 . Thảo luận nhóm

- **Mục tiêu:** Đánh giá ý thức tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của sinh viên. Giúp SV tự lựa chọn, khái quát và đưa ra phương pháp thực hiện các đề tài thảo luận một cách độc lập.

- **Tiêu chí đánh giá:**

+ Trọng số 50/3 (%) điểm quá trình, đánh giá theo quy định hiện hành.

+ Điểm bài Thảo luận nhóm được tính theo Thang điểm 10 (thực hiện theo quy định của Trường), do giảng viên dạy học phần trực tiếp chấm. Điểm bài Thảo luận nhóm gồm 2 thành phần:

Thành phần thứ nhất: Chiếm 60% là điểm Bài báo cáo dưới dạng Powerpoint trước lớp. Tiêu chí đánh giá Bài báo cáo dưới dạng Powerpoint trước lớp: 20% điểm hình thức Powerpoint; 30% điểm thuyết trình; 50% điểm trả lời các câu hỏi.

Thành phần thứ hai: Chiếm 40% là điểm Bài viết báo cáo ở nhà của nhóm phải nộp, gồm: **Một là, Điểm hình thức 20%** (Số trang Bài tiểu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13, kiểu chữ Times New Roman, Lê trái 3 cm, 3 lê còn lại 2 cm, dẫn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). **Hai là, Điểm nội dung 80%** (Trong đó nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần chấm 70%; nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập chấm 30%).

+ Thời gian giao bài thảo luận nhóm: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.

+ Hình thức giao bài thảo luận nhóm: Một nhóm sẽ có từ 3 - 5 sinh viên (do giảng viên giảng dạy phân công); mỗi nhóm sẽ chuẩn bị một **Bài viết báo cáo ở nhà** (Hình thức giống như bài tiểu luận) và trình bày **Bài báo cáo dưới dạng Powerpoint trước lớp**.

+ Chủ đề Bài thảo luận nhóm: Mỗi nhóm thực hiện một chủ đề thảo luận khác nhau; Chủ đề thảo luận bám sát nội dung của học phần và thay đổi theo từng lớp, khóa học.

Nội dung:

- Các vấn đề về Cung Cầu hàng hóa dịch vụ
- Các vấn đề về kinh tế vĩ mô (GNP, GDP, Phát triển kinh tế, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Tình trạng thất nghiệp, lạm phát...)
- Hiện trạng ô nhiễm không khí trên thế giới và Việt Nam
- Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam
- Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu
- Hiện tượng Elnino, Lanina và ảnh hưởng tới Việt Nam
- Một số các Nghị định thư, Công ước quốc tế quan trọng về môi trường
- Hiện trạng ô nhiễm nước trên thế giới và Việt Nam
- Hiện trạng ô nhiễm đất trên thế giới và Việt Nam
- Các vấn đề môi trường nông thôn, đô thị ở Việt Nam hiện nay
- Chiến lược phát triển bền vững trên thế giới và Việt Nam

*** Thế giới**

+ Chiến lược phát triển bền vững ở Nhật Bản...

+ Chiến lược phát triển bền vững ở Đức...

*** Việt Nam**

+ Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

+ Chiến lược phát triển bền vững của một số ngành: nông nghiệp, chế biến thủy sản, dệt may, công nghiệp có ảnh hưởng đến môi trường và các hiện tượng biến đổi khí hậu...

Tiêu chí: Mỗi nhóm 3-5 SV đưa ra vấn đề và thảo luận trước lớp, các nhóm khác phản biện và đóng góp ý kiến.

Hình thức đánh giá: Báo cáo trước lớp và các nhóm đánh giá chéo

- Thời gian: Nộp cho giảng viên chậm nhất sau khi kết thúc học phần 2-3 ngày và nộp trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần các minh chứng của bài thảo luận nhóm đã chỉnh sửa sau khi góp ý của giảng viên và các nhóm.

11.2.3 Tiểu luận

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và tư duy phân tích về các vấn đề kinh tế và môi trường trong thực tế. Ngoài ra, bài tiểu luận còn giúp sinh viên có thêm kỹ năng nghiên cứu khoa học và trong sưu tầm và tìm kiếm các tài liệu trong thực tế phục vụ cho công tác giảng dạy ngoài ra đánh giá ý thức tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của sinh viên.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được kiến thức cơ bản về chủ đề được giao như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững... tìm kiếm tài liệu và trình bày tiểu luận theo đúng yêu cầu của giáo viên

- Hình thức đánh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiểu luận và chấm trực tiếp trên bài tiểu luận theo hướng dẫn và các quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận:

+ Trọng số 50/3 (%) điểm quá trình, đánh giá theo quy định hiện hành. Điểm bài tiểu luận được tính theo Thang điểm 10 (theo Quy định của Nhà trường), trong đó: Một là, Điểm hình thức 20% (số trang tiểu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13, kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dẫn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). Hai là, Điểm nội dung 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần chấm 70%; Nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập chấm 30%).

+ Chấm tiểu luận: giảng viên giảng dạy học phần nào sẽ chấm tiểu luận học phần đó.

+ Thời gian giao tiểu luận: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.

+ Hình thức giao tiểu luận: mỗi sinh viên thực hiện 1 tiểu luận.

+ Chủ đề tiểu luận: số lượng tối thiểu 20 chủ đề cho mỗi lớp học có từ 20 sinh viên trở lên; chủ đề tiểu luận bám sát nội dung Học phần.

11.2.4 Bài kiểm tra định kỳ (thay thế điểm thi giữa học phần)

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nhận thức các nội dung thành phần của học phần môn học.

- Nội dung: Sinh viên phải thể hiện được sự hiểu biết của người học về các kiến thức liên quan đến Đại cương về kinh tế.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 1 tiết.

- Trong trường hợp kiểm tra nhiều hơn 1 bài thi lấy điểm đánh giá trung bình định kỳ (là điểm trung bình các bài kiểm tra định kỳ các nội dung của học phần môn học)

11.2.5 Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát hóa các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tế trên cơ sở những kiến thức đại cương đã được học tập.

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để sinh viên giải thích, ứng dụng, vận dụng linh hoạt, phán đoán tình hình các vấn đề về kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tiễn.

- Hình thức đánh giá: Đánh giá bằng hình thức thi kết thúc HP, bài thi viết thời gian 75 phút.

11.3. Lịch thi, kiểm tra

- Kiểm tra định kỳ: Sau học kết thúc một số chương sinh viên phải hoàn thiện bài tập, ôn tập và thực hiện kiểm tra định kỳ.

- Kiểm tra định kỳ (nếu có): Giáo viên tự bố trí cho sinh viên kiểm tra sau khi học xong các nội dung từng phần của học phần môn học.

- Thi kết thúc học phần: theo lịch thi của phòng đào tạo.

11.4. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần/Bài tập nhóm/Tiểu luận	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO9; CLO14; CLO16; CLO17
	Bài kiểm tra	25	CLO4; CLO5; CLO6; CLO10; CLO12
Thi kết thúc học phần		50	CLO3; CLO4; CLO5; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10

- Rubric của từng thành phần đánh giá trong đề cương:

a) Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia 95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

b) Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện báo cáo trước lớp	60% (20% hình thức; 30% thuyết trình; 50% trả lời câu hỏi)	Thực hiện bài báo cáo chuẩn mực về hình thức, nội dung thuyết trình lưu loát, loigics khoa học. Trả lời đúng câu hỏi	Thực hiện bài báo cáo đảm bảo tốt về hình thức, nội dung thuyết trình. Trả lời đúng câu hỏi	Thực hiện đầy đủ các nội dung còn phải chỉnh sửa về nội dung, hình thức, chuẩn mực hơn về trả lời câu hỏi	Không đạt về hình thức, thiếu về nội dung và trả lời sai một số câu hỏi	
Nội dung bài báo cáo của nhóm	40%(20% hình thức bài báo cáo; 80% chất lượng nội dung của bài báo cáo)	Báo cáo đảm bảo chuẩn mực về chất lượng nội dung và hình thức	Đảm bảo tốt về nội dung và hình thức, chất lượng báo cáo	Đảm bảo một phần về nội dung, cần sửa chữa các điểm về hình thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu, hình thức cần chỉnh sửa	

c) Rubric đánh giá điểm tiểu luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hình thức	20	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, trình bày không đúng thể thức văn bản hoặc nộp muộn.	Không đúng kết cấu, không đúng thể thức văn bản, nộp muộn.	
Nội dung	80	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 80% yêu cầu của chủ đề được giao.	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu của chủ đề được giao.	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 50% dưới 70% yêu cầu của chủ đề được giao.	Lạc chủ đề hoặc đúng chủ đề nhưng nội dung đáp ứng < 50% yêu cầu của chủ đề được giao.	

d) Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	

Nhớ, biết	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
Hiểu, áp dụng	40%	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng 50% đến dưới 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng
Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng <50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài

e) Rubric đánh giá thi KTHP

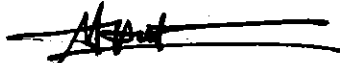
Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Nhớ, biết	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	
Hiểu, áp dụng	40%	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng 50% đến dưới 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng	
Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng <50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài	

12. Ngày hoàn thành đề : 05/8/2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN


TS. Nguyễn Văn Hưởng

TS. Hoàng Minh Đức

Ths. Đỗ Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tâm lí học xã hội
(Social psychology)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Hợp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150, huuhop78@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Duyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenduyenspkt@gmail.com

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, lethuthuyspkt@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Trần Mai Duyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, duyenuyehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Phan Thị Thanh Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phan.thanhcanh13@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Cúc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenthicucspkthy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Đoàn Thanh Hòa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoaspkthy@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Liễu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, ntlieu.693@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Hoàng Thị Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoangngocspkthy@gmail.com

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Lê Ngọc Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phuongspkt.utchy@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

- 2.1. **Tên học phần:** Tâm lý học xã hội
 2.2. **Mã số:** 711135
 2.3. **Khối lượng:** 2 TC (2 Lí thuyết)
 2.4. **Thời gian đối với các hoạt động dạy học**

HB dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC	Tổng
Thời gian			
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. **Học phần:** Bắt buộc

2.6. **Điều kiện học phần**

- Học phần tiên quyết: Không

2.7. **Đối tượng tham dự:** Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. **Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Sư phạm Kỹ thuật, khoa Sư phạm Kỹ thuật

3. Mô tả học phần

Môn tâm lý học xã hội là môn học học giúp sinh viên có được cách tiếp cận hoạt động- giao tiếp- nhân cách đối với các biểu hiện của tâm lý xã hội, từ đó sẽ có nhận thức được một cách sâu sắc những vấn đề nổi bật của các giai đoạn yếu tố tâm lý xã hội nhất định. Việc tiếp cận những vấn đề của Tâm lý học xã hội là hết sức có ý nghĩa bởi vì, dù là có ý thức hay không có ý thức, công việc của sinh viên sau khi ra trường gắn liền với các hiện tượng tâm lý xã hội, chịu sự chi phối của các quy luật tâm lý xã hội.

Môn học này cho biết các hiện tượng tâm lý xã hội, đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội. Bầu không khí nhóm, vai trò, và biểu hiện của nhóm. Người thủ lĩnh nhóm phải làm gì, làm như thế nào để có thể tạo lập và giữ vững bầu không khí tâm lý tích cực.

Môn học này được kết cấu thành 4 chương phản ánh những lí luận cơ bản về định kiến xã hội, ảnh hưởng, các hiện tượng tâm lý xã hội và hướng dẫn thực hành về xây dựng bầu không khí tích cực, giải quyết xung đột, cách tạo sự đồng thuận trong nhóm....

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

* Kiến thức:

CO1: Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và việc ứng dụng tri thức của tâm lý học xã hội trong công việc.

CO2: Phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội như: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội đối với sự phát triển bản thân

CO3: Giải thích được tâm lý nhóm, phân biệt được các giai đoạn phát triển của nhóm cũng như các hiện tượng áp lực nhóm.

CO4: Phân tích được đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội và sự tác động của các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản như: bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột.

* Kỹ năng:

CO5: Tiến hành phân tích, đánh giá thực chất bầu không khí nhóm, từ đó hoạch định được phương thức chung để quản lí nhóm hiệu quả.

CO6: Thiết lập và giữ vững một cách hợp lí những mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp giữa mọi người trong nhóm xã hội mà mình đang sống và làm việc.

CO7: Giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể. Biết tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

* Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO8: Sự chăm chỉ, nhiệt tình, tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người, hoàn thiện bản thân

CO9: Có thái độ tích cực và xây dựng trong xây dựng tập thể cũng như hoạch định phát triển bản thân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Phát hiện được đối tượng, ý nghĩa của tâm lý học xã hội, ý thức được việc vận dụng tri thức của tâm lý học xã hội vào giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội nảy sinh trong cuộc sống và công việc của bản thân	PLO1, PLO3
CO2	CLO2	Phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội như: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội... và sự tác động đối với sự phát triển bản thân	PLO1, PLO3
CO3	CLO3	Giải thích được tâm lý nhóm, phân biệt được các giai đoạn phát triển của nhóm cũng như các hiện tượng áp lực nhóm nhằm phục vụ cho công việc của bản thân	PLO1, PLO3
CO4	CLO4	Phân tích được đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội (bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột) và ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý xã hội này đến công việc của bản thân	PLO1, PLO3
Kỹ năng			
CO5	CLO5	Phân tích được bầu không khí tâm lý, mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm	PLO1, PLO3
	CLO6	Đánh giá được thực chất sự phát triển và truyền thống của nhóm	PLO1, PLO3
	CLO7	Sử dụng thành thạo kỹ thuật giải tỏa áp lực nhóm tạo sự đồng thuận trong nhóm	PLO1, PLO3
	CLO8	Hoạch định được kế hoạch phát triển nhóm	PLO1, PLO3
	CLO9	Xây dựng được chuẩn mực cho một nhóm	PLO1, PLO3
CO6	CLO10	Thiết lập được một cách hợp lý những mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp giữa mọi người trong nhóm xã hội mà mình đang sống và làm việc.	PLO1, PLO3
	CLO11	Thực hiện được việc giữ vững một cách hợp lý những mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp giữa mọi người trong nhóm xã hội mà mình đang sống và làm việc.	PLO1, PLO3
CO7	CLO12	Giải quyết được những xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp cho những tình huống cụ thể trong cuộc sống và công việc	PLO1, PLO3
	CLO13	Thiết lập được sự ảnh hưởng của bản thân tới người khác nhằm phát triển bản thân	PLO1, PLO3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO14	Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15

CO9	CLO15	Thể hiện thái độ tích cực và chủ động trong xây dựng tập thể cũng như hoạch định phát triển bản thân	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15
-----	-------	--	-------------------------------------

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Tâm lý học xã hội là một khoa học
04 tiết (LT: 3, BT/TL: 1)

1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành của Tâm lý học xã hội

- 1.1.1. Những tiền đề triết học
- 1.1.2. Các trường phái tâm lý học xã hội

1.2. Bản chất, đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội

- 1.2.1. Bản chất
- 1.2.2. Đối tượng
- 1.2.3. Nhiệm vụ

1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

- 1.3.1. Nguyên tắc nghiên cứu của Tâm lý học xã hội
- 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

Chương 2: Các cơ chế tâm lý xã hội
8 tiết (LT: 6, BT/TL: 2)

2.1. Tri giác xã hội

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội

2.2. Định kiến xã hội

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Nguyên nhân hình thành định kiến xã hội

2.3. Ảnh hưởng xã hội

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Phân loại
 - 2.3.2.1. Bất chước
 - 2.3.2.2. Lây lan
 - 2.3.2.3. Âm thị
 - 2.3.2.4. Thoả hiệp
 - 2.3.2.5. Đồng nhất hoá
 - 2.3.2.6. A dua

Chương 3: Tâm lý nhóm
10 tiết (LT: 7, BT/TL: 3)

3.1. Khái niệm về nhóm xã hội

- 3.1.1. Định nghĩa
- 3.1.2. Đặc điểm
- 3.1.3. Phân loại
- 3.1.4. Các giai đoạn phát triển của nhóm

- 3.1.5. Truyền thống nhóm
- 3.1.6. Chuẩn mực nhóm
- 3.1.7. Hiện tượng áp lực nhóm
- 3.1.8. Sự nhất trí trong nhóm
- 3.2. Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn**
 - 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn
 - 3.2.2. Đặc điểm tâm lý nhóm lớn
- 3.3. Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ**
 - 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ
 - 3.2.2. Đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ

Chương 4: Các hiện tượng tâm lý xã hội
8 tiết (LT: 6, BT/TL:2)

- 4.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý xã hội**
 - 4.1.1. Khái niệm hiện tượng tâm lý xã hội
 - 4.1.2. Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội
- 4.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản**
 - 4.2.1. Bầu không khí tâm lý
 - 4.2.2. Tâm trạng xã hội
 - 4.2.3. Dự luận xã hội
 - 4.2.4. Sự tương đồng và xung đột

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Khoa Sư phạm Kỹ thuật (2020), Tập bài giảng Tâm lý học xã hội, Đại học SPKT Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển (1998), *Tâm lý học xã hội*, NXB Giáo dục.

8.2.2. Trần Hiệp (1991), *Tâm lý học xã hội (lí luận và ứng dụng)*, NXB Khoa học xã hội.

8.2.3. Bùi Văn Huệ (chủ biên), Vũ Dũng (2003), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2.4. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển (1998), *Tâm lý học quản lí*, NXB Giáo dục.

8.2.5. Vũ Dũng (2009), *Tâm lý học dân tộc*, NXB từ điển Bách khoa, Hà Nội.

8.2.6. Hồ Ngọc Hải, Vũ Dũng (1996), *Các phương pháp của Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Chương 1. Tâm lý học xã hội là một khoa học	3		1			8	12
Chương 2. Các cơ chế tâm lý học xã hội	6	2				16	24
Chương 3. Tâm lý nhóm	7	2	1			20	30

Chương 4: Các hiện tượng tâm lý xã hội	6		2			16	24
Cộng	22	4	4			60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	Chương 1: 1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành của Tâm lý học xã hội 1.1.1. Những tiền đề triết học 1.1.2. Các trường phái tâm lý học xã hội 1.2. Bản chất, đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội 1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 1.3.1. Nguyên tắc nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội	Lý thuyết	3	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 trả lời câu hỏi: Các trường phái tâm lý học xã hội	CLO1; CLO2;
	Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học xã hội	Tự học, tự NC	6	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 Xác định được đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học	
2	Bản chất của tâm lý học xã hội. Liên hệ thực tế.	Thảo luận 1	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận tìm hiểu bản chất của tâm lý học xã hội.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;
	Chương 2: 2.1. Trí giác xã hội 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội 2.2. Định kiến xã hội 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nguyên nhân hình thành định kiến xã hội	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: Các cơ chế tri giác xã hội; Định kiến xã hội.	
	Tri giác xã hội	Tự học, tự NC	6	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu Tri giác xã hội	

3	Chương 2: 2.3. Ảnh hưởng xã hội 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Phân loại 2.3.2.1. Bắt chước 2.3.2.2. Lây lan	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu về cơ chế bắt chước, lây lan.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;
	Ứng dụng cơ chế bắt chước, lây lan vào thực tiễn nghề nghiệp.	Bài tập 1	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và làm bài tập ứng dụng cơ chế bắt chước.	
	Ảnh hưởng xã hội, bắt chước, lây lan.	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu liên quan tìm hiểu ảnh hưởng xã hội, bắt chước, lây lan.	
4	Chương 2: 2.3.2.3. Âm thị 2.3.2.4. Thỏa hiệp 2.3.2.5. Đồng nhất hoá 2.3.2.6. A dua	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: Âm thị, Thỏa hiệp, đồng nhất hóa và a dua.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;
	Vận dụng các cơ chế âm thị, thỏa hiệp, đồng nhất hóa, a dua vào thực tiễn nghề nghiệp.	Bài tập 2	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và làm bài tập về cơ chế bắt chước	
	Lây lan, Âm thị, Thỏa hiệp, Đồng nhất hóa	Tự học, tự NC	6	Đọc các tài liệu liên quan tìm hiểu về Lây lan, Âm thị, Thỏa hiệp, Đồng nhất hóa	
5	Chương 3. 3.1. Khái niệm về nhóm xã hội 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm 3.1.3. Phân loại 3.1.4. Các giai đoạn phát triển của nhóm 3.1.5. Truyền thống nhóm 3.1.6. Chuẩn mực nhóm 3.1.7. Hiện tượng áp lực nhóm	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi về định nghĩa, đặc điểm, phân loại của nhóm xã hội, các giai đoạn phát triển của nhóm, chuẩn mực, áp lực nhóm.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO7; CLO8;
	Áp lực nhóm đối với hiệu quả hoạt động của cá nhân	Thảo luận 2	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận nhóm tìm hiểu áp lực nhóm đối với hiệu quả hoạt động của cá nhân.	
	Nhóm xã hội	Tự học, tự NC	6	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài	

				liệu liên quan để tìm hiểu về Nhóm xã hội	
6	3.1.8. Sự nhất trí trong nhóm 3.2. Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn 3.2.2. Đặc điểm tâm lý nhóm lớn	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO7; CLO8; CLO9
	Vận dụng những đặc điểm tâm lý nhóm lớn để rút ra những bài học cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp.	Bài tập 3	1	Đọc các tài liệu liên quan và làm bài tập theo yêu cầu.	
	Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn	
7	3.3. Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ 3.2.2. Đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ	Lý thuyết	3	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ	CLO1; CLO2; CLO3; CLO10; CLO11; CLO12;
	Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ	
8	Ứng dụng những đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ để rút ra những bài học cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp.	Bài tập 4	1	Tìm và đọc tài liệu liên quan và làm bài tập theo yêu cầu.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO10; CLO11; CLO12;
	Chương 4: 4.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý xã hội 4.1.1. Khái niệm hiện tượng tâm lý xã hội 4.1.2. Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi về hiện tượng tâm lý xã hội và các đặc trưng.	
	Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội	Tự học, tự NC	6	Tìm và đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội.	
9	Chương 4: 4.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản 4.2.1. Bầu không khí tâm lý 4.2.2. Tâm trạng xã hội	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi về Bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội	CLO2; CLO3; CLO4; CLO13; CLO1

	Ảnh hưởng của bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội tới hiệu quả hoạt động của cá nhân. Biện pháp xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh.	Thảo luận 3	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và Thảo luận theo nhóm.	4; CLO1 5;
	Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	Tự học, tự NC	6	Tìm và đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	
10	4.2.3. Dự luận xã hội 4.2.4. Sự tương đồng và xung đột	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi về Dự luận xã hội, sự tương đồng và xung đột.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO1 3; CLO1 4; CLO1 5;
	Phân tích quá trình hình thành dự luận xã hội, sự tương đồng và xung đột. Rút ra các bài học cần thiết.	Thảo luận 4	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và Thảo luận theo nhóm.	
	Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân, nhóm: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm quá trình (bản kế hoạch dạy học theo chủ đề đã chọn), 01 bài tập nhóm và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của GV;

- Thảo luận: nhiệm vụ thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học ý nghĩa, nhiệm vụ, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và việc ứng dụng tri thức của tâm lý học xã hội trong công việc; phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội như: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội đối với sự phát triển bản thân, Giải thích được tâm lý nhóm, phân biệt được các giai đoạn phát triển của nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

		cũng như các hiện tượng áp lực nhóm; phân tích được đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội và các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản như: bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột.	
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, bài tập cá nhân	Phân tích, đánh giá bầu không khí nhóm; hoạch định được phương thức chung để quản lý nhóm hiệu quả; giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể, tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân	CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9; LO10; CLO11; LO12; CLO13;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO14; CLO15

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.2. Chuyên cần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

11.2.3. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kỹ năng phân tích, hoạch định kế hoạch phát triển, phương thức quản lý, chuẩn mực của một nhóm, tạo được mối quan hệ liên nhân cách giữa các thành viên trong nhóm.

- Nội dung: Sinh viên thực hiện hoàn thiện một chuyên đề, nội dung theo yêu cầu của giáo viên về tâm lý xã hội.

- Hình thức đánh giá: Sinh viên nộp bài tập, giảng viên đánh giá bằng phiếu theo rubric đánh giá điểm bài tập.

11.2.4. Kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội; kỹ năng hoạch định được phương thức chung để quản lý nhóm hiệu quả; giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể; từ đó tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để thực hiện phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội; kỹ năng hoạch định được phương thức chung để quản lý nhóm hiệu quả; giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể; từ đó tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

- Hình thức đánh giá: Thực hiện dự án theo nhiệm vụ được phân công. Đánh giá bằng sản phẩm theo rubric đánh giá KTHP.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá	Chuyên cần	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO14; CLO15

<i>quá trình</i>	Bài tập cá nhân	25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8; CLO9
Kết thúc học phần (Dự án)		50	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO10; CLO11; CLO12; CLO13; CLO15

- Rubric của từng thành phần đánh giá trong bảng:

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có đặt/trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

iii) Rubric đánh giá KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	
		<i>Từ 8 - 10</i>	<i>Từ 7 - dưới 8</i>	<i>Từ 5 - dưới 7</i>	<i>Dưới 5</i>	
Hình thức sản phẩm	20	Trình bày khoa học, đẹp, đầy đủ các mục chính	Trình bày khoa học, đầy đủ	Trình bày đầy đủ nhưng còn lộn xộn, còn mắc lỗi	Không đủ các mục chính, quá sơ sài.	

Nội dung sản phẩm	80	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	
-------------------	----	------------------------------------	----------------------------------	---	--	--

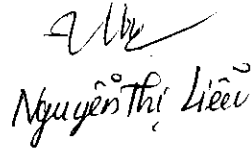
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA



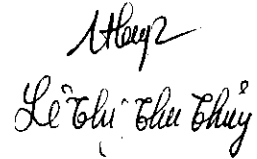
Nguyễn Hữu Hợp

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Liễu

GIẢNG VIÊN



Lê Thị Thu Thủy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 1 (First physical education)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khải
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Trưởng bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0979804078
- Email: Khaibq.utehy@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0987759256
- Email: Vutheanh@utehy.edu.vn

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Vân Chang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986997523
- Email: Changtdutehy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0975425229
- Email: Anhdungutehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986472793
- Email: Dohung17101979@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0982135979
- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0978966696
- Email: Khanhgdte@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Trần Đức Nam
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0947890123; 0868662013
- Email: Namtvutehy@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thương

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985809711; 0868278188
- Email: Thuongnv.utehy@gmail.com

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985133818
- Email: Phamtoanspkt@gmail.com

1.11. Trợ giảng (nếu có):

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: GDTC 1

2.2. Mã số: 921113

2.3. Khối lượng: 1TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học Thời gian	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện			30		15	45

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: GDTC1, đến GDTC2, đến GDTC3
- Học phần song hành: không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên

3. Mô tả học phần

Vị trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện cả về đạo đức; trí tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng thẩm mỹ...

Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoại khóa để đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và tài liệu điện tử.

Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1, Bóng chuyền 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Đá cầu 1.

4. Mục tiêu của học phần: Học phần này trang bị cho người học

4.1. Về kiến thức:

- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...;
- Hiểu, giải thích được được kỹ thuật một số môn thể thao và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT.
- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.

4.2. Về kỹ năng:

- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.

4.3. Về thái độ:

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tính trung thực, ngay thẳng, cứng cố, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTĐT	
Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu	Kiến thức		Test đánh giá các tố chất thể lực (sức nhanh, sức mạnh, sức bền) thông qua các test: Chạy nhanh 30m xuất phát cao; Bật xa tại chỗ; Nằm ngửa gập bụng 30"; Chạy tủy sức 5'	
	Cầu lông	Hiểu giải thích được: Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển; Kỹ thuật đánh cầu thấp tay; Kỹ thuật giao cầu trái tay; Kỹ thuật giao cầu thuận tay		
	Bóng chuyền	Hiểu giải thích được: Tư thế cơ bản, cách di chuyển, làm quen với bóng; Kỹ thuật chuyền bóng cao tay; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay		
	Bóng đá	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật tâng bóng; Kỹ thuật dẫn bóng, khống chế bóng; Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân		
	Bóng rổ	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng; Kỹ thuật chuyền bắt bóng tại chỗ, di động; Kỹ thuật tại chỗ ném rổ		
	Đá cầu	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt; Kỹ thuật tâng cầu, tâng "búng" cầu; Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân		
	Kỹ năng			
	Cầu lông	Thực hiện tốt: Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển; Kỹ thuật đánh cầu thấp tay; Kỹ thuật giao cầu trái tay; Kỹ thuật giao cầu thuận tay		
	Bóng chuyền	Thực hiện tốt: Tư thế cơ bản, cách di chuyển, làm quen với bóng; Kỹ thuật chuyền bóng cao tay; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay		
	Bóng đá	Thực hiện tốt: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật tâng bóng; Kỹ thuật dẫn bóng, khống chế bóng; Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân		
	Bóng rổ	Thực hiện tốt: Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng; Kỹ thuật chuyền bắt bóng tại chỗ, di động; Kỹ thuật tại chỗ ném rổ		
	Đá cầu	Thực hiện tốt: Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt; Kỹ thuật tâng cầu, tâng "búng" cầu; Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân		
	Mức tự chủ và trách nhiệm			
	Cầu lông	Chủ động thực hiện thuần thục kỹ thuật động tác mà không cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài, có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu		Thông qua tập luyện nâng cao các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền
Bóng chuyền				
Bóng đá				
Bóng rổ				
Đá cầu				

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần Giáo dục thể chất 1:

7.1. Cầu lông 1: Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển; Kỹ thuật đánh cầu thấp tay; Kỹ thuật giao cầu trái tay; Kỹ thuật giao cầu thuận tay.

7.2. Bóng chuyền 1: Tư thế cơ bản, cách di chuyển, làm quen với bóng; Kỹ thuật chuyền bóng cao tay; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.

7.3. Bóng đá 1: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật tâng bóng; Kỹ thuật dẫn bóng, không chế bóng; Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.

7.4. Bóng rổ 1: Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng; Kỹ thuật chuyền bắt bóng tại chỗ, di động; Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

7.5. Đá cầu 1: Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt; Kỹ thuật tâng cầu, tâng "búng" cầu; Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc: Bộ môn GDTC&QP, Đề cương bài giảng môn Giáo dục thể chất (Giảng dạy Đại học, Cao đẳng)

8.2. Học liệu tham khảo:

T	T	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Ghi chú
1		Giáo trình đá cầu	Đặng Ngọc Quang	Sư phạm	
2		Giáo trình Giáo dục thể chất (Dành cho hệ dự bị đại học)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cần Thơ	
3		Luật đá cầu	Tổng cục TDTT	Thể Dục thể thao	

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
GDTC1							
Cầu lông 1				30		15	45
Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển;				6		3	
Kỹ thuật đánh cầu thấp tay.				6		3	
Kỹ thuật giao cầu trái tay				6		3	

Kỹ thuật giao cầu thuận tay.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng chày 1				30		15	45
Tư thế cơ bản, cách đi chuyên				6		3	
Kỹ thuật chuyên bóng cao tay				9		4,5	
Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng đá 1				30		15	45
Kỹ thuật di chuyển, tâng bóng.				6		3	
Kỹ thuật dẫn bóng, không chế bóng.				9		4,5	
Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng rổ 1				30		15	45
Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng.				6		3	
Kỹ thuật chuyên bắt bóng.				9		4,5	
Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Đá cầu 1				30		15	45
Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt				6		3	
Kỹ thuật tâng cầu, tâng "búng" cầu				9		4,5	
Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	

9.2. Lịch trình chi tiết

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
------	----------------	---------------------------	-------------	----------------------------	------------

1	- Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển CL.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước;	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Tư thế cơ bản, cách di chuyển trong BC.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện;	
	- Kỹ thuật di chuyển, tăng bóng trong BD.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	
	- Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng trong BR.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt trong ĐC	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
2	- Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển CL.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định;	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Tư thế cơ bản, cách di chuyển trong BC.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước;	
	- Kỹ thuật di chuyển, tăng bóng trong BD.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện;	
	- Kỹ thuật di chuyển, dẫn bóng trong BR.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	
	- Kỹ thuật di chuyển ngang, chéo, tiến, lùi, bước lướt trong ĐC	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
3	- Kỹ thuật đánh cầu thấp tay	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định;	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ
	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước;	
	- Kỹ thuật dẫn bóng, không chế bóng trong BD.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện;	
		- Thực hành	3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyên bắt bóng trong BR. - Kỹ thuật tăng cầu, tăng "búng" cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	rô, đá cầu
4	- Kỹ thuật đánh cầu thấp tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật dẫn bóng, không chế bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật chuyên bắt bóng trong BR.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật tăng cầu, tăng "búng" cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
5	- Kỹ thuật giao cầu trái tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Kỹ thuật chuyên bóng cao tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật dẫn bóng, không chế bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật chuyên bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
	- Kỹ thuật tăng cầu, tăng "búng" cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		
6	- Kỹ thuật giao cầu trái tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; 	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông,
	- Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 		

	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> bóng chuyên, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
7	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật giao cầu thuận tay. - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyên, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
8	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật giao cầu thuận tay. - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình bằng mu bàn chân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyên, bóng đá, bóng rổ, đá cầu

9	Ôn các kỹ thuật cơ bản môn CL, BC, BĐ, BR, ĐC	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật đã học; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
10	Kiểm tra	- Thực hành - Sinh viên tự lựa chọn nội dung đã học để trả bài kiểm tra	3 1,5	- Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn thể thao đã lựa chọn

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các yêu cầu, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học tập rèn luyện, vui chơi giải trí, nâng cao sức khỏe.
- Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
- Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện, học xong phải vệ sinh sân tập, dụng cụ...
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Có chế độ đối đãi cá biệt với những sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh hoặc tai nạn bất thường, ốm đau...

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, còi, thẻ, vợt (nếu dạy cầu lông), hồ sơ giảng dạy.	01	

THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)			
1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, bảng, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm di chuyển	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

12. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
	Trực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Giúp người học hiểu, hình thành biểu tượng vận động nhanh nhất	
	Thị phạm, phân chia hợp nhất; Luyện tập	Giúp người học hình thành chuẩn kỹ năng, định hình cách thực hiện, đạt kỹ năng kỹ xảo theo yêu cầu	
	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy	

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

- **Mục đích:** Đánh giá người học một cách công bằng, khách quan
- **Nội dung:** Sinh viên được tùy chọn kỹ thuật tiêu biểu để trả bài kiểm tra
- **Tiêu chí:** Đánh giá theo bộ đề và đáp án thống nhất thực hiện trong bộ môn
- **Hình thức:** Kiểm tra kết thúc học phần thực hiện vào buổi học cuối cùng tại sân

bãi

12.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá.
- Sinh viên có điểm bài thực hành nào < 5, hoặc nghỉ học quá số buổi quy định sẽ phải học lại (theo quy định của Nhà trường và Quy chế đào tạo hiện hành).
- Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành. Điểm cấp chứng chỉ là trung bình cộng của GDTC1, GDTC2, GDTC3, và điểm Test chuẩn môn học (sức nhanh, sức mạnh, sức bền vận dụng theo Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên).

TT	Hình thức	Trọng số điểm	CDR của HP
----	-----------	---------------	------------

1	Kiểm tra thực hành tại sân	100%	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chày, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
---	----------------------------	------	--

- Rubric của từng bài thực hành trong bảng:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng					Điểm
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Không đạt	
		9-10	8-8,9	7-7,9	5-6,9	Dưới 5	
Đánh giá điểm theo đề thi và đáp án (thang chấm điểm)							

12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Bùi Quang Khải

GIẢNG VIÊN



Vũ Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 2 (Second physical education)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khải
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Trưởng bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0979804078
- Email: Khaibq.utehy@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0987759256
- Email: Vutheanh@utehy.edu.vn

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Vân Chang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986997523
- Email: Changtdutehy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0975425229
- Email: Anhdungutehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986472793
- Email: Dohung17101979@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0982135979
- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0978966696
- Email: Khanhgdte@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Trần Đức Nam
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0947890123; 0868662013
- Email: Namtvutehy@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985809711; 0868278188
- Email: Thuongnv.utehy@gmail.com

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985133818
- Email: Phamtoanspkt@gmail.com

1.11. Trợ giảng (nếu có):

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: GDTC 2

2.2. Mã số: 921114

2.3. Khối lượng: 1TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học Thời gian	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện			30		15	45

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: GDTC1
- Học phần học trước: GDTC1, đến GDTC2, đến GDTC3
- Học phần song hành: không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên

3. Mô tả học phần

Vị trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện cả về đạo đức; trí tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng thẩm mỹ...

Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoại khóa để đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và tài liệu điện tử.

Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1-2-3, Bóng chuyền 1-2-3, Bóng đá 1-2-3, Bóng rổ 1-2-3, Đá cầu 1-2-3.

4. Mục tiêu của học phần: Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4.1. Về kiến thức:

- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...;
- Làm rõ được kỹ thuật một số môn thể thao và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT.
- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.

4.2. Về kỹ năng:

- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.

4.3. Về thái độ:

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tính trung thực, ngay thẳng; củng cố, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT	
Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu	Kiến thức		Test đánh giá các tố chất thể lực (sức nhanh, sức mạnh, sức bền) thông qua các test: Chạy nhanh 30m xuất phát cao; Bật xa tại chỗ; Nằm ngửa gập bụng 30''; Chạy tùy sức 5'	
	Cầu lông	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật phong cầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật chém cầu		
	Bóng chuyền	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật chuyên bóng vào ô quy định; Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định; Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam).		
	Bóng đá	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện.		
	Bóng rổ	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bảng; Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng; Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ		
	Đá cầu	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân; Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một); Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân.		
	Kỹ năng			
	Cầu lông	Thực hiện tốt: Kỹ thuật phong cầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật chém cầu		
	Bóng chuyền	Thực hiện tốt: Kỹ thuật chuyên bóng vào ô quy định; Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định; Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam).		
	Bóng đá	Thực hiện tốt: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện.		
	Bóng rổ	Thực hiện tốt: Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bảng; Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng; Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ		
	Đá cầu	Thực hiện tốt: Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân; Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một); Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm			
	Cầu lông	Chủ động thực hiện thuần thục kỹ thuật động tác mà không cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài, có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu		Thông qua tập luyện nâng cao các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền
Bóng chuyền				
Bóng đá				
Bóng rổ				
Đá cầu				

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần Giáo dục thể chất 2

7.1. Cầu lông 2: Kỹ thuật phong cầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật chém cầu.

7.2. Bóng chuyền 2: Kỹ thuật chuyền bóng vào ô quy định; Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định; Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam).

7.3. Bóng đá 2: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện.

7.4. Bóng rổ 2: Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bảng; Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng; Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ

7.5. Đá cầu 2: Kỹ thuật chuyền cầu bằng mu bàn chân; Kỹ thuật tâng giạt cầu, kỹ thuật tâng cầu (nhịp một); Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc: Bộ môn GDTC&QP; Đề cương bài giảng môn Giáo dục thể chất (Giảng dạy Đại học, Cao đẳng)

8.2. Học liệu tham khảo

T	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Ghi chú
1	Giáo trình cầu lông	Trần Văn Vinh	Sư phạm	
2	Giáo trình bóng chuyền	Đình Văn Lãm	Giáo dục	
3	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	Sư phạm	
4	Giáo trình đá cầu	Đặng Ngọc Quang	Sư phạm	
5	Giáo trình Giáo dục thể chất (Dành cho hệ dự bị đại học)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cần Thơ	
6	Giáo trình bóng bàn	Nguyễn Quang Vinh	Khoa học xã hội	
7	Luật bóng chuyền	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
8	Luật bóng chuyền bãi biển	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
9	Luật bóng đá	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
10	Luật bóng đá (5 người)	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
11	Luật cầu lông	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
12	Luật đá cầu	Tổng cục TDTT	Thể Dục thể thao	

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				

GDTC 2							
Cầu lông 2				30		15	45
Kỹ thuật phong cầu.				6		3	
Kỹ thuật đập cầu.				9		4,5	
Kỹ thuật chém cầu.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra.				6		3	
Bóng chày 2				30		15	45
Kỹ thuật chuyên bóng vào ô quy định.				9		4,5	
Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định.				9		4,5	
Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam).				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng đá 2				30		15	45
Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong.				9		4,5	
Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài.				9		4,5	
Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra.				6		3	
Bóng rổ 2				30		15	45
Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bảng.				6		3	
Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng.				9		4,5	
Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Đá cầu 2				30		15	45
Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân.				6		3	
Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một).				9		4,5	
Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân.				9		4,5	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	

9.2. Lịch trình chi tiết

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	- Kỹ thuật phong cầu (CL).	- Thực hành	3	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định;	Trang bị cho sinh viên kiến
		- Tự học, tự NC, bài tập	1,5		
		- Thực hành	3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyên bóng vào ô quy định (BC). - Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong (BD). - Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bằng (BR). - Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát 	<ul style="list-style-type: none"> thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
2	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật phòng cầu (CL). - Kỹ thuật chuyên bóng vào ô quy định (BC). - Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong (BD). - Kỹ thuật 3 bước lên rổ dựa bằng (BR). - Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu

3	- Kỹ thuật đập cầu (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cã
	- Kỹ thuật chuyền bóng vào ô quy định (BC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong (BD).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng (BR).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một) ĐC	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
4	- Kỹ thuật đập cầu (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định (BC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài (BD).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng (BR).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một) (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
5	- Kỹ thuật đập cầu (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn
	- Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định (BC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
		- Thực hành	3		

	(BD). - Kỹ thuật 3 bước lên rổ không dựa bảng (BR). - Kỹ thuật tăng giạt cầu, kỹ thuật tăng cầu (nhịp một) (ĐC).	- Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	1,5 3 1,5	trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
6	- Kỹ thuật chém cầu (CL). - Kỹ thuật đệm bóng vào ô quy định (BC). - Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài (BD). - Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ (BR). - Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
7	- Kỹ thuật chém cầu (CL). - Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam) BC. - Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện (BD). - Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ (BR). - Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
8	- Kỹ thuật chém cầu (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành	3 1,5 3	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định;	Trang bị cho sinh viên

	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ), cao tay (nam) BC. - Kỹ thuật đá bóng bằng mu mu chính diện (BĐ). - Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rổ (BR). - Kỹ thuật đá tấn công bằng mu bàn chân (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<p>1,5</p> <p>3</p> <p>1,5</p> <p>3</p> <p>1,5</p> <p>3</p> <p>1,5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
9	Ôn các kỹ thuật đã học môn CL, BC, BĐ, BR, ĐC	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<p>3</p> <p>1,5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật đã học; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
10	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Sinh viên tự lựa chọn nội dung đã học để trả bài kiểm tra 	<p>3</p> <p>1,5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả học của sinh viên công bằng, khách quan

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các yêu cầu, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.

- Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học tập rèn luyện, vui chơi giải trí.
- Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
- Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện, học xong phải vệ sinh sân tập, dụng cụ...
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Có chế độ đối đãi cá biệt với những sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh hoặc tai nạn bất thường, ốm đau...

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học TH, thí nghiệm

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
DỤNG CỤ CÁ NHÂN			
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, còi, thẻ, vợt (nếu dạy cầu lông), hồ sơ giảng dạy.	01	
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)			
1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, bảng, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm di chuyển	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

12. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
	Trực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Giúp người học hiểu, hình thành biểu tượng vận động nhanh nhất	
	Thị phạm, phân chia hợp nhất; Luyện tập	Giúp người học hình thành chuẩn kỹ năng, định hình cách thực hiện, đạt kỹ năng kỹ xảo theo yêu cầu	
	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy	

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

- **Mục đích:** Đánh giá người học một cách công bằng, khách quan
- **Nội dung:** Sinh viên được tùy chọn kỹ thuật tiêu biểu để trả bài kiểm tra
- **Tiêu chí:** Đánh giá theo bộ đề và đáp án thống nhất thực hiện trong bộ môn

- **Hình thức:** Kiểm tra kết thúc học phần thực hiện vào buổi học cuối cùng tại sân bãi

12.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá.
- Sinh viên có điểm bài thực hành nào < 5, hoặc nghỉ học quá số buổi quy định sẽ phải học lại (theo quy định của Nhà trường và Quy chế đào tạo hiện hành).
- Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành. Điểm cấp chứng chỉ là trung bình cộng của GDTC1, GDTC2, GDTC3, và điểm Test chuẩn môn học (sức nhanh, sức mạnh, sức bền vận dụng theo Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên).

TT	Hình thức	Trọng số điểm	CĐR của HP
1	Kiểm tra thực hành tại sân	100%	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.

- Rubric của từng bài thực hành trong bảng:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng					Điểm
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Không đạt	
		9-10	8-8,9	7-7,9	5-6,9	Dưới 5	
Đánh giá điểm theo đề thi và đáp án (thang chấm điểm)							

13 Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Bùi Quang Khải

GIẢNG VIÊN



Vũ Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Giáo dục thể chất 3 (Third physical education)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khải
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Trưởng bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0979804078
- Email: Khaibq.utehy@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0987759256
- Email: Vutheanh@utehy.edu.vn

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Vân Chang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986997523
- Email: Changtdutehy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0975425229
- Email: Anhdungutehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0986472793
- Email: Dohung17101979@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0982135979
- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0978966696
- Email: Khanhgdte@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Trần Đức Nam
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0947890123; 0868662013
- Email: Namtvutehy@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thương

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985809711; 0868278188
- Email: Thuongnv.utehy@gmail.com

1.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP
- Tel: 0985133818
- Email: Phamtoanspkt@gmail.com

1.11. Trợ giảng (nếu có):

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: GDTC 3

2.2. Mã số: 921115

2.3. Khối lượng: 1TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Thời gian						
Tiết/Giờ thực hiện			30		15	45

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: GDTC2
- Học phần học trước: GDTC1, đến GDTC2, đến GDTC3
- Học phần song hành: không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành (các ngành học trong trường)

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân Tiên, Khoái Châu, Hưng Yên

3. Mô tả học phần

Vị trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện cả về đạo đức; trí tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng thẩm mỹ...

Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoại khóa để đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và tài liệu điện tử.

Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1-2-3, Bóng chuyền 1-2-3, Bóng đá 1-2-3, Bóng rổ 1-2-3, Đá cầu 1-2-3.

4. Mục tiêu của học phần: Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4.1. Về kiến thức:

- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...;
- Hiểu, giải thích được kỹ thuật một số môn thể thao và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT.
- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.

4.2. Về kỹ năng:

- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.

4.3. Về thái độ:

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tính trung thực, ngay thẳng; củng cố, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyên, bóng đá, bóng rổ, đá cầu	Kiến thức		Test đánh giá các tố chất thể lực (sức nhanh, sức mạnh, sức bền) thông qua các test: Chạy nhanh 30m xuất phát cao; Bật xa tại chỗ; Nằm ngửa gập bụng 30''; Chạy tùy sức 5'
	Cầu lông	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Bóng chuyên	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2; Kỹ thuật chắn bóng; Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật	
	Bóng đá	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật đánh đầu, ném biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật	
	Bóng rổ	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyên bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Đá cầu	Hiểu giải thích được: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Kỹ năng		
	Cầu lông	Thực hiện tốt: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Bóng chuyên	Thực hiện tốt: Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2; Kỹ thuật chắn bóng; Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật	
	Bóng đá	Thực hiện tốt: Kỹ thuật đánh đầu, ném biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật	
	Bóng rổ	Thực hiện tốt: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyên bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Đá cầu	Thực hiện tốt: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Cầu lông	Chủ động thực hiện thuần thực kỹ thuật động tác mà	

	Bóng chuyên	không cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài, có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu	tập luyện nâng cao các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền
	Bóng đá		
	Bóng rổ		
	Đá cầu		

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2= Đóng góp trung bình; 3= Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần Giáo dục thể chất 3

7.1. Cầu lông 3: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

7.2. Bóng chuyên 3: Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2; Kỹ thuật chắn bóng; Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

7.3. Bóng đá 3: Kỹ thuật đánh đầu, ném biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật

7.4. Bóng rổ 3: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyền bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

7.5. Đá cầu 3: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc: Bộ môn GDTC&QP; Đề cương bài giảng môn Giáo dục thể chất (Giảng dạy Đại học, Cao đẳng)

8.2. Học liệu tham khảo

T	T	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Ghi chú
1		Giáo trình cầu lông	Trần Văn Vinh	Sư phạm	
2		Giáo trình bóng chuyên	Đinh Văn Lãm	Giáo dục	
3		Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	Sư phạm	
4		Giáo trình đá cầu	Đặng Ngọc Quang	Sư phạm	
5		Giáo trình Giáo dục thể chất (Dành cho hệ DBĐH)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cần Thơ	
6		Giáo trình bóng bàn	Nguyễn Quang Vinh	Khoa học xã hội	
7		Luật bóng chuyên	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
8		Luật bóng chuyên bãi biển	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
9		Luật bóng đá	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	

10	Luật bóng đá (5 người)	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao
11	Luật cầu lông	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao
12	Luật đá cầu	Tổng cục TDTT	Thể Dục thể thao

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
GDTC 3							
Cầu lông 3				30		15	45
Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đập.				9		4,5	
Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi.				9		4,5	
Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng chày 3				30		15	45
Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2				9		4,5	
Kỹ thuật chặn bóng.				3		1,5	
Chiến thuật tấn công, phòng thủ.				6		4,5	
Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng đá 3				30		15	45
Kỹ thuật đánh đầu, ném biên.				9		4,5	
Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công).				9		4,5	
Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận				6		3	

dụng kỹ chiến thuật.							
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng rổ 3							
Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyển bóng cho đồng đội.				9		4,5	
Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công).				9		4,5	
Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Đá cầu 3				30		15	45
Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công.				9		4,5	
Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu.				9		4,5	
Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	

9.2. Lịch trình chi tiết

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	- Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước;	Trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng cơ bản môn
	- Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2 (BC)	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị	
	- Kỹ thuật đánh đầu, ném biên.		3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyên bóng cho đồng đội. (BR). - Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
2	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy (CL). - Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2 (BC) - Kỹ thuật đánh đầu, ném biên (BĐ). - Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ; Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyên bóng cho đồng đội. (BR). - Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
3	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy (CL). - Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2 (BC) - Kỹ thuật đánh đầu, ném biên (BĐ). - Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ ; Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp giả lên rổ và chuyên bóng cho đồng đội. (BR). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng

	- Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập		hạn chế hư hỏng mắt mắt.	đá, bóng rổ, đá cầu
4	- Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mắt mắt.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Kỹ thuật chắn bóng (BC)	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BC.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BR.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân; Chiến thuật thi đấu (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
		- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập			
5	- Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mắt mắt.	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
	- Chiến thuật tấn công, phòng thủ (BC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BĐ.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BR.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
	- Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân; Chiến thuật thi đấu (ĐC).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5		
		- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập			
6	- Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi (CL).	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định;	Trang bị cho sinh viên kiến
			3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến thuật tấn công, phòng thủ (BC). - Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BĐ. - Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công) BR. - Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân; Chiến thuật thi đấu (ĐC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
7	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật CL. - Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BC. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BĐ. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BR. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật ĐC. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát. 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
8	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật CL. - Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BC. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> 3 1,5 3 1,5 3 1,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, 	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn

	đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BĐ. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BR. - Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật ĐC.	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5 3 1,5	dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
9	Ôn các kỹ thuật đã học môn CL, BC, BĐ, BR, ĐC	- Thực hành - Tự học, tự NC, bài tập	3 1,5	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật đã học; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu
10	Kiểm tra	- Thực hành - Sinh viên tự lựa chọn nội dung đã học để trả bài kiểm tra	3 1,5	- Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mất mát.	Đánh giá kết quả học của sinh viên công bằng, khách quan

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các yêu cầu, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học tập rèn luyện, vui chơi giải trí.
- Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
- Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện, học xong phải vệ sinh sân tập, dụng cụ...
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Có chế độ đối đãi cá biệt với những sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh hoặc tai nạn bất thường, ốm đau...

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
----	-----------------------	----------	---------

DỤNG CỤ CÁ NHÂN			
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, còi, thẻ, vợt (nếu dạy cầu lông), hồ sơ giảng dạy.	01	
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)			
1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, bàn, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm đi chuyên	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

12. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
	Trực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Giúp người học hiểu, hình thành biểu tượng vận động nhanh nhất	
	Thị phạm, phân chia hợp nhất; Luyện tập	Giúp người học hình thành chuẩn kỹ năng, định hình cách thực hiện, đạt kỹ năng kỹ xảo theo yêu cầu	
	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy	

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

- **Mục đích:** Đánh giá người học một cách công bằng, khách quan
- **Nội dung:** Sinh viên được tùy chọn kỹ thuật tiêu biểu để trả bài kiểm tra
- **Tiêu chí:** Đánh giá theo bộ đề và đáp án thống nhất thực hiện trong bộ môn
- **Hình thức:** Kiểm tra kết thúc học phần thực hiện vào buổi học cuối cùng tại sân

bãi

12.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá.
- Sinh viên có điểm bài thực hành nào < 5, hoặc nghỉ học quá số buổi quy định sẽ phải học lại (theo quy định của Nhà trường và Quy chế đào tạo hiện hành).
- Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành. Điểm cấp chứng chỉ là trung bình cộng của GDTC1, GDTC2, GDTC3, và điểm Test chuẩn môn học (sức nhanh, sức mạnh, sức bền vận dụng theo Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên).

TT	Hình thức	Trọng số điểm	CDR của HP
----	-----------	---------------	------------

1	Kiểm tra thực hành tại sân	100%	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
---	----------------------------	------	--

- Rubric của từng bài thực hành trong bảng:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng					Điểm
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Không đạt	
		9-10	8-8,9	7-7,9	5-6,9	Dưới 5	
Đánh giá điểm theo đề thi và đáp án (thang chấm điểm)							

12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Bùi Quang Khải

GIẢNG VIÊN



Vũ Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Giáo dục quốc phòng và An ninh
(National defense & security education)

1. Thông tin về giảng viên.

1.1. Giảng viên 1

- Họ và tên : Lê Đình Thọ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: Thaoledinh81@gmail.com 0983149001

1.2. Giảng viên 2

- Họ và tên : Lưu Ngọc Hoàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: Hoang16286@gmail.com 0986017088

2. Thông tin chung về học phần.

2.1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh

2.2. Mã số: 921300

<i>Hoạt động dạy học</i> Thời gian	<i>Lý thuyết</i>	<i>Thảo luận/ Bài tập</i>	<i>Thực hành/ Thí nghiệm</i>		<i>Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở</i>	<i>Tự học, Tự nghiên cứu</i>	<i>Tổng</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>			
<i>Tiết/Giờ thực hiện</i>	59.0	16.0				116.0	201.0

2.3. Khối lượng: 5 tín chỉ lý thuyết

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học.

2.5. Học phần: Bắt buộc toàn bộ chương trình của môn học được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Giáo dục quốc phòng và An ninh
- Phải có sức khỏe cần thiết, tham gia học tập đúng nội qui, qui định của nhà trường.
- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quyết định số 952/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 18/6/2021 Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học,
- Điều kiện cấp chứng chỉ: Sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và an ninh khi tích lũy đủ 04 học phần (*học phần thực hành III và IV nhà trường liên kết với trung tâm GDQPAN để giảng dạy*) tất cả các điểm đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Bảo đảm đầy đủ về trang thiết bị học tập, sách vở, tài liệu giáo trình học tập

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: - Sinh viên đại học chính quy học học phần I và II.

- Sinh viên đại học liên thông học học phần II

2.8. Địa chỉ bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC-QP

3. Mô tả môn học: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 4 học phần

- Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết một số vấn đề cơ bản của Học thuyết Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, hiểu biết hơn về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

- Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh

Khả năng sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể đạt được: Nắm được những kiến thức cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, phòng chống vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. Đảm bảo an ninh thông tin và các vấn đề an ninh phi truyền Các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Kết thúc học phần này sinh viên có thể;

4.1. Về kiến thức:

CO1: Hiểu biết được Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

CO2: Có kiến thức cơ bản về âm mưu, thủ đoạn của CNDQ và các thế lực phản động trong chiến lược “DBHB”, BLLĐ chống phá CNXH và chống phá Đảng, Nhà nước ta.

CO3: Nhận biết được các mối nguy hại từ các vấn đề an ninh mà hiện nay đang diễn ra và nó trở thành vấn đề cấp bách của xã hội hiện nay; an ninh thông tin, an ninh phi truyền thống, an ninh môi trường, vấn đề xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

CO4: Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

4.2. Kỹ năng

CO5: Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập, biết chấp nhận những quan điểm khác nhau và sẵn sàng kết hợp chia sẻ kiến thức để giúp đỡ người khác đạt được mục tiêu học tập

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>			
CO1	CLO1	Nhận thức được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trung thành vận dụng, phát triển sáng tạo lí luận về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc vào thực tiễn Việt Nam. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân và nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam.	PLO8
CO2	CLO2	Nhận biết được những âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “DBHB” BLLĐ. Các thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, NN ta;	PLO8
CO3	CLO3	Nhận biết được các mối nguy hại từ những vấn đề an ninh hiện nay đang diễn ra và biện pháp khắc phục chúng.	PLO8

CO4	CLO4	Nêu cao được trách nhiệm của công dân với tổ quốc; ra sức học tập, rèn luyện bản thân để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	PLO8
Kỹ năng			
CO5	CLO5	Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO5	Xây dựng được tinh thần đoàn kết, tính kỷ luật, tư thế tác phong của sinh viên trong nhà trường và trong cuộc sống.	PLO37

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

HỌC PHẦN I

**Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
(03 TÍN CHỈ)**

Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học (LT 2 tiết)

I. Đối tượng nghiên cứu.

II. Phương pháp nghiên cứu

III. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng - an ninh

Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. (LT 2 tiết, TL 2 tiết)

I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

II. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

III. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa,

IV. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (LT 4 tiết)

I. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

II. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (LT 4 tiết)

I. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

II. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

III. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. (LT 4 tiết)

I. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

II. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

II. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại (LT 4 tiết)

I. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam

II. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.

III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam hiện nay.

Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam (LT 4 tiết, TL 2 tiết)

I. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.

II. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

III. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.

Bài 8 ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới. (LT 4 tiết)

I. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

III. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.

Bài 9: Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, lực lượng Dự bị động viên, động viên quốc phòng. (LT 4 tiết, TL 2 tiết)

I. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

II. Xây dựng lực lượng Dự bị động viên.

III. Động viên quốc phòng.

Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. (LT 2 tiết, TL 2 tiết)

I. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

II. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

III. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội (LT 3 tiết)

I. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

II. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

III. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.

IV. Đối tác và đối tượng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

V. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

VI. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

**HỌC PHẦN II
Công tác quốc phòng và an ninh
(02 TÍN CHỈ)**

Bài 1: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. (LT 4 tiết)

I. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.

II. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

III. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.

IV. Những giải pháp phòng chống chiến lược “DBHB” BLLD ở Việt Nam hiện nay.

Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. (LT 4 tiết, TL 2 tiết)

I. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.

II. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.

III. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (LT 4 tiết)

I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. Nhận thức chung về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông (LT 4

tiết)

I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

II. Nhận thức chung về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. (LT 2 tiết, TL 2 tiết)

I. Nhận thức chung về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

II. Nhận thức về công tác phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. (LT 2 tiết, TL 2 tiết)

I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay

II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng

III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.

Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam (LT 2 tiết, TL 2 tiết)

I. Quan niệm và đặc điểm về an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

II. Tội phạm an ninh phi truyền thống và Đấu tranh phòng, chống một số loại tội phạm phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay

8. Học liệu.

8.1. Học liệu bắt buộc:

8.1.1. Nhóm tác giả: Nguyễn Mạnh Hương, Lưu Ngọc Khải, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Hoàng Minh..., Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập I, dùng cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học - NXBGD – 2008.

8.1.2. Nhóm tác giả: Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng..., Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập II, dùng cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học - NXBGD – 2008

8.1.3. Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên GDQPAN Bộ GD&ĐT - 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

8.2. Học liệu tham khảo:

8.2.1. Tác giả: Phạm văn Trường, Nguyễn Quang Dũng - Giáo trình: Một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia. NXB QĐND- 2007

8.2.2. Phòng báo đảm hàng hải, Phòng Quân sự địa phương - Bộ Tham mưu Hải quân - Tài liệu một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. NXB QĐND- 2008.

8.2.3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tạp chí lý luận chính trị ngày 25 tháng 8 năm 2018.

8.2.4. Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam - Tạp chí cộng sản ngày 7/11/2017

9. Hình Thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập xuyên g hoặc cơ sở	Tự học, Tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (03 tín chỉ lý thuyết)							
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học	2					4.0	6.0
Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.	2		2			5.0	9.0
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh	4					8.0	12.0
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.	4					8.0	12.0
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	4					8.0	12.0
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					8.0	12.0
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4		2			9.0	15.0
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					8.0	12.0
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự	4		2			9.0	15.0

bị động viên và động viên quốc phòng							
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2		2			5.0	9.0
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3					6.0	9.0
Số tiết	37		8			74	119

Học phần II. Công tác quốc phòng và an ninh: (02 tín chỉ lý thuyết)

Bài 1: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực chống phá cách mạng Việt Nam.	4					8.0	12.0
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4		2			9.0	15.0
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					8.0	12.0
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					8.0	12.0
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2		2			5.0	9.0
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2		2			5.0	9.0
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2		2			5.0	9.0
Số tiết	22		8			44	74

9.2. Lịch trình chi tiết.

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
Học phần I:					
Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam: (03 tín chỉ lý thuyết)					

1	Bài 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học I. Đối tượng nghiên cứu môn học II. Phương pháp nghiên cứu III. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Lý thuyết	2	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 12-29, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Phương pháp nghiên cứu của môn học GDQP-AN	Tự học, tự NC	4.0	Thảo luận các phương pháp nghiên cứu môn học.	
1-2	Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc XHCN I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. II. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. III. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, IV. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Lý thuyết	2	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu Tr 4- 11 Giáo trình GDQP T1 tại thư viện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Thảo luận	2	Nghiên cứu tài liệu trên các trang báo chính thống.	
	Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc XHCN	Tự học, tự NC	5.0	Nghiên cứu Tr 4- 11 Giáo trình GDQP T1 tại thư viện: Trả lời câu hỏi: Khái niệm về chiến tranh và quân đội.	
2	Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh I. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. II. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. III. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn	Lý thuyết	4	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu tài liệu tại thư viện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	dân, an ninh nhân dân hiện nay.				
	Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.	Tự học, tự NC	8.0	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 29-37, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	
3	Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. I. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. II. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. III. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.	Lý thuyết	4	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 39-44, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi theo nhóm, tổng hợp giải đáp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.	Tự học, tự NC	8.0	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 39-44, các tài liệu về chiến tranh ở VN. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	
3-4	Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. I. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân II. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới III. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	Lý thuyết	4	- Xem lại bài đã học - Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 45-53, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	Tự học, tự NC	8.0	- Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1. Tr 45-53 tại thư viện	
4-5	Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại I. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam	Lý thuyết	4	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 53- 73, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi theo nhóm, tổng hợp giải đáp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>II. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.</p> <p>III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.</p>				
	Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.	Tự học, tự NC	8.0	Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 53- 73. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	
5-6	<p>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam</p> <p>I. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.</p> <p>II. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.</p> <p>III. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.</p>	Lý thuyết	4	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 74- 94, dụng cụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nghệ thuật quân sự VN được sử dụng như thế nào trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ	Thảo luận	2	Tham khảo nguồn thông tin trên các trang báo chính thống	
	Những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.	Tự học, tự NC	9.0	Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 74- 94, dụng cụ học tập. Chuẩn bị các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	
6-7	<p>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới trong tình hình mới.</p> <p>I. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.</p> <p>II. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.</p> <p>III. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.</p>	Lý thuyết	4	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 130-141. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp</p> <p>- Tài liệu tập huấn năm 2018.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ	Tự học, tự NC	8.0	<p>- Xem lại bài đã học</p> <p>- Tìm hiểu các tài liệu liên quan.</p>	

	chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia				
7-8	Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng I. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ. II. Xây dựng lực lượng Dự bị động viên. III. Động viên công nghiệp quốc phòng.	Lý thuyết	4	Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 116 - 129. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nhiệm vụ, chức năng của lực lượng DQTV trong thời kỳ mới.	Thảo luận	2	Nghiên cứu thông tin trên các trang báo chính thống	
	Nội dung xây dựng lực lượng DQTV, DBĐV...	Tự học, tự NC	9.0	Đọc trước Giáo trình GDQP T1, tìm hiểu thêm các tài liệu có liên quan	
8-9	Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc I Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. II Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc III. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Lý thuyết	2	- Nghiên cứu Giáo trình GDQP Tr 181- 204 tại thư viện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Tìm hiểu về các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở địa phương mình đang sống.	Thảo luận	2	Các cá nhân tìm hiểu và thảo luận nhóm.	
	Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Tự học, tự NC	5.0	- Xem lại bài đã học đối chiếu thực tế tại địa phương	
9	Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. I. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. II. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.	Lý thuyết	3	- Nghiên cứu trả lời các câu hỏi , giải đáp tổng hợp những vấn đề cần làm rõ. - Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1 Tr158-180 tại thư viện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>III. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.</p> <p>IV. Đối tác và đối tượng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p> <p>V. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.</p> <p>VI. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội</p>				
	Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội	Tự học, tự NC	6.0	- Xem lại bài đã học đối chiếu thực tế tại địa phương	
Học phần II.					
Công tác quốc phòng và an ninh: (02 tín chỉ lý thuyết)					
10	<p>Bài 1: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>I. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>II. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>III. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.</p> <p>IV. Những giải pháp phòng chống chiến lược “DBHB” BLLĐ ở Việt Nam hiện nay.</p>	Lý thuyết	4	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 94 - 104, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp Nghiên cứu trả lời các câu hỏi áp dụng thực tế xã hội. Giải đáp tổng hợp các ý kiến đã trả lời.	CLO1,C LO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Xem lại bài đã học, đối chiếu liên hệ với thực tế	Tự học, tự NC	8.0	Nghiên cứu giáo trình tại thư viện trường	

10-11	Bài 2: Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam I. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. II. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo. III. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.	Lý thuyết	4	- Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1 Tr 142- 157 tại thư viện - Nghiên cứu trả lời các câu hỏi, giải đáp tổng hợp những vấn đề cần làm rõ. - Tài liệu tập huấn năm 2018	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Tìm hiểu một số vụ việc lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá Đảng, NN ta	Thảo luận	2	Nguồn thông tin trên các phương tiện báo, đài...	
	Các biện pháp đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.	Tự học, tự NC	9.0	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu các tài liệu liên quan	
12	Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường II. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Lý thuyết	4	Tài liệu tập huấn 2020	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Các biện pháp bảo vệ môi trường và đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Tự học, tự NC	8.0	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu các tài liệu liên quan	
12-13	Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. II. Nhận thức chung về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.	Lý thuyết	4	Tài liệu tập huấn năm 2020	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Các biện pháp về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.	Tự học, tự NC	8.0	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu các tài liệu liên quan	

13-14	Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. I. Nhận thức chung về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác. III. Nhận thức về công tác phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.	Lý thuyết	2	Tài liệu tập huấn năm 2020	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Một số hành động xâm phạm danh dự nhân phẩm của người khác trên mạng xã hội	Thảo luận	2	Thu thập thông tin trên các trang mạng xã hội.	
	Các biện pháp phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.	Tự học, tự NC	5.0	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu các tài liệu liên quan	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
14-15	Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm	Lý thuyết	2	Tài liệu tập huấn 2020	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin trên không gian mạng	Thảo luận	2	Nghiên cứu tài liệu cung cấp, nguồn tài liệu trên các trang mạng chính thống	
	Tìm hiểu về thông tin trên không gian mạng	Tự học, tự NC	5.0	- Nghiên cứu đề cương bài học, tham khảo tài liệu liên quan	

15	Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. I. Quan niệm và đặc điểm về an ninh phi truyền thống ở Việt Nam II. Tội phạm an ninh phi truyền thống và Đấu tranh phòng, chống một số loại tội phạm phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay	Lý thuyết	2	- Tài liệu liên quan tập huấn 2019	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Các loại hình an ninh phi truyền thống hiện nay	Thảo luận	2	Tham khảo tài liệu liên quan	
	Trách nhiệm của sinh viên trong việc đấu tranh chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Tự học, tự NC	5.0	- Nhận xét, so sánh với tình hình địa phương đang sinh sống.	

10. Quy định của học phần đối với người học.

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
- Hình thức thi và đánh giá kết quả môn học được công khai ngay từ khi bắt đầu môn học.

11. Phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	- Trang bị cho sinh viên hiểu biết một số vấn đề cơ bản của Học thuyết Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, hiểu biết hơn về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và	PLO1, PLO2

		<p>nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, phòng chống vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. Đảm bảo an ninh thông tin và các vấn đề an ninh phi truyền Các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta. 	
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề giáo viên đưa ra.	PLO1, PLO2
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	PLO1, PLO2

11.2. Mục đích, nội dung tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Đối với học phần lý thuyết.

* Điểm chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá thái độ học tập của sinh viên đối với môn học.
- Nội dung: Căn cứ vào số buổi sinh viên tham gia học tập và ý thức phát biểu xây dựng bài học, khả năng phối hợp, giúp đỡ bạn trong giờ học...

- Tiêu chí đánh giá:

- + Đi học đầy đủ các buổi học
- + Tinh thần phát biểu ý kiến xây dựng bài học.
- Hình thức đánh giá: Đánh giá số buổi nghỉ học và ý thức tham gia học tập.
- Thời gian: Đánh giá vào cuối học phần.

* Điểm kiểm tra thường xuyên

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá nhận thức của sinh viên đối với bài học
- Nội dung: Sinh viên thực hiện trả lời cho các câu hỏi mà giáo viên đưa ra
- Tiêu chí đánh giá:

- + Trả lời đúng, đầy đủ các câu hỏi của bài học
- + Thể hiện tính sự hiểu biết về nội dung câu hỏi và bài học.
- Hình thức đánh giá: Chấm kết quả trả lời câu hỏi của sinh viên
- Thời gian: Kiểm tra vào đầu giờ học hoặc trong giờ học.

* Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá nhận thức của của sinh viên đối với học phần đã học.
- Nội dung: Câu hỏi thi trắc nghiệm nằm trong nội dung của học phần I và II và thời gian thi 60 phút.
- Hình thức đánh giá: Sinh viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào phiếu trả lời theo quy định.

- Thi KTHP: theo lịch của phòng đào tạo

10.3. Cách thức đánh giá điểm: Thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn số 189/ HD- ĐHSP Kỹ thuật Hưng Yên ngày 23 tháng 4 năm 2009 về việc chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

Cụ thể như sau:

- Đối với học phần I và II sinh viên đủ điều kiện thi kết thúc kết thúc học phần khi đạt được những điều kiện sau: tham gia học tập trên lớp đạt 80% trở lên, điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên phải đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

	<i>Đánh giá thi viết học phần I, II</i>		
Các hình thức đánh giá	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc học phần
Trọng số (%)	20	20	60
Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1, PLO2	PLO1, PLO2	PLO1, PLO2

13. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN GDTC-QP

(Kí, ghi rõ họ tên)



Bùi Quang Khải

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)



Lưu Ngọc Hoàn

GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)



Lê Đình Thọ

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Thực hành Giáo dục quốc phòng và An ninh
(Practice National defense & security education)

1. Thông tin về giảng viên.

1.1. Giảng viên 1

- Họ và tên : Lê Đình Thọ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email, điện thoại cơ quan: Thaoledinh81@gmail.com 0983149001

1.2. Giảng viên 2

- Họ và tên : Lưu Ngọc Hoàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email, điện thoại cơ quan: Hoang16286@gmail.com 0986017088

2. Thông tin chung về học phần.

2.1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh

2.2. Mã số: 921300

2.3. Khối lượng: 3 tín chỉ thực hành.

Hoạt động dạy học Thời gian	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm		Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, Tự nghiên cứu	Tổng
			Lý thuyết	Thực hành			
Tiết/Giờ thực hiện			18	72		66	156

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học
2.5. Học phần: Bắt buộc toàn bộ chương trình của môn học được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Thực hành Giáo dục quốc phòng và An ninh Phải có sức khỏe cần thiết, tham gia học tập đúng nội qui, qui định của nhà trường.
- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quyết định số 952/QĐ-ĐHSPT ngày 18/6/2021 Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐ ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học,
- Điều kiện cấp chứng chỉ: Sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và an ninh khi tích lũy đủ 04 học phần (học phần thực hành III và IV nhà trường liên kết với trung tâm GDQPAN để giảng dạy) tất cả các điểm đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Bảo đảm đầy đủ về trang thiết bị học tập, sách vở, tài liệu giáo trình học tập

- Học phần học trước: HP1 và HP2

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: - Sinh viên đại học chính quy học học phần III và IV.

- Sinh viên đại học liên thông học học phần IV

2.8. Địa chỉ phụ trách học phần: Trung tâm GDQP&AN trường Quân sự Quân khu

3. Mô tả môn học: Môn học Thực hành Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 2 học phần

Học phần III: Quân sự chung.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Khả năng sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể đạt được: Thực hiện được nền nếp tác phong, chế độ sinh hoạt của người chiến sỹ quân đội nhân dân Việt nam và những kỹ năng quân sự cần thiết góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh.

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Điều kiện tiên quyết: Đã học học phần III

- Khả năng sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể đạt được: Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Kết thúc học phần này sinh viên có thể;

4.1. Về kiến thức:

CO1: Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

4.2. Kỹ năng

CO2: Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam;

CO3: Có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

CO4: Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

4.3. Về thái độ:

CO5: Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Thực hiện được nền nếp tác phong, chế độ sinh hoạt của người chiến sỹ quân đội nhân dân Việt nam và những kỹ năng quân sự cần thiết góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh.	PLO3, PLO4
		Kỹ năng	
CO2	CLO2	Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam;	PLO3, PLO4

CO3	CLO3	Hiểu biết về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	PLO3, PLO4
CO4	CLO4	Biết thực hiện một số kỹ năng chiến thuật trong chiến đấu, sử dụng được súng và lựu đạn	PLO3, PLO4
Về thái độ			
CO5	CLO5	Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	PLO3, PLO4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO6	Hình thành được những kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ, xây dựng được tinh thần đoàn kết, tính kỷ luật, tư thế tác phong của sinh viên trong nhà trường và trong cuộc sống.	PLO3, PLO4

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
711135	Tâm lý học xã hội	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		3	0	2	0	0	0	0	0	0	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	2	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

HỌC PHẦN III Quân sự chung (01 TÍN CHỈ)

Bài 1: An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. (LT 2 tiết)

- I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay
- II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng
- III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng
- IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.

Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại (LT 2 tiết)

- I. Chế độ sinh hoạt trong ngày của chiến sĩ Quân đội NDVN
- II. Cách bố trí nền nếp phòng ở, nơi học tập, thao trường..

Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội (LT 4 tiết)

- I. Quân chủng Hải quân
- II. Quân chủng Lục quân
- III. Quân chủng Phòng không - Không quân

Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng (TH 4 tiết)

- I. Động tác mang súng, xuống súng
- II. Đeo súng, xuống súng
- III. Treo súng, xuống súng

Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị (TH 4 tiết)

- I. Đội hình tiểu đội.

- II. Đội hình trung đội.
- III. Đổi hướng đội hình.

Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự (LT 2 tiết, TH 2 tiết)

- I. Bản đồ.
- II. Sử dụng bản đồ.

Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao (LT 2 tiết, TH 2 tiết)

- I. Khái niệm, đặc điểm thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.
- II. Thực hành một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp (LT 2 tiết, TH 4 tiết)

- I. Điều lệ.
- II. Quy tắc thi đấu

HỌC PHẦN IV

Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 TÍN CHỈ)

Bài 1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. (LT 2 tiết, TH 22 tiết)

- I. Ngắm bắn.
- II. Ngắm trúng và chụm.
- III. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK.
- IV. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK

Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng.

Ném lựu đạn bài 1 (LT 2 tiết – TH 6 tiết)

- 1. Lựu đạn cầu Việt Nam
- 2. Lựu đạn cầu 97 Việt Nam
- 3. Quy tắc sử dụng và giữ gìn lựu đạn.
- 4. Thực hành ném lựu đạn bài 1.

Bài 3: Tùng người trong chiến đấu tiên công (TH 16 tiết)

- I. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.
- II. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.
- III. Thực hành chiến đấu.
- IV. Hành động sau khi chiếm được mục tiêu.

Bài 4: Tùng người trong chiến đấu phòng ngự (TH 8 tiết)

- I. Đặc điểm tiến công của địch
- II. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.
- III. Hành động của chiến sĩ khi nhận nhiệm vụ.
- IV. Hành động của từng người thực hành chiến đấu

Bài 5: Tùng người làm nhiệm vụ canh gác (cánh giới) (TH 4 tiết)

- I. Quy định chung
- II. Phân công, tổ chức lực lượng canh phòng
- III. Trang bị vũ khí và những trường hợp được sử dụng vũ khí

8. Học liệu.

8.1. Học liệu bắt buộc:

8.1.1. Nhóm tác giả: Nguyễn Mạnh Hường, Lưu Ngọc Khải, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Hoàng Minh..., Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập I, dùng cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học - NXBGD – 2008.

8.1.2. Nhóm tác giả: Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng..., Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập II, dùng cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học - NXBGD – 2008

8.1.3. Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên GDQPAN Bộ GD&ĐT - 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

8.2. Học liệu tham khảo:

8.2.1. Tác giả: Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng - Giáo trình: Một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia. NXB QĐND- 2007

8.2.2. Phòng bảo đảm hàng hải, Phòng Quân sự địa phương - Bộ Tham mưu Hải quân - Tài liệu một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. NXB QĐND- 2008.

8.2.3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tạp chí lý luận chính trị ngày 25 tháng 8 năm 2018.

8.2.4. Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam - Tạp chí cộng sản ngày 7/11/2017

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/ Thí nghiệm	Thực tập xuyên g hoặc cơ sở	Tự học, Tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Học phần III: Quân sự chung (01 tín chỉ thực hành)							
Bài 1: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2					4.0	6.0
Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2					4.0	6.0
Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4					8.0	12.0
Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng				4		2.0	6.0
Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị				4		2.0	6.0
Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	2			2		5.0	9.0
Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	2			2		5.0	9.0
Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp	2			4		6.0	12.0
Số tiết	14			16		36.0	66.0
Học phần IV Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ thực hành)							
Bài 1: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2			22		15.0	37.0

Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	2			6		7.0	15.0
Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công				16		8.0	24.0
Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự				8		4.0	12.0
Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)				4		2.0	6.0
Số tiết	4			56		36.0	96.0
Tổng số tiết	77.0		16	72.0		190.0	355.0

9.2. Lịch trình chi tiết.

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
Học phần III: Quân sự chung (01 tín chỉ thực hành)					
Căn cứ vào thời gian cụ thể tại TT	Bài 1: An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.	Lý thuyết	2	Tài liệu tập huấn năm 2020 Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Tìm hiểu về thông tin trên không gian mạng	Tự học, tự NC	4.0	- Nghiên cứu đề cương bài học, tham khảo tài liệu liên quan	
	Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. I. Chế độ sinh hoạt trong ngày của chiến sĩ Quân đội NDVN II. Cách bố trí nền nếp phòng ở, nơi học tập, thao trường..	Lý thuyết	2	Tài liệu tập huấn năm 2020 Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nghiên cứu nội dung các chế độ sinh hoạt trong ngày của người chiến sĩ QĐNDVN.	Tự học, tự NC	4.0	- Nghiên cứu đề cương bài học, tham khảo tài liệu liên quan	

	Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội I. Quân chủng Hải quân II. Quân chủng Lục quân III. Quân chủng Phòng không - Không quân	Lý thuyết	4	Tài liệu tập huấn năm 2020 Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Cơ cấu tổ chức các quân binh chủng QĐNDVN	Tự học, tự NC	8.0	- Nghiên cứu đề cương bài học, tham khảo tài liệu liên quan	
	Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng I. Động tác mang súng, xuống súng II. Đeo súng, xuống súng III. Treo súng, xuống súng	Thực hành	4	Tài liệu tập huấn năm 2020 Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nghiên cứu nội dung động tác mang, đeo, treo, xuống súng	Tự học, tự NC	2.0	- Nghiên cứu đề cương bài học, tham khảo tài liệu liên quan	
	Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị I. Đội hình tiểu đội. II. Đội hình trung đội. III. Đối hướng đội hình.	Thực hành	4	- Đọc trước đề cương bài giảng - Trang phục học thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Luyện tập các động tác đội ngũ cá nhân.	Tự học, tự NC	2.0	- Đọc trước đề cương bài giảng Tự tập luyện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Bài 6. Sử dụng bản đồ địa hình quân sự. I. Bản đồ. II. Sử dụng bản đồ.	Lý thuyết Thực hành	2 2	- Đọc Giáo trình GDQP T2 Tr 22-43. - Thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nghiên cứu về cách thức sử dụng bản đồ quân sự	Tự học, tự NC	5.0	- Đọc trước Giáo trình GDQP T2 Tr 22- 43 - Bản đồ quân sự - Chuẩn bị thước chỉ huy, bút chì.	
	Bài 7: Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao I. Khái niệm, đặc điểm thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.	Lý thuyết Thực hành	2 2	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 105 - 115, Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp. - Thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	II. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.				
	Nghiên cứu các biện pháp phòng tránh	Tự học, tự NC	5.0	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 105 - 115,	
	Bài 8. Ba môn quân sự phối hợp I. Điều lệ. II. Quy tắc thi đấu	Lý thuyết Thực hành	2 4	- Đọc trước giáo trình GDQP-AN 2 tr 165-177 - Rèn luyện thể lực và các kỹ năng cần thiết khác phục vụ cho học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Điều lệ thi đấu của ba môn quân sự phối hợp	Tự học, tự NC	6.0	- Tìm hiểu các tài liệu liên quan - Rèn luyện thể lực và các kỹ năng cần thiết khác phục vụ cho học tập	
Học phần IV Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ thực hành)					
	Bài 25. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK I. Ngắm bắn. II. Ngắm trúng và chụm. III. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK. IV. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.	Lý thuyết	2	- Súng, bia, máy bắn tập TB95, bảo quản và vệ sinh dụng cụ, sân bãi, bảo đảm an toàn. - Súng, bia, máy bắn tập TB95, bảo quản và vệ sinh dụng cụ, sân bãi, bảo đảm an toàn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	- Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK. - Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.	Thực hành	22		
	Đọc tìm hiểu đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng	Tự học, tự NC	15	Nghiên cứu trước giáo trình GDQP-AN 2 tr 199-217	
13	Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	Lý thuyết	2.0	- Tài liệu tập huấn - Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

1. Lựu đạn cầu Việt Nam 2. Lựu đạn cần 97 Việt Nam 3. Quy tắc sử dụng và giữ gìn lựu đạn. 4. Thực hành ném lựu đạn bài 1.				CLO5, CLO6
- Quy tắc sử dụng và giữ gìn lựu đạn. - Thực hành ném lựu đạn bài 1.	Thực hành	6.0	- Bia, cờ, sân bãi, lựu đạn Việt Nam	
Nghiên cứu lý thuyết cấu tạo các loại lựu đạn	Tự học, tự NC	7.0	- Tìm hiểu các tài liệu liên quan - Rèn luyện thể lực và các kỹ năng cần thiết khác phục vụ cho học tập	
Bài 3. Từng người trong chiến đấu tiến công I. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật. II. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. III. Thực Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.hành chiến đấu. IV Hành động sau khi chiếm được mục tiêu.	Thực hành	16	- Nghiên cứu Giáo trình GDQP T2 Tr 178 – 189	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.	Tự học, tự NC	8.0	- Nghiên cứu tài liệu liên qua.	
Bài 23. Từng người trong chiến đấu phòng ngự I. Đặc điểm tiến công của địch II. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật. III. Hành động của chiến sĩ khi nhận nhiệm vụ. IV. Hành động của từng người thực hành chiến đấu	Thực hành	8	- Đọc trước Giáo trình GDQP T2 Tr 190-198	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.	Tự học, tự NC	4.0	- Đọc trước Giáo trình GDQP T2 Tr 190-198 - Tìm hiểu tài liệu liên quan	
Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cánh giới)	Thực hành	4	- Tài liệu tập huấn	CLO1,

	I. Quy định chung II. Phân công, tổ chức lực lượng canh phòng III. Trang bị vũ khí và những trường hợp được sử dụng vũ khí			- Đề cương bài giảng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nghiên cứu các nội dung liên quan đến bài học	Tự học, tự NC	2.0	- Tài liệu liên quan	

10. Quy định của học phần đối với người học.

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

- Đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí trang thiết bị.

- Hình thức thi và đánh giá kết quả môn học được công khai ngay từ khi bắt đầu môn học.

9. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
DỤNG CỤ CÁ NHÂN			
1	Trang phục mùa đông GV	1	
2	Trang phục mùa hè GV	1	
3	Trang phục HSSV	1	
4	Mũ kêpi	1	
5	Mũ cứng	1	
6	Mũ mềm	1	
7	Thắt lưng	1	
8	Giày da	1	
9	Giày vải	1	
10	Tất sợi	1	
11	Sao mũ kêpi	1	
12	Sao mũ cứng	1	
13	Sao mũ mềm	1	
14	Nền cấp hiệu	1	
15	Nền phù hiệu	1	
16	Biên tên	1	
17	Ca vát	1	
18	Dây lưng SQ	1	
19	Đĩa hình huấn luyện	1	
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)			
1	Mô hình súng diệt tăng B40 cắt bỏ (kèm mô hình đạn B40 cắt bỏ)	5	
2	Mô hình súng diệt tăng B41 cắt bỏ (kèm mô hình đạn B41 cắt bỏ)	5	
3	Mô hình súng tiêu liên K54 luyện tập	10	
4	Mô hình lựu đạn Φ 1 luyện tập (composite)	20	
5	Mô hình lựu đạn Φ 1 luyện tập (gang)	20	

6	MH súng tiêu liên AK 47 cắt bỏ	5	
7	MH súng trường CKC cắt bỏ	5	
8	Mô hình lựu đạn $\Phi 1$ cắt bỏ	5	
9	Mô hình súng K54 (composite)	30	
10	Mô hình súng bắn tập lazer AK	2	
11	Đạn K54 luyện tập	20	
12	Mô hình đường đạn trong không khí	2	
13	Máy bắn tập	3	
14	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	2	
15	Giá đặt bia (bộ bia)	5	
16	Kính kiểm tra	10	
17	Ống nhôm	2	
18	Địa bàn	2	
19	Đồng tiền di động	2	
20	Bao đạn, túi đựng đạn	20	
21	Hộp dụng cụ KTBB	4	

11. Phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	- Giúp SV hiểu rõ hơn về nguyên lý kỹ thuật và cách thức sử dụng vũ khí, vật liệu nổ.	PLO3, PLO4
Thực hành	Làm mẫu, phân tích, đàm thoại	- Giúp SV hiểu rõ hơn về các kỹ năng động tác thực hành, kỹ năng vận động, phối hợp nhóm.	PLO3, PLO4
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề giáo viên đưa ra.	PLO3, PLO4
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	PLO3, PLO4

11.2. Mục đích, nội dung tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Đối với điểm thực hành (học phần III và IV)

- Mục đích: Đánh giá mức độ tiếp thu, tập luyện thuần thục thao tác kỹ thuật quân sự cần thiết.

- Nội dung: Kỹ thuật bắn súng, kỹ thuật sử dụng lựu đạn, Điều lệnh đội ngũ đơn vị...

- Hình thức: Kiểm tra động tác thực hành.

10.3. Cách thức đánh giá điểm: Thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn số 189/HD-ĐHSP Kỹ thuật Hưng Yên ngày 23 tháng 4 năm 2009 về việc chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

Cụ thể như sau:

- Đối với học phần thực hành: Điểm các bài kiểm tra thực hành đạt 5.0 điểm trở lên thì mới đạt yêu cầu tổng kết học phần, nếu 1 trong 3 điểm không đạt 5.0 điểm thì phải học lại cả học phần.

- Đủ điều kiện tổng kết môn học và cấp chứng chỉ khi điểm thi kết thúc học phần lý thuyết và các điểm kiểm tra thực hành, thi chuẩn kiến thức môn học đạt 5.0 điểm trở lên. Nếu học phần nào không đạt yêu cầu thì phải học lại ở học phần đó.

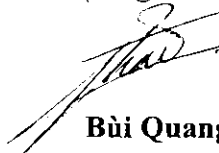
Trọng số các điểm thành phần như sau:

	<i>Đánh giá thi viết học phần III, IV</i>		
Các hình thức đánh giá	Điểm thực hành 1	Điểm thực hành 2	Điểm thực hành 3
Trọng số (%)	100/3	100/3	100/3
Chuẩn đầu ra của học phần	PLO3, PLO4	PLO3, PLO4	PLO3, PLO4

12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN GDTC-QP

(Kí, ghi rõ họ tên)



Bùi Quang Khải

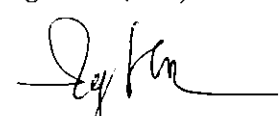
GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)



GIẢNG VIÊN

(Kí, ghi rõ họ tên)



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Cơ sở văn hóa Việt Nam
(Vietnamese Culture)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Mai Thị Phương Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: quynh@gmail.com.

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: bichvan.utehy@gmail.com

1.3. Trợ giảng (nếu có):

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Cơ sở Văn hóa Việt nam

2.2. Mã số:151901

2.3. Khối lượng: 2TC (2lý thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Thời gian \ HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC	Tổng
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: Kỹ năng Nghe 1, kỹ năng Nói 1, kỹ năng Đọc 1, kỹ năng Viết

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lý thuyết tiếng- Khoa Ngoại ngữ- Tầng 2 giảng đường 5 tầng- cơ sở Phố Nội

3. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên sáu vấn đề cơ bản gồm: văn hóa và hệ thống văn hóa; văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội; các vùng văn hóa ở Việt Nam. Học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên có một cái nhìn toàn diện về văn hóa, hệ thống văn hóa; các thành tố văn hóa Việt Nam, kiến thức chung nhất về văn hóa; đánh giá đúng một hiện tượng, một giá trị văn hóa, phân loại di sản văn hóa; một bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa nước ngoài.

4. Mục tiêu của học phần (Course Objective, viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1. Nhận diện kiến thức chung về văn hóa và hệ thống văn hóa: đặc trưng, chức năng của văn hóa, loại hình văn hóa, tiến trình văn hóa Việt Nam: thời tiền sử và sơ sử, thiên niên kỷ đầu công nguyên, thời tự chủ, thời Pháp thuộc...

CO2. Hiểu biết về văn hóa: văn hóa nhận thức về vũ trụ: triết lý âm dương, mô hình tam tài- ngũ hành; văn hóa nhận thức về con người: con người tự nhiên, con người xã hội.

CO3. Nhận biết văn hóa tổ chức đời sống tập thể: tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia, tổ chức đô thị. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân: tín ngưỡng, phong tục, văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật thanh sắc và hình khối

CO4. Làm rõ văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: ăn, mặc, ở và đi lại... và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo...

CO5. Cung cấp kiến thức về không gian văn hóa Việt Nam: văn hóa Tây Bắc, văn hóa Việt Bắc, văn hóa châu thổ Bắc bộ, văn hóa Trung bộ, văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam bộ.

*** Kỹ năng:**

CO6. Tìm kiếm, thu thập và xử lý tư liệu một cách khách quan khoa học

CO7. Nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc. Nhìn nhận đánh giá đúng một hiện tượng, một giá trị văn hóa (cả vật thể và phi vật thể) cụ thể nhằm vận dụng vào trong học tập của bản thân

CO8. Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải thích và đánh giá các sự kiện, các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong thực tiễn đời sống

CO9. Kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận, phản biện....

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO10: Tích cực, hợp tác trong nhóm học tập và trong trình bày các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	- Giải thích được các khái niệm, thuật ngữ về văn hóa và văn hóa học	PLO2, PLO4
	CLO2	-Nắm được đặc trưng, chức năng của văn hóa, loại hình văn hóa	PLO2, PLO4
	CLO3	- Nhận thức được tiến trình văn hóa Việt Nam: thời tiền sử và sơ sử, thiên niên kỷ đầu công nguyên, thời tự chủ, thời Pháp thuộc...	PLO3, PLO4
CO2	CLO4	- Nhận thức được về vũ trụ: triết lý âm dương, mô hình tam tài- ngũ hành; văn hóa nhận thức về con người: con người tự nhiên, con người xã hội.	PLO4
CO3	CLO5	- Hiểu rõ văn hóa đời sống tập thể: tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia, tổ chức đô thị. Hiểu văn hóa đời sống cá nhân: tín ngưỡng, phong tục, văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật thanh sắc và hình khối	PLO4
CO4	CLO6	-Hiểu được văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: ăn, mặc, ở và đi lại... và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo...	PLO4
CO5	CLO7	-Nhận biết được các vùng văn hóa: văn hóa Tây Bắc, văn hóa Việt Bắc, văn hóa châu thổ Bắc bộ, văn hóa Trung bộ, văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam bộ.	PLO4
	Kỹ năng		

CO6	CLO8	- Tìm kiếm, thu thập và xử lý tư liệu một cách khách quan khoa học	PLO9
CO7	CLO9	- Nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc	PLO9
	CLO10	- Nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về văn hóa hữu hình	PLO9
	CLO11	- Nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa vô hình	PLO12
CO8	CLO12	- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải thích và đánh giá các sự kiện, các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong thực tiễn đời sống	PLO13
	CLO13	- Vận dụng văn hóa nhận thức về vũ trụ, văn hóa nhận thức về con người vào thực tiễn đời sống	PLO12
	CLO14	- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải thích và đánh giá văn hóa tổ chức đời sống tập thể.	PLO12
	CLO15	- Hiểu được văn hóa tổ chức đời sống cá nhân	PLO12
CO9	CLO16	- Có kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận, phản biện....	PLO13
	CLO17	- Kỹ năng thuyết trình lễ hội văn hóa dân gian Việt Nam	PLO12
	CO18	-Luyện kỹ năng thuyết trình vùng văn hóa : Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ	PLO13
	CLO19	Luyện kỹ năng thuyết trình vùng văn hóa : Tây Nguyên, trung Bộ, nam Bộ	PLO12
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO10	CLO20	Tự giác trong học tập ở lớp, nhiệt tình, tích cực học tập, chăm chỉ và chủ động hoàn thành các bài tập ở nhà.	PLO14, PLO15
	CLO21	Hợp tác, tự tin khi thực hiện các hoạt động theo nhóm hoặc làm việc độc lập.	PLO14, PLO15

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
151901	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	1	1	3	0	0	0	0	1	0
		PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15					
		0	1	1	1	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

5

CHƯƠNG 1: Khái quát về văn hóa
3 tiết (2LT; 1BT)

- 1.1. Văn hóa học và văn hóa
 - 1.1.1. Văn hóa học là gì?
 - 1.1.1.1. Con người chủ / khách thể của văn hóa
 - 1.1.1.2. Con người Việt Nam chủ / khách thể của văn hóa Việt Nam
 - 1.1.2. Khái niệm văn hóa và các khái niệm khác
 - 1.1.2.1. Khái niệm văn hóa
 - 1.1.2.2. Khái niệm văn minh
 - 1.1.2.3. Khái niệm văn hiến
 - 1.1.2.4. Khái niệm văn vật
- 1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa
 - 1.2.1. Đặc trưng của văn hóa
 - 1.2.2. Chức năng của văn hóa
- 1.3. Loại hình văn hóa
 - 1.3.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp
 - 1.3.2. Loại hình văn hóa gốc du mục

CHƯƠNG 2 : Tiến trình văn hóa Việt Nam
6 tiết (4LT; 2BT)

- 2.1. Văn hóa Việt nam thời tiền sử và sơ sử
 - 2.1.1. Thời tiền sử
 - 2.1.2. Thời sơ sử
 - 2.1.2.1. Văn hóa Đông Sơn
 - 2.1.2.2. Văn hóa Sa Huỳnh
 - 2.1.2.3. Văn hóa Đông Nai
- 2.2. Văn hóa Việt nam thiên niên kỷ đầu công nguyên
 - 2.2.1. Văn hóa ở châu thổ Bắc bộ thời Bắc thuộc
 - 2.2.1.1. Bối cảnh lịch sử văn hóa
 - 2.2.1.2. Tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt – Hán
 - 2.2.1.3. Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt - Ấn
 - 2.2.1.4. Giữ gìn, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc
 - 2.2.2. Văn hóa Chăm Pa
 - 2.2.2.1. Đặc điểm tự nhiên
 - 2.2.2.2. Đặc trưng văn hóa
 - 2.2.3. Văn hóa Óc eo
- 2.3. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ
 - 2.3.1. Bối cảnh lịch sử văn hóa
 - 2.3.2. Đặc trưng văn hóa thời Lý- Trần
 - 2.3.2.1. Văn hóa vật chất
 - 2.3.2.2. Hệ tư tưởng
 - 2.3.2.3. Nền văn hóa bác học hình thành và phát triển
 - 2.3.3. Đặc trưng văn hóa thời Minh thuộc và Hậu Lê
 - 2.3.4. Đặc sắc của văn hóa Đại Việt từ thế kỷ XVI đến 1858
 - 2.3.4.1. Hệ tư tưởng
 - 2.3.4.2. Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ
 - 2.3.4.3. Đảng Trong và sự phát triển văn hóa Việt
 - 2.3.4.4. Sự phát triển của các ngành văn hóa nghệ thuật
- 2.4. Văn hóa Việt nam từ 1858 đến 1945
 - 2.4.1. Tình hình xã hội Việt Nam giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX
 - 2.4.2. Đặc trưng văn hóa
- 2.5. Văn hóa Việt nam từ 1945 đến nay.
 - 2.5.1. Bối cảnh lịch sử

2.5.2. Sự phát triển văn hóa

CHƯƠNG 3: Văn hóa nhận thức

6 tiết (4LT; 2BT)

- 3.1. Văn hóa nhận thức về vũ trụ
 - 3.1.1. Triết lý âm dương
 - 3.1.1.1. Bản chất và khái niệm
 - 3.1.1.2. Hai quy luật của triết lý âm dương
 - 3.1.1.3. Triết lý âm dương và tính cách người Việt
 - 3.1.1.4. Hai hướng phát triển của triết lý âm dương
 - 3.1.2. Mô hình Tam tài – Ngũ hành
 - 3.1.2.1. Tam tài
 - 3.1.2.2. Những đặc trưng của ngũ hành
 - 3.1.2.3. Hà Đồ- cơ sở của ngũ hành
 - 3.1.2.4. Ngũ hành theo Hà Đồ
 - 3.1.2.5. Ứng dụng của ngũ hành
 - 3.1.3. Lịch âm dương và hệ can chi
 - 3.1.3.1. Lịch và lịch âm dương
 - 3.1.3.2. Hệ đếm can chi
- 3.2. Văn hóa nhận thức về con người
 - 3.2.1. Nhận thức về con người tự nhiên
 - 3.2.2. Nhận thức về con người xã hội

CHƯƠNG 4: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân

6 tiết (4LT; 2BT)

- 4.1. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể
 - 4.1.1. Tổ chức nông thôn
 - 4.1.1.1. Tổ chức nông thôn theo huyết thống: Gia đình và gia tộc
 - 4.1.1.2. Tổ chức nông thôn theo địa bàn cư trú: Xóm, làng
 - 4.1.1.3. Tổ chức nông thôn theo nghề nghiệp và sở thích: Phường, Hội
 - 4.1.1.4. Tổ chức nông thôn theo truyền thống nam giới: Giáp
 - 4.1.1.5. Tổ chức nông thôn theo đơn vị hành chính: Thôn và xã
 - 4.1.1.6. Tính cộng đồng và tính tự trị- hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam
 - 4.1.1.7. Làng Nam bộ
 - 4.1.2. Tổ chức quốc gia
 - 4.1.2.1. Từ Làng đến Nước và việc quản lý xã hội
 - 4.1.2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp
 - 4.1.3. Tổ chức đô thị
 - 4.1.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia
 - 4.1.3.2. Đô thị trong quan hệ với nông thôn
 - 4.1.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống
- 4.2. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân
 - 4.2.1. Tín ngưỡng
 - 4.2.1.1. Tín ngưỡng phồn thực
 - 4.2.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
 - 4.2.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người
 - 4.2.2. Phong tục
 - 4.2.2.1. Phong tục hôn nhân
 - 4.2.2.2. Phong tục tang ma
 - 4.2.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội
 - a. Phong tục lễ tết
 - b. Phong tục lễ hội
 - 4.2.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ

4.2.3.1. Các đặc trưng của văn hóa gốc nông nghiệp thể hiện trong quan hệ giao tiếp của người Việt

4.2.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam

4.2.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối

4.2.4.1. Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc và hình khối

4.2.4.2. Tính biểu cảm của nghệ thuật thanh sắc và hình khối

4.2.4.3. Tính tổng hợp của nghệ thuật thanh sắc và hình khối

4.2.4.4. Tính linh hoạt của nghệ thuật thanh sắc và hình khối

CHƯƠNG 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội 6 tiết (4LT; 2 BT)

5.1. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên

5.1.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: Ăn

5.1.1.1. Quan niệm về ăn và đầu ấn nông nghiệp trong cơ cấu bữa ăn

5.1.1.2. Tính tổng hợp trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt

5.1.1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt

5.1.1.4. Tính biện chứng linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt

5.1.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc

Việt 5.1.2.1. Quan niệm về mặc và đầu ấn nông nghiệp trong chất liệu may mặc của người

5.1.2.2. Trang phục trong các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc

5.1.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Ở và đi lại

5.1.3.1. Ứng phó với khoảng cách: Giao thông

5.1.3.2. Ứng phó với thời tiết, khí hậu: Nhà cửa, kiến trúc

5.2. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội:

5.2.1. Giao lưu với Ấn Độ: Văn hóa Chăm

5.2.1.1. Bà la môn giáo và ba nguồn gốc của văn hóa Chăm

5.2.1.2. Những đặc điểm của kiến trúc Chăm

5.2.1.3. Những đặc điểm của điêu khắc Chăm

5.2.1.4. Sức mạnh bản địa hóa ảnh hưởng Bà la môn giáo

5.2.2. Phật giáo và Văn hóa Việt nam

5.2.2.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật giáo

5.2.2.2. Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam

5.2.2.3. Những đặc điểm của Phật giáo Việt Nam

5.2.3. Nho giáo và Văn hóa Việt nam

5.2.3.1. Sự hình thành của Nho giáo

5.2.3.2. Nội dung cơ bản và sự phát triển của Nho giáo

5.2.3.3. Quá trình thâm nhập, phát triển và những đặc điểm của Nho giáo Việt Nam

5.2.4. Đạo giáo và Văn hóa Việt nam

5.2.4.1. Từ Đạo gia đến Đạo giáo

5.2.4.2. Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam

5.2.5. Phương Tây với Văn hóa Việt nam

5.2.5.1. Ki tô giáo với văn hóa Việt Nam

5.2.5.2. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam

5.2.6. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: tính dung hợp

5.2.6.1. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội: quân sự, ngoại giao

5.2.6.2. Dung hợp văn hóa khu vực: Tam giáo

5.2.6.3. Dung hợp văn hóa Đông Tây: Từ lăng Khải Định đến đạo Cao Đài

5.2.6.4. Tích hợp văn hóa Đông Tây với lí tưởng cộng sản: Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí

Minh

CHƯƠNG 6: Các vùng văn hóa Việt Nam

3 tiết (2LT; 1BT)

- 6.1. Vùng văn hóa Tây Bắc
 - 6.1.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - 6.1.2. Đặc điểm vùng văn hóa Tây Bắc.
- 6.2. Vùng Văn hóa Việt Bắc
 - 6.2.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - 6.2.2. Đặc điểm vùng văn hóa Việt Bắc.
- 6.3. Vùng Văn hóa châu thổ Bắc
 - 6.3.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên và xã hội
 - 6.3.2. Đặc điểm vùng văn hóa Châu thổ Bắc Bộ
- 6.4. Vùng Văn hóa trung Bộ
 - 6.4.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - 6.4.2. Đặc điểm vùng văn hóa Trung Bộ
 - 6.4.2.1. Đặc điểm chung của vùng văn hóa Trung Bộ
 - 6.4.2.2. Tiểu vùng văn hóa xứ Huế
- 6.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên
 - 6.5.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - 6.5.2. Đặc điểm vùng văn hóa Tây Nguyên
- 6.6. Vùng văn hóa Nam Bộ
 - 6.6.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên và xã hội
 - 6.6.2. Đặc điểm vùng văn hóa Nam Bộ

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc

Trần Quốc Vượng, 2003, *Cơ sở Văn hóa Việt Nam-2003* – Nhà xuất bản Giáo dục

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1 Trần Ngọc Thêm, 2000 - *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* - Nhà xuất bản Giáo dục

8.2.2. Nguyễn Hữu Thức, 2005 *Về văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa-* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

8.2.3. Thượng tọa Thích Thanh Duệ, 2007- *Phong tục và lễ nghi cổ truyền Việt Nam*

- Nhà xuất bản Văn hóa thông tin

9. Kế hoạch tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tín chỉ 1							
Chương 1: Khái quát về văn hóa	2	1				6	9
Chương 2: Tiến trình văn hóa Việt Nam	2	1				6	9
Chương 2: Tiến trình văn hóa Việt Nam	2	1				6	9
Chương 3: Văn hóa nhận thức	2	1				6	9
Chương 3: Văn hóa nhận thức	2	1				6	9
Tín chỉ 2							

Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân	2	1				6	9
Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân	2	1				6	9
Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội	2	1				6	9
Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội	2	1				6	9
Chương 6: Các vùng văn hóa Việt Nam	2	1				6	9
Tổng cộng	20	10				60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	Chương 1: Khái quát về văn hóa 1.1. Văn hóa học và văn hóa 1.1.1. Văn hóa học là gì? 1.1.2. Khái niệm văn hóa và các khái niệm khác 1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa 1.2.1. Đặc trưng của văn hóa 1.2.2. Chức năng của văn hóa 1.3. Loại hình văn hóa 1.3.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp 1.3.2. Loại hình văn hóa gốc du mục	Lí thuyết	2	Đọc mục IV trong giáo trình (tr. 23) và trả lời câu hỏi: Nêu một số cách hiểu khác nhau về văn hóa. Định nghĩa văn hóa của UNESCO?	CLO1 CLO2 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO16 CLO20
	1) Phân biệt khái niệm văn hóa với các khái niệm khác 2) Nêu các thành tố văn hóa cơ bản	Bài tập	1	SV chuẩn bị sau đó thảo luận	
	Cấu trúc của văn hóa: Văn hóa sản xuất, văn hóa vũ trang, văn hóa sinh hoạt	Tự học, tự NC	6	Đọc tr. 104-113, trả lời câu hỏi: Các thiết chế của văn hóa? Nội dung chính của hương ước?	
2	Chương 2: Tiến trình văn hóa Việt Nam 2.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử 2.1.1. Thời tiền sử 2.1.2. Thời sơ sử	Lí thuyết	2	Đọc tr. 114 – tr132, Trình bày đặc điểm của văn hóa Việt Nam thời tiền sử Trình bày những nét đặc trưng của văn hóa Chăm Pa,	CLO3 CLO8 CLO12 CLO16 CLO20

	<p>2.2. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên</p> <p>2.2.1. Văn hóa ở châu thổ Bắc bộ thời Bắc thuộc</p> <p>2.2.1.1. Bối cảnh lịch sử văn hóa</p> <p>2.2.1.2. Tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt – Hán</p> <p>2.2.1.3. Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt - Ấn</p> <p>2.2.1.4. Giữ gìn, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc</p>			<p>văn hóa Óc eo, văn hóa Đông Nai?</p> <p>Lấy ví dụ ở văn hóa giai đoạn này chứng tỏ: Thế nào là giao lưu văn hóa cưỡng bức; thế nào là giao lưu văn hóa tự nguyện</p>	
	<p>Văn hóa Đông Sơn</p> <p>Văn hóa Sa Huỳnh</p> <p>Văn hóa Đông Nai</p>	Bài tập	1	Hình thành các nhóm thảo luận và trình bày trước lớp.	
	<p>- Tìm hiểu về địa hình địa lý, khí hậu, cơ quan hành chính của nước Việt Nam</p> <p>-Tìm hiểu tên nước Việt Nam qua các triều đại</p>	Tự học, tự NC	6	SV tìm hiểu tham khảo tài liệu trên mạng xã hội	
3	<p>Chương 2: Tiến trình văn hóa Việt Nam</p> <p>2.3. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ</p> <p>2.3.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>2.3.2. Đặc trưng văn hóa Lý- Trần</p> <p>2.3.3. Đặc trưng văn hóa Minh thuộc và Hậu Lê</p> <p>2.3.4. Đặc sắc văn hóa Đại Việt từ thế kỷ 16 đến 1858</p> <p>2.4. Văn hóa Việt Nam từ 1858 đến 1945</p> <p>2.4.1. Tình hình xã hội Việt Nam giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX</p>	Lí thuyết	2	<p>Đọc tr.163- 181, trả lời câu hỏi: Trình bày hiểu biết về giáo dục thời Lý- Trần, thời Minh thuộc và Hậu Lê?</p> <p>Đọc các tài liệu liên quan trên thư viện và mạng internet</p>	CLO3 CLO8 CLO12 CLO16 CLO20
	<p>-Văn hóa Chăm Pa: Đặc điểm tự nhiên; đặc trưng văn hóa</p> <p>-Văn hóa Óc eo</p>	Bài tập	1	Đọc giáo trình cơ sở văn hóa VN của tác giả Trần Quốc Vượng	
	<p>2.4.2. Đặc trưng văn hóa</p> <p>2.5. Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay</p>	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu tham khảo trên mạng	
4	<p>Chương 3: Văn hóa nhận thức</p> <p>3.1. Văn hóa nhận thức về vũ trụ</p> <p>3.1.1. Triết lí âm dương</p> <p>3.1.1.1. Bản chất và khái niệm</p> <p>3.1.1.2. Hai quy luật của triết lí âm dương</p> <p>3.1.1.3. Triết lí âm dương và tính cách người Việt</p> <p>3.1.1.4. Hai hướng phát triển của triết lí âm dương</p> <p>3.1.2. Mô hình Tam tài – Ngũ hành</p> <p>3.1.2.1. Tam tài</p> <p>3.1.2.2. Những đặc trưng của ngũ hành</p>	Lí thuyết	2	<p>Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi:</p> <p>Hãy giới thiệu về khái niệm âm dương và nêu hai quy luật của nó; khái niệm tam tài – ngũ hành và mối quan hệ giữa chúng</p> <p>Nêu mối quan hệ giữa các khái niệm Âm dương- tam tài – ngũ hành.</p>	CLO4 CLO8 CLO13 CLO16 CLO20

	3.1.2.3. Hà Đồ- cơ sở của ngũ hành 3.1.2.4. Ngũ hành theo Hà Đồ 3.1.2.5. Ứng dụng của ngũ hành				
	1. Ứng dụng của ngũ hành Cách tính lịch âm dương của người Việt	Bài tập	1	Hình thành 6 nhóm trong lớp, mỗi nhóm giải quyết 1 câu hỏi khác nhau và thuyết trình trước lớp	
	Tìm hiểu thêm về triết lý âm dương, lịch, hệ can chi	Tự học, tự nghiên cứu	6	Tìm hiểu trên các tài liệu liên quan trên mạng, giáo trình, các tài liệu tham khảo....	
5	Chương 3: Văn hóa nhận thức 3.1.3. Lịch âm dương và hệ can chi 3.1.3.1. Lịch và lịch âm dương 3.1.3.2. Hệ đếm can chi 3.2. Văn hóa nhận thức về con người 3.2.1. Nhận thức về con người tự nhiên 3.2.2. Nhận thức về con người xã hội	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: Cho biết sự khác biệt giữa lịch âm dương và các loại lịch khác? Hãy giải thích quan niệm cổ truyền cho rằng con người là một vũ trụ thu nhỏ?	CLO4 CLO8 CLO13 CLO16 CLO20
	Thế nào là hệ đếm can chi và cách đổi tà năm dương lịch sang năm can chi và ngược lại?	Bài tập	1	Hình thành làm việc nhóm và thuyết trình trước lớp	
	-Tìm hiểu về mặt tự nhiên của con người -Tìm hiểu về mặt xã hội của con người	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu : chỉ ra sự nhận thức về con người tự nhiên trong mối quan hệ với triết lý âm dương	
6	Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân 4.1 Văn hóa tổ chức đời sống tập thể 4.1.1. Tổ chức nông thôn 4.1.2. Tổ chức quốc gia 4.1.2.1. Từ Làng đến Nước 4.1.3. Tổ chức đô thị 4.2. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 4.2.1. Tín ngưỡng 4.2.2. Phong tục 4.2.2.1. Phong tục hôn nhân 4.2.2.2. Phong tục tang ma 4.2.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: Nêu các nguyên tắc tổ chức nông thôn? Hãy trình bày những ưu và nhược điểm trong tính cách VN bắt nguồn từ tính cộng đồng và tự trị?	CLO5 CLO8 CLO14 CLO15 CLO16 CLO20
	Phân biệt làng Bắc bộ và làng Nam bộ Tính cộng đồng và tính tự trị- hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam	Bài tập	1	Chuẩn bị cá nhân và thuyết trình trước lớp về hai vấn đề đã nêu?	

	4.1.2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu tham khảo, giáo trình, buổi sau trả lời trước lớp	
7	Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân 4.2.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.2.3.1. Các đặc trưng của văn hóa gốc nông nghiệp thể hiện trong quan hệ giao tiếp của người Việt 4.2.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam 4.2.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: 1.Nêu cách ứng xử của người Việt Nam qua giao tiếp bằng ngôn từ, giao tiếp khi ăn uống 2.Nêu những đặc trưng của văn hóa VN thể hiện qua thể loại chèo?	CLO5 CLO8 CLO14 CLO15 CLO16 CLO20
	-Tính cân đối của nghệ thuật ngôn từ: biểu hiện qua thơ ca, câu đối, văn biền ngẫu.. - Nghệ thuật thanh sắc, hình khối: âm nhạc, hội họa	Bài tập	1	Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận, thuyết trình; Đại diện các nhóm lên trình bày trước toàn lớp.	
	4.2.4.3. Tính tổng hợp của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.2.4.4. Tính linh hoạt của nghệ thuật thanh sắc và hình khối	Tự học, tự NC	6	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: Nêu những đặc trưng của văn hóa VN thể hiện qua đàn bầu?	
8	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội 5.1. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 5.1.1.Tận dụng môi trường tự nhiên: Ăn 5.1.1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong cơ cấu bữa ăn 5.1.1.2.Tính tổng hợp trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.1.3.Tính cộng đồng và tính mục thước trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.1.4.Tính biến chứng linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.2.Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc 5.1.2.1.Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong chất liệu may mặc của người Việt	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: Trình bày cơ cấu bữa ăn truyền thống và các đặc trưng cơ bản trong văn hóa ăn uống của người Việt Nam? Đặc điểm cơ bản trong chất liệu và cách thức may mặc truyền thống của người Việt Nam?	CLO6 CLO8 CLO16 CLO20
	Cơ cấu bữa ăn truyền thống của người Việt: đồ uống- hút Trang phục của người Việt qua các thời đại: đồ mặc phía trên, đồ mặc	Bài tập	1	Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận, thuyết trình; Đại diện các nhóm lên trình bày trước toàn lớp.	

	phía dưới, thắt lưng, khăn đội đầu; trang phục của nam, nữ....				
	5.1.2.2. Trang phục Việt Nam qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu, chuẩn bị ở nhà, nộp bản viết tay cho GV	
9	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội 5.1.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Ở và đi lại 5.2. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: 5.2.1. Giao lưu với Ấn Độ: Văn hóa Chăm 5.2.2. Phật giáo và Văn hóa Việt nam 5.2.3. Nho giáo và Văn hóa Việt Nam 5.2.4. Đạo giáo và Văn hóa Việt Nam 5.2.5. Phương Tây với Văn hóa Việt Nam 5.2.6. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: tính dung hợp	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tham khảo CSVHVN của Trần Ngọc Thêm và trả lời câu hỏi: 1. Trình bày đặc điểm của kiến trúc ngôi nhà Việt Nam cổ truyền? 2. Trình bày hệ thống kiến trúc Chăm	CLO6 CLO8 CLO16 CLO20
	-Sưu tầm những bài thơ, ca dao nói về vấn đề giao thông đường thủy của người Việt xưa - Cách chọn đất làm nhà và cách bài trí ngôi nhà của người Việt ngày nay.	Bài tập	1	Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận, thuyết trình; Đại diện các nhóm lên trình bày trước toàn lớp.	
	Dung hợp văn hóa Đông Tây: Từ lăng Khải Định đến đạo Cao Đài Tích hợp văn hóa Đông Tây với lý tưởng cộng sản: Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu và chuẩn bị câu hỏi: Kiến trúc lăng Khải Định? Tiểu sử Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh?	
10	Chương 6: Các vùng văn hóa Việt Nam 6.1. Vùng văn hóa Tây Bắc 6.2. Vùng Văn hóa Việt Bắc 6.3. Vùng Văn hóa châu thổ Bắc 6.4. Vùng Văn hóa Trung Bộ 6.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên 6.6. Vùng văn hóa Nam Bộ	Lí thuyết	2	Đọc giáo trình tr 213- 233, trả lời câu hỏi: Trình bày những đặc điểm của vùng văn hóa Châu thổ Bắc bộ? TB? NB? TN?	CLO7 CLO8 CLO9 CLO12 CLO16 CLO18 CLO19 CLO20
	Đặc điểm nhà ở, lễ tết, lễ hội của vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc Trình bày một số lễ hội đặc sắc của vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc: Lễ hội Hoa Ban, lễ hội chợ Tình....	Bài tập	1	Chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một lễ hội và thuyết trình trước lớp? Nộp lại bằng bản viết tay?	
	Tự ôn tập thi KTHP	Tự học, tự NC	6	Câu hỏi ôn tập theo sự hướng dẫn của GV	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Sinh viên buộc phải đọc mục tiêu và tài liệu yêu cầu cho từng tuần. Trong trường hợp không đọc, sinh viên sẽ được coi nghỉ học buổi đó.
- Mỗi nhóm sinh viên hoàn thành một thuyết trình nhóm/ bài tập hoặc tiểu luận... theo yêu cầu của giảng viên.
- Sinh viên nộp các bài tập/tiểu luận đúng hạn, nếu không sinh viên đó sẽ bị trừ 25% tổng số điểm bài đó
- Nghiêm cấm mọi hình thức đạo văn. Nếu bị phát hiện, sinh viên đó sẽ bị hủy toàn bộ điểm của bài tập/bài tiểu luận đó.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến văn hóa Việt Nam: khái niệm, tiến trình văn hóa, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử, các vùng văn hóa ...	CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5;CLO6;CLO7;CLO8;CLO19;CLO20;CLO10;CLO11;CLO12;CLO13;CLO14;CLO15
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện hình thành kĩ năng dạy học trực tiếp trên lớp cho sinh viên	CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5;CLO6;CLO7;CLO8;CLO20;CLO21
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5;CLO6;CLO8;CLO13;CLO14;CLO20;CLO21

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Thuyết trình theo nhóm

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện và thể hiện kĩ năng nói của người học đối với học phần.
- Nội dung: Mỗi nhóm sinh viên được chuẩn bị 01 chủ đề thuyết trình theo nội dung các bài học từ đầu học kỳ, giảng viên bắt đầu kiểm tra thuyết trình trên lớp vào thời điểm giữa học phần, sinh viên nhận câu hỏi theo sự phân công của giảng viên, chuẩn bị và thuyết trình trong vòng 10-15 phút, sinh viên hỏi, giảng viên hỏi thêm 5-8 câu hỏi.

11.2.2. Kiểm tra giữa học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong nửa đầu của học phần.
- Nội dung: Sinh viên phải thể hiện được kiến thức về văn hóa, con người Việt nam; văn hóa nhận thức về vũ trụ, con người...
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 45-60 phút.

11.2.3. Thi kết thúc học phần(50%)

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.
- Nội dung: Kiểm tra kiến thức văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân; không gian văn hóa Việt Nam
- Hình thức đánh giá: Thi viết không được sử dụng tài liệu (theo hình thức và quy định đánh giá hiện hành, bài thi KTHP tự luận. Được đánh giá theo thang điểm 10 đúng theo barem điểm có trong đáp án đề thi)

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Chỉ cho phép 2 điểm đánh giá quá trình đạt từ 5 trở lên, điểm thi KTHP phải đạt từ 5 trở lên. Trường hợp không đạt thì phải học lại cả học phần.

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Kiểm tra giữa học phần	25	CLO1;CLO2;CLO3;CLO8;CLO19; CLO20;CLO10;CLO11;CLO12; CLO13;CLO14;CLO15
	Bài tập thuyết trình nhóm	25	CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5; CLO6;CLO7;CLO8;CLO20;CLO21
Thi kết thúc học phần		50	CLO4;CLO5;CLO6;CLO7;CLO8 ;CLO19;CLO20;CLO10;CLO11; CLO12;CLO13;CLO14;CLO15

- Rubric của từng thành phần đánh giá trong bảng:

i. Rubric đánh giá điểm thuyết trình

Nội dung đánh giá	Điểm Tối đa
Nội dung trình bày	5
Phong cách trình bày	3
Chuẩn bị	2
Tổng điểm	10

ii. Rubric đánh giá bài kiểm tra GHP

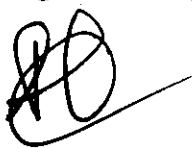
Tiêu chí	Tỷ lệ %	Mức điểm
Xác định nội dung lí thuyết đã học.	40	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án
Kiến thức lí thuyết + vận dụng thấp	30	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án
Kiến thức lí thuyết + vận dụng cao	30	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án

iii. Rubric đánh giá bài kiểm tra KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ %	Mức điểm
Xác định nội dung lí thuyết đã học.	20	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án
Kiến thức lí thuyết đã học, có vận dụng thấp	40	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án
Kiến thức lí thuyết đã học, có vận dụng cao	40	Mỗi ý đúng 0.5 điểm theo đáp án

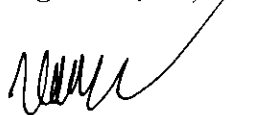
12. Ngày hoàn thành đề cương: 15/08/2022

TRƯỞNG KHOA
(Kí, ghi rõ họ tên)



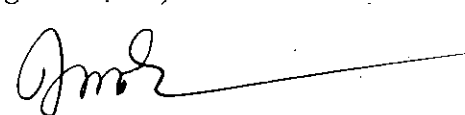
Đỗ Phúc Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Bích Vân

GIẢNG VIÊN
(Kí, ghi rõ họ tên)



Mai Thị Phương Quỳnh